

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

**HÀ MINH HIẾU**

**ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN  
TẠI HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

**Hà Nội - 2021**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

**HÀ MINH HIẾU**

**ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN  
TẠI HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

**Chuyên ngành**

**: Quản trị nhân lực**

**Mã số**

**: 8340404**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN THỊ MINH HÒA**

**Hà Nội - 2021**

## LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan bài luận văn thạc sỹ là công trình nghiên cứu thực sự nghiêm túc của bản thân em, được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết, kiến thức chuyên ngành, nghiên cứu khảo sát tình hình thực tế tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Yên Châu, dưới sự hướng dẫn của giảng viên TS. Nguyễn Thị Minh Hòa.

Các số liệu, bảng biểu sử dụng trong bài luận văn là trung thực, được Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Yên Châu cho phép sử dụng. Các nhận xét, đề xuất được rút ra từ quan sát thực tiễn, kiến thức và kinh nghiệm của bản thân.

Em xin khẳng định, lời cam đoan này là hoàn toàn đúng sự thật!

Em xin chân thành cảm ơn!

*Yên Châu, ngày 04 tháng 11 năm 2021*

**Sinh viên**

Hà Minh Hiếu

## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành bài luận văn thạc sỹ, em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô Trường Đại học Lao động Xã hội đã tận tình truyền đạt kiến thức trong suốt 2 năm học, giúp em có kiến thức, nền tảng để hoàn thành bài luận văn thạc sỹ này và làm hành trang quý báu cho em tự tin trong nghề nghiệp của bản thân trong tương lai.

Đặc biệt, em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc tới giảng viên TS. Nguyễn Thị Minh Hòa đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ em trong suốt thời gian hoàn thành Luận văn thạc sỹ này.

Em xin chân thành cảm ơn!

*Yên Châu, ngày 04 tháng 11 năm 2021*

**Sinh viên**

Hà Minh Hiếu

## MỤC LỤC

|                                                                                    |     |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| LỜI CAM ĐOAN .....                                                                 | i   |
| LỜI CẢM ƠN .....                                                                   | ii  |
| MỤC LỤC .....                                                                      | iii |
| DANH MỤC VIẾT TẮT .....                                                            | vi  |
| DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU .....                                                    | vii |
| LỜI MỞ ĐẦU .....                                                                   | 1   |
| CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN .....               | 7   |
| 1.1 Một số khái niệm cơ bản .....                                                  | 7   |
| 1.1.1 Lao động nông thôn .....                                                     | 7   |
| 1.1.2 Nghề .....                                                                   | 8   |
| 1.1.3 Đào tạo nghề .....                                                           | 9   |
| 1.1.4 Đào tạo nghề cho lao động nông thôn .....                                    | 10  |
| 1.2 Nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn .....                             | 12  |
| 1.2.1 Tuyên truyền tư vấn học nghề và việc làm cho lao động nông thôn .....        | 12  |
| 1.2.2 Xác định nhu cầu đào tạo nghề .....                                          | 12  |
| 1.2.3 Lập kế hoạch đào tạo.....                                                    | 14  |
| 1.2.4 Tổ chức đào tạo nghề .....                                                   | 21  |
| 1.2.5 Đánh giá kết quả đào tạo nghề .....                                          | 22  |
| 1.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn .....             | 23  |
| 1.3.1 Cán bộ quản lý đào tạo nghề.....                                             | 23  |
| 1.3.2 Chính sách của Nhà nước và địa phương .....                                  | 24  |
| 1.3.3 Nguồn tài chính đầu tư cho công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn..... | 24  |
| 1.3.4 Tốc độ đô thị hóa - công nghiệp hóa của địa phương.....                      | 24  |

|                                                                                                            |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1.3.5 Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương .....                                             | 25        |
| 1.3.6 Xã hội hóa về đào tạo nghề.....                                                                      | 25        |
| 1.3.7 Đặc điểm lao động nông thôn của địa phương .....                                                     | 25        |
| 1.3.8 Phối hợp của doanh nghiệp trong đào tạo nghề.....                                                    | 26        |
| 1.4 Kinh nghiệm đào tạo nghề tại một số địa phương và bài học rút ra cho huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La ..... | 26        |
| 1.4.1 Kinh nghiệm của một số địa phương .....                                                              | 26        |
| 1.4.2 Bài học kinh nghiệm rút ra về đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu.....                | 29        |
| <b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TẠI HUYỆN YÊN CHÂU .....</b>                   | <b>31</b> |
| 2.1 Tổng quan về huyện Yên Châu.....                                                                       | 31        |
| 2.2 Phân tích thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Yên Châu.....                       | 35        |
| 2.2.1 Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm cho lao động nông thôn ....                                | 35        |
| 2.2.2 Xác định nhu cầu đào tạo nghề .....                                                                  | 39        |
| 2.2.3 Lên kế hoạch đào tạo.....                                                                            | 42        |
| 2.2.4 Tổ chức thực hiện đào tạo nghề .....                                                                 | 52        |
| 2.2.5 Đánh giá kết quả đào tạo nghề.....                                                                   | 58        |
| 2.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu.....                       | 67        |
| 2.3.1 Cán bộ quản lý đào tạo nghề.....                                                                     | 67        |
| 2.3.2 Chính sách Nhà nước và địa phương .....                                                              | 69        |
| 2.3.3 Nguồn tài chính đầu tư đào tạo nghề cho lao động nông thôn .....                                     | 69        |
| 2.3.4 Tốc độ đô thị hóa - công nghiệp hóa của địa phương .....                                             | 70        |
| 2.3.5 Quy hoạch phát triển kinh tế địa phương .....                                                        | 71        |
| 2.3.6 Xã hội hóa về đào tạo nghề.....                                                                      | 71        |

|                                                                                                           |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 2.3.7 Đặc điểm lao động nông thôn của địa phương .....                                                    | 72        |
| 2.3.8 Phối hợp của doanh nghiệp trong đào tạo nghề.....                                                   | 72        |
| 2.4 Đánh giá chung .....                                                                                  | 74        |
| <b>CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN YÊN CHÂU ĐẾN NĂM 2025 .....</b> | <b>79</b> |
| 3.1 Phương hướng và mục tiêu phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu.....           | 79        |
| 3.1.1 Phương hướng phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu.....                     | 79        |
| 3.1.2 Mục tiêu về đào tạo nghề .....                                                                      | 81        |
| 3.2 Giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu.....                                     | 81        |
| 3.2.1 Tăng cường tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm cho lao động nông thôn.....                    | 81        |
| 3.2.2 Xác định chính xác nhu cầu đào tạo .....                                                            | 83        |
| 3.2.3 Xây dựng kế hoạch đào tạo hợp lý, hiệu quả.....                                                     | 84        |
| 3.2.4 Tổ chức đào tạo chặt chẽ, chính xác .....                                                           | 87        |
| 3.2.5 Nâng cao chất lượng đánh giá kết quả đào tạo nghề .....                                             | 88        |
| 3.2.6. Một số giải pháp khác .....                                                                        | 89        |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>                                                                                     | <b>96</b> |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>                                                                                 |           |
| <b>PHỤ LỤC</b>                                                                                            |           |

**DANH MỤC VIẾT TẮT**

| <b>TỪ VIẾT TẮT</b> | <b>NỘI DUNG ĐẦY ĐỦ</b>         |
|--------------------|--------------------------------|
| CNH - HĐH          | Công nghiệp hóa - hiện đại hóa |
| KT - XH            | Kinh tế - xã hội               |
| TBXH               | Thương binh xã hội             |
| TTDN               | Trung tâm dạy nghề             |
| UBND               | Ủy ban nhân dân                |



## DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

|                                                                                                                               |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bảng 2.1 Quy mô và cơ cấu dân số theo giới tính và thành thị/ nông thôn huyện Yên Châu.....                                   | 34 |
| Bảng 2.2 Quy mô và cơ cấu lực lượng lao động huyện Yên Châu theo ngành, nghề .....                                            | 34 |
| Bảng 2.3 Cơ cấu lao động huyện Yên Châu theo cấp trình độ đào tạo giai đoạn 2015 - 2020, % .....                              | 35 |
| Bảng 2.4 Các kênh tuyên truyền về học nghề và việc làm cho lao động nông thôn huyện Yên Châu năm 2020 .....                   | 36 |
| Bảng 2.5 Người lao động huyện Yên Châu biết được thông tin về đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo kênh truyền thông..... | 38 |
| Bảng 2.6. Số lao động nông thôn có nhu cầu học nghề huyện Yên Châu năm 2019 và 2020 .....                                     | 40 |
| Bảng 2.7. Nhu cầu lao động từ phía doanh nghiệp huyện Yên Châu.....                                                           | 41 |
| Bảng 2.8. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về mô hình đào tạo nghề .....                                              | 46 |
| Bảng 2.9. Đánh giá của học viên về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu.....                           | 47 |
| Bảng 2.10. Số lớp kế hoạch đào tạo nghề phân theo các xã tại huyện Yên Châu giai đoạn 2015 - 2020 .....                       | 48 |
| Bảng 2.11. Một số hình thức dạy nghề trên địa bàn huyện Yên Châu giai đoạn 2015 - 2020.....                                   | 50 |
| Bảng 2.12. Tổng kinh phí thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu giai đoạn 2015 - 2020.....              | 51 |
| Bảng 2.13. Số lớp đào tạo nghề được mở phân theo nghề huyện Yên Châu giai đoạn 2015 - 2020.....                               | 59 |
| Bảng 2.14. Kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại Yên Châu giai đoạn 2015 - 2020.....                                | 61 |
| Bảng 2.15. Lao động nông thôn được đào tạo nghề phân theo đối tượng .....                                                     | 62 |

|                                                                                                                      |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bảng 2.16. Tình hình việc làm của lao động sau đào tạo nghề huyện Yên Châu năm 2018 và năm 2020.....                 | 63 |
| Bảng 2.17. Tỷ lệ hộ gia đình có lao động sau khi học nghề theo mức kinh tế hộ .....                                  | 65 |
| Bảng 2.18. Đánh giá của các doanh nghiệp sử dụng lao động sau đào tạo nghề .....                                     | 66 |
| Bảng 2.19. Người sử dụng lao động đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của người lao động qua đào tạo nghề..... | 67 |
| Bảng 2.20. Tỷ lệ các doanh nghiệp hợp tác với các cơ sở đào tạo nghề .....                                           | 73 |

|                                                                                         |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Biểu đồ 2.1 Mức độ phù hợp của công việc với nghề được đào tạo của người lao động ..... | 64 |
| Biểu đồ 2.2. Tỷ lệ dân số khu vực thành thị huyện Yên Châu giai đoạn 2015 - 2019 .....  | 70 |

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Đất nước ta đang trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa mạnh mẽ, quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động cũng từ đó mà thay đổi theo hướng tích cực. Những chính sách thu hút đầu tư ngày càng được cải thiện, theo đó là hàng loạt diện tích đất nông nghiệp bị chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất công nghiệp và dịch vụ. Các khu công nghiệp và đô thị được hiện ra là thời điểm nông dân không còn đất canh tác. Từ đây, vấn đề đào tạo nghề cho lao động nông thôn được chú trọng hơn bao giờ hết. Bởi lẽ, chỉ khi chất lượng nguồn lao động nông thôn được cải thiện thì nguồn lao động mới có thể đáp ứng được nhu cầu của ngành nghề mới, công việc mới nói riêng và của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nói chung.

Hiện nay, đào tạo nghề là một vấn đề rất cấp thiết được toàn xã hội quan tâm nói chung và cho Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu nói riêng. Việc tạo ra nhiều nghề mới cho người dân là trách nhiệm của toàn xã hội khi mà Việt Nam gia nhập WTO thị trường của thế giới, tạo điều kiện cho người lao động mở rộng nhiều nghề mới để họ có thể phát triển hết khả năng của mình.

Yên Châu là một huyện có tỉ lệ giảm nghèo trong những năm gần đây đạt tỉ lệ cao và vững chắc. Huyện Yên Châu cũng là nơi được tỉnh Sơn La chọn là nơi xây dựng thí điểm mô hình xã nông thôn mới toàn diện. Một trong những thế mạnh của Yên Châu trong những năm vừa qua là đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và giảm hộ nghèo đồng bộ đến tất cả các xã, thị trấn trong toàn huyện. Để thực hiện các dự án công nghiệp trên địa bàn huyện sau khi chuyển đổi đã nhận tiền đền bù, phần thì chưa chuyển kịp theo phương thức mới trong sản xuất hoặc mất đất sản xuất; phần thì thất nghiệp

do chuyển đổi nghề mới làm cho đời sống giảm sút, kéo theo những tệ nạn đô thị bắt đầu tấn công vào các vùng nông thôn trong quá trình đô thị hóa nhanh.

Chính vì vậy, trong nhiều năm qua tại địa bàn, huyện Yên Châu đã tập trung cao độ cho chỉ đạo công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Sau nhiều năm triển khai, huyện Yên Châu đã có những đánh giá sơ bộ về kết quả công tác đào tạo nghề trên địa bàn. Tuy đã đạt được một số mục tiêu, chủ trương theo chỉ đạo, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề chưa đạt yêu cầu, chẳng hạn như: số lượng lớp đào tạo nghề được mở trên địa bàn còn khá ít (chỉ khoảng 2 - 3 lớp/ năm đào tạo trung bình khoảng 35 - 45 học viên/ lớp); Tỷ lệ học viên có việc làm phù hợp với ngành nghề sau đào tạo còn thấp (Trên tổng số 80 học viên đã ra tốt nghiệp được khảo sát tại 02 lớp mở tại xã Chiềng Sàng và xã Viêng Lán, tỉ lệ học viên kiếm được ngành nghề phù hợp sau đào tạo chỉ đạt 22/40 học viên tại xã Chiềng Sàng và 25/40 tại xã Viêng Lán đạt tỉ lệ khoảng 55% - 62,5%), một số chương trình đào tạo còn chưa sát với nhu cầu thực tế dẫn đến hiệu quả đào tạo chưa cao,... Những hạn chế, thiếu sót nói trên do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan tạo ra. Chính vì vậy, nghiên cứu đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Yên Châu, từ đó đưa ra những đánh giá, nhìn nhận khách quan, và đề xuất những giải pháp khả thi nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn, em quyết định chọn đề tài: **“Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La”**.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Tính đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến nội dung về việc làm và đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói chung và lao động nông thôn bị thu hồi đất nói riêng, cụ thể:

- Chu Đức Bình (2014), “Dạy nghề cho lao động nông thôn Việt Nam”, luận văn Thạc sĩ quản lý kinh tế, Hà Nội. Luận văn đã khái quát được một số

vấn đề lý luận và thực tiễn của công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, qua đó đánh giá thực trạng công tác đào tạo nghề nước ta, phân tích những thành công, hạn chế và nguyên nhân. Từ đó đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn Việt Nam.

- Tác giả Bùi Thị Ngọc Thoa (2017), trong bài viết: *“Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội”* đã đánh giá một cách khách quan thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Chương Mỹ, đồng thời chỉ ra những giải pháp để giải quyết khó khăn và đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện này.

- Tác giả Nguyễn Hồng Nhung (2017), trong bài viết: *“Đào tạo nghề cho lao động nông thôn - Thực trạng và giải pháp”* đã nêu ra một số kết quả bước đầu trong công tác đào tạo nghề cho lao động ở nước ta và đề cập đến một số hướng giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động. Những giải pháp mà tác giả đưa ra còn mang tính khái quát và chung chung. Bài viết có tính tham khảo hữu hiệu cho những nghiên cứu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn từng địa phương cụ thể.

- Tác giả Nguyễn Thị Thao (2021), Bài viết: *“Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn”* đã chỉ ra những mặt đạt được của đề án khi đưa vào triển khai thực hiện, tuy nhiên việc thực hiện Đề án ở khắp các tỉnh, thành phố vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập cần được khắc phục, chấn chỉnh và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện Đề án trong giai đoạn tiếp theo.

Đào tạo nghề ngày càng được xã hội quan tâm, đã có một số nghiên cứu về đổi mới và phát triển công tác dạy nghề ở nước ta, trong đó cũng nêu ra các mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cơ bản để phát triển công tác dạy nghề ở nước ta. Với đề tài đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã có nhiều

bài viết nghiên cứu, tuy nhiên nghiên cứu về ”Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La” chưa có.

### **3. Mục đích của đề tài**

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về đào tạo nghề cho lao động nông thôn;
- Đánh giá thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Yên Châu;
- Đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Yên Châu.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

- Đối tượng nghiên cứu: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Yên Châu.
- Phạm vi nghiên cứu:
  - + Về không gian: Tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La
  - + Về thời gian: Nghiên cứu thực trạng từ năm 2015 đến năm 2020; Đề xuất giải pháp và khuyến nghị tới năm 2025.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

- *Phương pháp điều tra*

*Điều tra bằng bảng hỏi:* Hỏi học viên đã tốt nghiệp và 06 doanh nghiệp có sử dụng lao động qua đào tạo nghề.

Việc phỏng vấn được bắt đầu từ giới thiệu mục đích cuộc thăm hỏi, các câu hỏi về tình hình chung và các câu hỏi liên quan đến nghề nghiệp lần lượt được đưa ra. Đối tượng phỏng vấn là người lao động sau học nghề.

- Tổng số phiếu phát ra là 110 phiếu
- Số phiếu thu về 105 phiếu
- Số phiếu hợp lệ 100 phiếu

Trong khi phỏng vấn về vấn đề lao động, việc làm, tác giả dành thời gian tìm hiểu mức độ chính xác và kiến thức kỹ thuật của người được phỏng vấn. Sau khi thảo luận xong tiến hành hỏi thăm công việc họ đang làm, sự thoả mãn về nghề nghiệp và mức thu nhập bình quân, chất lượng dạy nghề. Ngoài ra, các vấn đề về công tác triển khai đào tạo nghề, những khó khăn, vướng mắc còn gặp phải cũng được tác giả khai thác thông tin trong quá trình phỏng vấn.

Thu thập thông tin của các doanh nghiệp về mức độ phối hợp trong đào tạo nghề. Bảng hỏi chủ yếu liên quan tới các hoạt động phối hợp trong đào tạo nghề như: Tuyển sinh, tham gia giảng dạy, đầu tư trang, thiết bị,...

*- Phương pháp phân tích*

Trong quá trình phân tích tác giả chủ yếu dùng phương pháp thống kê mô tả các hiện tượng kinh tế xã hội bằng việc mô tả thông qua các chỉ tiêu tổng hợp như số tuyệt đối, số tương đối, bình quân. Ngoài mô tả mức độ phương pháp thống kê còn dùng để mô tả quá trình biến động và mối quan hệ giữa các hiện tượng. Phương pháp thống kê mô tả còn được dùng để so sánh và mô tả các hiện tượng trên cơ sở phân tổ, phân tích hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, hiệu quả môi trường của công tác dạy nghề, từ đó rút ra những kết luận, những nhận xét giúp cho công tác dạy nghề ngày càng được hoàn thiện hơn, đồng thời đưa ra những giải pháp hữu hiệu, phù hợp với công tác dạy nghề của địa phương.

*- Phương pháp thống kê so sánh*

Là so sánh một số chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường của các đào tạo và quản lý dạy nghề so với từng năm, so sánh giữa kết quả đạt được với bản kế hoạch đề ra từ đó tìm ra mô hình hiệu quả nhất và đề xuất những giải pháp trước mắt và lâu dài để phát triển đào tạo nghề.

*- Phương pháp chuyên gia*

Tác giả tham khảo ý kiến của các nhà khoa học, các cán bộ giáo viên dạy nghề, ý kiến của các nhà lãnh đạo địa phương về công tác dạy nghề để thu thập và phân tích đánh giá vấn đề được khách quan.

**6. Kết cấu của luận văn**

Kết cấu của luận văn thạc sỹ gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Chương 2: Thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Yên Châu

Chương 3: Giải pháp đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu đến năm 2025

**7. Những đóng góp mới của đề tài**

Đề tài phân tích, làm rõ thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Xác định những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân chính dẫn đến hạn chế trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Luận văn đề xuất một số giải pháp có tính khả thi nhằm góp phần tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.



## CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

### 1.1 Một số khái niệm cơ bản

#### 1.1.1 Lao động nông thôn

- Theo Giáo trình Kinh tế nông thôn của Hoàng Việt và Vũ Đình Thắng (2013): *Nông thôn* là vùng lãnh thổ rộng lớn thường bao quanh các đô thị (thành phố, thị trấn, khu công nghiệp), ở đó hoạt động nông nghiệp (nông, lâm, ngư nghiệp) đóng vai trò chủ yếu và quan trọng, cơ sở hạ tầng kém phát triển, trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, trình độ sản xuất hàng hóa thấp và mức sống của người dân thấp (Từ điển. Tuy nhiên, ở nông thôn những di sản văn hóa, phong tục tập quán cổ truyền phong phú. Như vậy, nông thôn có những đặc trưng sau:

+ Nông thôn là vùng lãnh thổ sinh sống của cộng đồng dân cư chủ yếu là nông dân, là vùng chủ yếu sản xuất nông nghiệp, ngoài ra còn có các hoạt động sản xuất và dịch vụ phục vụ chủ yếu cho nông nghiệp và cho cộng đồng nông thôn. Sản xuất chịu ảnh hưởng nhiều bởi điều kiện tự nhiên.

+ So với đô thị, nông thôn có cơ sở hạ tầng, trình độ sản xuất hàng hóa thấp hơn.

+ Nông thôn là vùng có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật thấp hơn đô thị. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân cũng thấp hơn.

- *Nguồn lao động nông thôn* là một bộ phận dân số sinh sống và làm việc ở nông thôn trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật (nam từ 16 đến 60 tuổi, nữ từ 16 đến 55 tuổi) có khả năng lao động.

Theo giáo trình Nguồn nhân lực của Nguyễn Tiệp (2007): “Lao động nông thôn là một bộ phận của nguồn nhân lực quốc gia, bao gồm toàn bộ những người có khả năng lao động (lao động đang làm việc trong nền kinh tế

quốc dân và những người có khả năng tham gia lao động nhưng chưa tham gia lao động) thuộc khu vực nông thôn (khu vực địa lý bao trùm toàn bộ dân số nông thôn”.

Như vậy, lao động nông thôn có một số đặc điểm cơ bản sau:

*Quy mô lao động lớn:* theo Báo cáo các điều tra lao động việc làm quý 2 năm 2018 của Tổng cục Thống kê, lao động nông thôn có khoảng 37,36 triệu người.

*Lao động nông thôn chủ yếu làm nông nghiệp,* trình độ học vấn thấp, không được đào tạo cơ bản. Ngoài ra, họ tham gia sản xuất, phục vụ nông nghiệp: bán giống, cây con, thuốc bảo vệ thực vật,...

*Mang tính thời vụ:* lao động nông nghiệp, nông thôn làm việc có tính mùa vụ do đặc thù của nghề nông. Đối tượng của nghề nông là cây trồng, vật nuôi, chúng là những cơ thể sống trong đó quá trình tái sản xuất tự nhiên và tái sản xuất kinh tế đan xen nhau. Cùng một loại cây trồng, vật nuôi ở những địa phương có điều kiện tự nhiên khác nhau sẽ có quá trình sinh trưởng và phát triển khác nhau. Tính thời vụ trong nông nghiệp là vĩnh viễn, chúng ta chỉ có thể tìm cách giảm tính thời vụ chứ không thể xóa bỏ được.

*GDP/đầu người thấp:* Nông thôn là khu vực trong đó nông nghiệp là hoạt động chủ yếu của người dân. Nông nghiệp là ngành lao động nặng nhọc và thu nhập thấp, rủi ro cao. Vì vậy điều kiện sản xuất và sinh hoạt của người dân rất khó khăn, hầu hết thu nhập của họ chỉ đủ tái sản xuất giản đơn và chỉ dùng cho các nhu cầu đời sống tối thiểu.

### **1.1.2 Nghề**

- Hiện nay, "nghề" được hiểu theo nhiều cách khác nhau:

Theo Từ điển Tiếng Việt: “*Nghề là công việc chuyên làm theo phân công lao động trong xã hội*”. Với cách tiếp cận này, mỗi người trong hệ thống phân công lao động xã hội sẽ đảm nhận một hoặc một số công việc, những

công việc này lặp đi lặp lại thường xuyên, từ ngày này sang ngày khác, nội dung của những công việc đó không hề thay đổi, và nó được hiểu là nghề.

Theo Trần Xuân Cầu (2008), *“Nghề cũng được hiểu là một hình thức phân công lao động, nó đòi hỏi kiến thức lý thuyết tổng hợp và thói quen thực hành để hoàn thành những công việc nhất định”*. Như vậy để có được nghề, người lao động cần phải có kiến thức về lý thuyết của một hoặc một vài môn khoa học nào đó, những kỹ năng thực hành đến mức thành thạo. Nghề có thể hiểu là tổng hợp những kiến thức và kỹ năng lao động mà con người tiếp thu được do kết quả của đào tạo chuyên môn và tích lũy kinh nghiệm trong công việc.

Mặc dù các khái niệm trên được hiểu theo các góc độ khác nhau, song chúng ta có thể thấy nghề có các đặc điểm sau:

- Nghề là hoạt động, là công việc về lao động của con người được lặp đi lặp lại;
- Nghề được hình thành do sự phân công lao động xã hội, phù hợp với yêu cầu của xã hội và là phương tiện để sinh sống;
- Nghề là lao động kỹ năng, kỹ xảo chuyên biệt có giá trị trao đổi, đòi hỏi phải có một quá trình đào tạo nhất định. Vì vậy, đào tạo nghề là yêu cầu tất yếu bắt nguồn từ chính bản chất, đặc trưng của nó.

Như vậy có rất nhiều nghề trong xã hội, trong khuôn khổ đề tài luận văn thạc sỹ của em chỉ nghiên cứu nghề trong hệ thống nghề được đào tạo tại các cơ sở dạy nghề của địa phương bao gồm các lao động nông thôn được đào tạo chính quy tại các trường, lớp dạy nghề; các lao động được đào tạo theo thời vụ,...

### **1.1.3 Đào tạo nghề**

Theo giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực của Trần Xuân Cầu (2008), *“Đào tạo nghề là quá trình trang bị kiến thức, kỹ năng, khả năng thuộc về một*

nghề, một chuyên môn nhất định để người lao động thực hiện có hiệu quả chức năng và nhiệm vụ của mình”.

Đào tạo nghề gồm hai quá trình không thể tách rời nhau: dạy nghề và học nghề. Trong một số văn bản hiện nay, đào tạo nghề và dạy nghề được đồng nhất với nhau.

Theo Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 (Quốc hội, 2014): "Dạy nghề là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học nghề để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khoá học. "

Dạy nghề là tổng thể các hoạt động truyền nghề đến người học nghề. Đó là quá trình giảng viên truyền bá những kiến thức về lý thuyết và thực hành để học viên có được một trình độ, kỹ năng, sự khéo léo, thành thực nhất định về nghề nghiệp.

Học nghề là quá trình tiếp thu những kiến thức về lý thuyết và thực hành của học viên để có được một nghề nghiệp nhất định.

Đối tượng của đào tạo nghề là lao động nói chung, đối tượng của đào tạo nghề cho lao động nông thôn là những người lao động nông thôn.

#### ***1.1.4 Đào tạo nghề cho lao động nông thôn***

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là quá trình giảng viên truyền bá những kiến thức về lý thuyết và thực hành để những người lao động nông thôn có được một trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thực nhất định về nghề nghiệp. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn có những đặc điểm sau:

*Thứ nhất*, do số lượng nguồn lao động nông thôn lớn nên đối tượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn có số lượng lớn. Số lượng đối tượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn lớn còn thể hiện ở chất lượng nguồn lao động nông thôn thấp. Thực tế hiện nay, lực lượng lao động nông thôn được đào tạo và bồi dưỡng kiến thức về nghề nghiệp chiếm tỉ lệ rất thấp, hầu hết các kiến

thức, kinh nghiệm người lao động sử dụng đều thông qua sự đúc rút kinh nghiệm trong quá trình làm việc và sự truyền dạy lại của các thế hệ trước.

*Thứ hai*, do tính đa dạng của đối tượng đào tạo, nên việc tổ chức các khóa đào tạo phải rất linh hoạt về chương trình đào tạo, hình thức đào tạo, phương thức đào tạo, phương pháp truyền đạt... Chương trình đào tạo phải gắn với học liệu sinh động, đa dạng và thiết thực, phù hợp với trình độ, hoàn cảnh của người học để tất cả người lao động nông thôn có cơ hội được đào tạo chuyên môn kỹ thuật từ đó tìm việc làm và tạo việc làm có năng suất lao động cao hơn, nâng cao dần mức sống của người dân. Cần đa dạng hóa và phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng vùng miền như đào tạo tập trung tại các cơ sở, trung tâm dạy nghề; đào tạo nghề lưu động cho lao động nông thôn; dạy nghề tại nơi sản xuất, tại hiện trường nơi người lao động làm việc.

*Thứ ba*, đối tượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn có nguồn nội lực cho đào tạo nghề rất hạn chế. Số lượng đối tượng đào tạo nghề rất lớn, tuy nhiên do đó là những người dân ở nông thôn. Đó là nơi GDP đầu người thấp, sản xuất hàng hóa ít phát triển, thị trường lao động ít phát triển, ít có khả năng tiếp cận với hệ thống giáo dục đào tạo, cơ sở hạ tầng kém phát triển, hệ thống chăm sóc sức khỏe cho người dân chưa đảm bảo, môi trường sống của dân cư nông thôn chậm cải thiện do đó điều kiện của họ cho việc học nghề rất hạn hẹp, đặc biệt là học ở bậc cao và theo các hình thức trường lớp.

*Thứ tư*, tính chất thời vụ của nguồn lao động nông thôn đòi hỏi việc tổ chức đào tạo nghề, tập huấn các kiến thức liên quan về trồng cây, vật nuôi cũng phải được sắp xếp phù hợp và kịp với thời vụ thì mới đạt hiệu quả cao. Việc đào tạo nâng cao nhận thức và các kiến thức khác không phụ thuộc vào thời vụ cần được tổ chức vào thời điểm nông nhàn để người dân có điều kiện tham gia đông đủ hơn.

*Thứ năm*, trong nông thôn, bên cạnh các cơ sở đào tạo chuyên, hệ thống các tổ chức kinh tế như hộ thủ công truyền thống, các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, các tổ chức xã hội như hội lao động nông thôn, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, đặc biệt là các tổ chức khuyến nông, lâm, ngư cũng đảm nhận chức năng đào tạo.

## **1.2 Nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

### ***1.2.1 Tuyên truyền tư vấn học nghề và việc làm cho lao động nông thôn***

Đào tạo nghề là nhu cầu thiết thực đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển của xã hội. Được đào tạo nghề cơ bản, người lao động có nhiều cơ hội xin việc trong các môi trường làm việc chuyên nghiệp, thu nhập cao và cải thiện kinh tế gia đình. Tuy nhiên, vẫn không ít đơn vị, địa phương thiếu quan tâm và chưa chú trọng đến công tác đào tạo nghề. Mặt khác, do người dân chưa hiểu hết về hiệu quả của việc học nghề vì vậy việc vận động người tham gia học nghề lại càng trở nên khó khăn. Mỗi địa phương trong cả nước cần phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tư vấn học nghề đối với lao động nông thôn, giúp người dân hiểu rõ tầm quan trọng của việc học nghề, để từ đó có ý thức chủ động trong việc tham gia học nghề phù hợp với bản thân và nhu cầu của địa phương.

Để công tác tuyên truyền có hiệu quả cần có sự phối kết hợp của các cơ quan tổ chức như: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Đài phát thanh truyền hình tỉnh, đài phát thanh truyền hình các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức hội (Hội Liên hiệp phụ nữ, Tỉnh đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân tỉnh...)

### ***1.2.2 Xác định nhu cầu đào tạo nghề***

Xác định nhu cầu đào tạo nghề của mỗi địa phương, cần xác định nhu cầu của các bên liên quan:

Từ phía người lao động hay người có nhu cầu học nghề: khi tiến hành đào tạo nghề cần xem xét tới đối tượng của hoạt động đào tạo nghề: những người học nghề với nhu cầu thực sự của họ và các điều kiện của chính họ để có thể tham gia vào quá trình đào tạo nghề, xác định khoảng trống giữa kiến thức, kỹ năng cần có khi tham gia lao động và những kiến thức, kỹ năng mà người học hiện có.

Từ phía người sử dụng lao động: sự phát triển kinh tế của địa phương, lĩnh vực, ngành nghề hoạt động của các doanh nghiệp và chiến lược phát triển kinh doanh là yếu tố quan trọng quyết định đến việc sử dụng lao động trong các doanh nghiệp.

Việc xác định nhu cầu đào tạo nghề cần tiến hành theo quy trình:

- Xác định yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực, cả cơ cấu ngành nghề và cơ cấu trình độ.

- Phân tích, đánh giá đúng đắn nguồn lao động hiện có của địa phương, so sánh với yêu cầu về nhân lực, để từ đó xác định nhu cầu, lập kế hoạch bổ sung, đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người lao động của địa phương.

Có thể có những đối tượng chỉ có thể tham gia được các khoá đào tạo ngắn hạn, nhưng cũng có nhóm đối tượng có thể và có điều kiện tham gia các khoá đào tạo dài hạn. Mặt khác, cần thiết phải phân các nhóm đối tượng trên trình độ học vấn. Đối với những người có trình độ học vấn thấp, họ có thể theo học các khoá dạy nghề ngắn hạn. Ngược lại, đối với những người có học vấn cao hơn có đủ điều kiện có thể theo các khoá học nghề ở trình độ trung cấp hoặc cao đẳng nghề. Hơn nữa, cũng phải khảo sát đặc điểm và thói quen canh tác của người nông dân ở các vùng miền khác nhau để có thể có các hình thức đào tạo phù hợp. Vì vậy cần có sự phân nhóm đối tượng để tổ chức các khoá đào tạo phù hợp.

### **1.2.3 Lập kế hoạch đào tạo**

*Lập kế hoạch đào tạo* là quá trình xây dựng các mục tiêu và xác định các nguồn lực, quyết định cách tốt nhất để thực hiện các mục tiêu đào tạo đã đề ra. Đây là chức năng đầu tiên của quá trình xây dựng chương trình đào tạo. Khi lập kế hoạch đào tạo, phải xác định rõ các yếu tố quan trọng như: Bộ phận phụ trách đào tạo; Đối tượng và ngành nghề đào tạo; Thời gian thực hiện đào tạo; Nội dung và phương pháp đào tạo; Kinh phí thực hiện,...

- Lập kế hoạch đào tạo bao gồm:

+ *Xác định mục tiêu đào tạo.*

- Là xác định kết quả cần đạt được của chương trình đào tạo.

- Xác định mục tiêu đào tạo chính là việc xác định:

• Những kỹ năng cụ thể cần được đào tạo và trình độ kỹ năng có được sau đào tạo.

• Số lượng và cơ cấu học viên.

• Thời gian đào tạo.

Việc xác định mục tiêu đào tạo sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của đào tạo nhân lực và là cơ sở để đánh giá trình độ chuyên môn của người lao động trong tổ chức. Các mục tiêu đào tạo cần được xác định rõ ràng, cụ thể và có thể đánh giá được. Đào tạo có thể được đánh giá ở bốn cấp độ: phản ứng, kiến thức sau khi đào tạo, hành vi của nhân viên trong công việc và kết quả. Tương tự như vậy, các mục tiêu cũng có thể được diễn giải, trình bày cho mỗi cấp độ này. Tùy theo từng nhóm đối tượng lao động cụ thể để có thể lựa chọn phương thức đào tạo phù hợp, điển hình một số đối tượng lao động như sau:

- Đào tạo nghề cho người lao động làm nghề nông nghiệp: Mục tiêu đào tạo nghề cho đối tượng này nhằm tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tiếp tục phát triển, nâng cao tay nghề các hình thức lao động thuần nông, lao động chuyên canh và lao động tại các làng nghề truyền thống,...



- Đào tạo nghề cho người lao động làm nghề phi nông nghiệp: Để đảm bảo tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động, đào tạo nghề cho đối tượng phi nông nghiệp cần phải đặt mục tiêu rõ ràng, cụ thể: đẩy mạnh công tác CNH - HĐH, chuyển đổi việc làm cho nông dân mất đất, phát triển công nghiệp, dịch vụ, trang thiết bị hiện đại,...

+ *Lựa chọn đối tượng đào tạo*

- Lựa chọn đối tượng đào tạo là lập danh sách những học viên, những vị trí cần được đào tạo của chương trình đào tạo đó. Để xác định được bộ phận cũng như đối tượng cần đào tạo, người xây dựng chương trình đào tạo cần phải trao đổi với những người lãnh đạo để biết được thực trạng thực hiện công việc, triển vọng nghề nghiệp, nhu cầu đào tạo của người lao động và phải dựa vào các tiêu chuẩn như: kết quả đánh giá thực hiện công việc, phân tích công việc và kết quả kiểm tra giám sát tình hình thực hiện đào tạo hàng năm để xác định đối tượng đào tạo và hình thức đào tạo phù hợp.

Có thể chia đối tượng đào tạo nghề ra làm hai đối tượng như sau:

- Đào tạo nghề cho người lao động làm nghề nông nghiệp: là đào tạo những người gắn với các chương trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, các vùng sản xuất hàng hoá nông sản tập trung, các trang trại, các mô hình sản xuất nông nghiệp..với những nghề như: Trồng rau hữu cơ, rau an toàn; Trồng lúa chất lượng cao; Nuôi trồng và chế biến nấm; Chăn nuôi gia cầm...

- Đào tạo nghề cho người lao động làm nghề phi nông nghiệp: là đào tạo những người gắn với các chương trình phát triển các nghề và làng nghề, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp...với những nghề như: May; Điện dân dụng; Hàn; Chế biến món ăn; Pha chế đồ uống...

+ *Xây dựng chương trình đào tạo*

Để các chương trình đào tạo đạt hiệu quả kinh tế cao cũng như giúp học viên nắm bắt được kiến thức, kỹ năng trong công việc thì việc lựa chọn

phương pháp đào tạo thích hợp có vai trò rất quan trọng. Nếu lựa chọn đúng phương pháp thì sẽ tiết kiệm được nhiều chi phí, thời gian đào tạo cho DN và người lao động trong khi đó chất lượng học viên sau khóa học vẫn được đảm bảo, đáp ứng được mục tiêu đặt ra.

Dù chương trình dạy học ở cấp độ vĩ mô hay vi mô thì đều có 5 yếu tố cơ bản của hoạt động dạy học: mục tiêu dạy học của chương trình, nội dung dạy học, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học; quy trình kế hoạch triển khai; đánh giá kết quả. Tùy vào tình hình thực tế, nhu cầu đào tạo nghề, xác định *mục tiêu* cụ thể của từng chương trình dạy nghề.

Để xác định *nội dung đào tạo nghề* cho lao động nông thôn, các cấp chính quyền địa phương phải lập được kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, trên cơ sở đó sẽ xác định được nội dung đào tạo. Các cơ sở đào tạo có trách nhiệm đào tạo theo kế hoạch của địa phương, khi đó có thể đảm bảo được quá trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với mục tiêu sử dụng. Nguyên tắc cơ bản cho việc xác định nội dung đào tạo:

Tại mỗi vùng, cơ cấu ngành nghề và trình độ dân trí khác nhau nên cần xác định cụ thể nội dung dạy nghề cho lao động nông thôn tại từng vùng. Nội dung dạy cho lao động nông thôn phải gắn với chiến lược phát triển kinh tế của vùng, của địa phương, với mục tiêu phân bố lại lao động nông thôn cũng như với khoa học công nghệ cao. Trong mỗi chương trình nên chia ra nhiều học phần khác nhau, lao động nông thôn có thể lựa chọn theo học toàn chương trình hoặc học từng phần riêng biệt, khi học xong cần cấp chứng chỉ về nghề nghiệp cho lao động nông thôn.

#### *Về Giáo trình, tài liệu học tập:*

Tài liệu viết cho các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn phải viết ngắn, từ ngữ đơn giản phù hợp với ngôn ngữ địa phương, dễ hiểu dễ nhớ kèm theo các tranh, ví dụ minh họa và các nội dung được trình bày theo trật tự của

một quy trình công việc. Giáo trình cần trình bày đẹp, nhỏ, tiện lợi cho học viên sử dụng hàng ngày.

*Về thời gian của khóa học:*

Các chương trình/ khóa học nên thực hiện trọn vẹn một quy trình, chu kỳ sinh trưởng và phát triển...Nếu chương trình khóa học hay chuyên đề có nội dung lớn cần chia nhỏ thành các Module và được tổ chức học theo một trật tự logic với thời gian dài hơn, kết thúc mỗi module, người học đem những kết quả học được áp dụng vào thực tế công việc, từ đó sẽ thấy được những điều thiếu cần phải được bổ sung.

*Về quy mô lớp học đào tạo nghề:*

Để đảm bảo chất lượng dạy và học, và phát huy khả năng tham gia của người học trong quá trình trao đổi kinh nghiệm, kiến thức mỗi lớp học chỉ nên có từ 30 - 35 học viên.

Đối với nhóm đối tượng nông dân đào tạo để có thể làm nông nghiệp hiện đại, do đặc thù của sản xuất nông nghiệp, người nông dân làm việc theo mùa vụ, nên các khoá đào tạo cần gắn với việc vừa học, vừa làm việc của người nông dân, hoặc phải lựa chọn thời gian nông nhàn của người dân để tổ chức khoá học cho phù hợp. Mặt khác, do tính đa dạng của vật nuôi, cây trồng nông nghiệp, các khoá học nên được tổ chức gắn với thời kỳ sinh trưởng của vật nuôi, cây trồng. Điều này đòi hỏi việc xây dựng chương trình đào tạo phải rất linh hoạt và khoa học.

*+ Lựa chọn phương pháp đào tạo:*

Có nhiều hình thức có thể sử dụng trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Với mỗi phương pháp lại có cách thức thực hiện và những ưu nhược điểm riêng. Do đó, tổ chức cần xem xét phương pháp mình lựa chọn cho phù hợp với điều kiện công việc hay không. Từ đó lựa chọn ra phương pháp đào tạo phù hợp với mình. Một số phương pháp có thể kể đến như:

- Đào tạo nghề tại các cơ sở dạy nghề

Là truyền bá những kiến thức về lý thuyết và thực hành để người học có trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thục nhất định về nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Dạy nghề là phương thức đào tạo quy mô lớn những công nhân kỹ thuật có trình độ cao, thời gian đào tạo tập trung từ hai đến bốn năm.

- Đào tạo nghề gắn với doanh nghiệp.

Các lớp đào tạo nghề cạnh doanh nghiệp thường do các doanh nghiệp tự tổ chức và thực hiện. Mở các lớp đào tạo nghề cạnh doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu công nhân kỹ thuật đang thiếu hụt và nhu cầu công nhân kỹ thuật lâu dài của doanh nghiệp. Phần lý thuyết do các kỹ sư, cán bộ kỹ thuật thực hiện. Phần thực hành được tiến hành tại doanh nghiệp do các kỹ sư và công nhân lành nghề hướng dẫn.

- Đào tạo nghề tại các Trung tâm đào tạo.

Là hình thức đào tạo nghề ngắn hạn, phần lớn dưới 1 năm. Đối tượng chủ yếu là đào tạo phổ cập nghề cho thanh niên và người lao động.

- Truyền nghề

Là truyền bá kỹ năng thực hành để người lao động nông thôn có được trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thục nhất định về nghề nghiệp. Đây là phương thức đào tạo được áp dụng trong từng cơ sở sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong các gia đình làm nghề thủ công truyền thống.

- Đào tạo tại nơi làm việc (ruộng, chuồng)

Là loại hình đào tạo trực tiếp tại nơi làm việc (ruộng, chuồng, nhà máy, phân xưởng...) học viên được truyền bá kỹ năng và thực hành ngay.

+ *Lựa chọn hình thức đào tạo*

\* *Theo mức độ truyền bá kiến thức nghề*

Hình thức đào tạo này có thể chia thành 3 loại sau:

- *Đào tạo nghề mới*: Là đào tạo những người chưa có nghề. Đào tạo mới nhằm tăng thêm lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cho xã hội. Đào tạo mới có thể thực hiện ở các cơ sở dạy nghề chuyên hoặc trong từng cơ sở sản xuất kinh doanh.

- *Đào tạo lại*: Là đào tạo với những người có nghề nhưng do yêu cầu mới của sản xuất và tiến bộ kỹ thuật dẫn đến việc thay đổi cơ cấu ngành nghề, trình độ chuyên môn, nên cần đào tạo lại cho phù hợp với cơ cấu ngành nghề và trình độ mới, đáp ứng yêu cầu công việc.

- *Bồi dưỡng nâng cao tay nghề*: Là quá trình cập nhật kiến thức còn thiếu, bổ túc nghề hoặc củng cố các kỹ năng nghề nghiệp theo từng chuyên môn. Hình thức này cũng thường được thực hiện ở cơ sở đào tạo chuyên.

*\* Theo thời gian, nội dung chương trình đào tạo*

Theo hình thức này có thể chia thành 2 hình thức sau:

*Đào tạo dài hạn*: là đào tạo một cách bài bản, theo chương trình chuẩn. Thời gian đào tạo từ 1 đến 4 năm tùy theo loại nghề, mức độ phức tạp của nghề. Đào tạo dài hạn chủ yếu được thực hiện ở các trường dạy nghề, các trường trung cấp kỹ thuật và các trường cao đẳng có đào tạo nghề.

*Đào tạo ngắn hạn*: là đào tạo nghề theo chương trình với thời gian từ một vài tháng đến dưới 1 năm. Dạy nghề ngắn hạn thường tập trung ở các trung tâm dạy nghề, lớp dạy nghề độc lập hoặc gắn với doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo khác có đăng ký dạy nghề ngắn hạn.

*+ Lựa chọn đội ngũ giáo viên đào tạo nghề*

Đào tạo nghề có những nét khác biệt so với các cấp học khác trong nền giáo dục quốc dân, đó là ngành nghề đào tạo rất đa dạng, yêu cầu kỹ thuật cao, thường xuyên phải cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề để phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật; học viên vào học nghề có rất nhiều cấp trình độ văn

hóa, độ tuổi khác nhau. Sự khác biệt đó làm cho đội ngũ giáo viên dạy nghề cũng rất đa dạng với nhiều trình độ khác nhau.

- Chia theo các môn học trong đào tạo nghề: có giáo viên dạy bổ túc các môn văn hóa đối với hệ đào tạo trung cấp nghề cho học sinh tốt nghiệp THCS; giáo viên dạy các môn học chung đối với đào tạo nghề trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề; giáo viên dạy nghề, gồm có giáo viên dạy lý thuyết nghề và giáo viên dạy thực hành nghề.

- Chia theo trình độ: đối với đào tạo trình độ cao đẳng nghề, giáo viên dạy nghề phải có trình độ từ đại học trở lên, đối với đào tạo trình độ trung cấp nghề giáo viên dạy nghề phải có trình độ từ cao đẳng trở lên; đối với đào tạo trình độ sơ cấp nghề và đào tạo nghề dưới 3 tháng, giáo viên dạy nghề có thể là nhà giáo, nhà khoa học, nghệ nhân, người có tay nghề cao hoặc cán bộ khuyến nông tại địa phương.

Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng là giáo viên, việc dạy nghề cho người lao động có thể do cán bộ khuyến nông tại địa phương về làm việc cùng nông dân với hình thức cầm tay chỉ việc

#### *+ Xác định kinh phí đào tạo nghề*

Kinh phí đào tạo nghề chiếm vị trí quan trọng trong hoạt động đào tạo nghề. Là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo, chất lượng của giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy. Vấn đề tài chính bao gồm thu và chi. Để nguồn lực tài chính phát huy hiệu quả cao trong đào tạo thì hai quá trình thu và chi đều phải được thực hiện tốt.

Các nguồn thu phải thỏa mãn nhu cầu về chi tiêu cho đào tạo về việc mua sắm, sửa đổi nội dung chương trình, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nâng cao thu nhập của giáo viên. Có như vậy, cơ sở vật chất mới đáp ứng được nhu cầu của giảng dạy và một mức thu nhập thỏa đáng mới thu

hút được đội ngũ giáo viên giỏi. Đây là những nền tảng của việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề.

Các khoản chi tiêu hợp lý nhằm sử dụng các nguồn lực về tài chính một cách hiệu quả. Chi tiêu hợp lý là chi tiêu vào những vấn đề cần thiết nằm trong khả năng chi trả của cơ sở đào tạo. Việc chi tiêu cần ưu tiên cho những vấn đề cấp thiết nhất của việc đào tạo và phải luôn chú ý tính hiệu quả của nó.

#### **1.2.4 Tổ chức đào tạo nghề**

Tổ chức chương trình đào tạo là một trong những nội dung quan trọng trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Trong giai đoạn này, bộ phận phụ trách đào tạo thực hiện các nhiệm vụ: tổ chức các lớp đào tạo bằng nhiều hình thức đào tạo khác nhau. Trong quá trình tổ chức cần phải chú ý đến các thiết bị phục vụ đào tạo, kinh phí cho đào tạo, đội ngũ giảng viên, các hình thức theo dõi nội dung và tiến độ đào tạo, định kỳ gặp gỡ người dạy và người học để nắm bắt tình hình, các phát sinh, nắm bắt kết quả từng bước trong quá trình đào tạo để có thể phối hợp và điều chỉnh kịp thời,...

Các chủ thể tham gia tổ chức đào tạo nghề gồm 3 bên: Nhà nước, Các doanh nghiệp/ cơ sở đào tạo nghề và đối tượng được đào tạo nghề. Trách nhiệm của các chủ thể tham gia tổ chức đào tạo nghề như sau:

+ Nhà nước: Là các cơ quan trong bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về đào tạo nghề bao gồm các hoạt động như: xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển đào tạo nghề; tổ chức và hoạt động các cơ sở đào tạo nghề; lập dự toán, cấp kinh phí cho các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề và người học nghề.

+ Các doanh nghiệp/ cơ sở đào tạo nghề: Tổ chức đào tạo nghề, theo đúng chương trình đào tạo, kế hoạch dạy nghề đã được phê duyệt; quản lý dạy

và học nghề theo đúng quy định; tổng hợp, báo cáo, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định,...

+ Đối tượng được đào tạo nghề: Năm bắt đầy đủ các thông tin về các lớp đào tạo nghề; xác định và đăng ký nhu cầu đào tạo với cấp có thẩm quyền; tham gia đầy đủ và hiệu quả các lớp đào tạo nghề; cung cấp đầy đủ thông tin về tình trạng việc làm, thu nhập,...sau khi đào tạo nghề.

Sau khi xây dựng được kế hoạch đào tạo nhân lực, việc tổ chức thực hiện kế hoạch này là rất quan trọng. Như đã phân tích, đào tạo cần phải dựa trên những gì mà học viên muốn biết, để đào tạo có hiệu quả cần sự phối hợp của cả ba bên, học viên phải quyết tâm nâng cao khả năng làm việc và bộ phận quản lý phải tạo điều kiện về mặt thời gian và kinh phí để học viên nâng cao khả năng làm việc và phải kiểm soát việc họ áp dụng các kiến thức đã học được vào lao động.

Nguyên tắc chung khi tổ chức đào tạo là:

- Triển khai đúng chương trình và kế hoạch khóa học đã duyệt;
- Thực hiện đúng quy chế đào tạo hiện hành;
- Không tự điều chỉnh, sửa đổi, vận dụng sai quy định. Trong trường hợp cần thiết phải có ý kiến phê duyệt của bộ phận quản lý.;
- Đảm bảo lưu trữ đầy đủ, an toàn, tra cứu nhanh các tài liệu khi cần tìm.

### ***1.2.5 Đánh giá kết quả đào tạo nghề***

Chương trình, nội dung đào tạo nghề cho người lao động có đạt được kết quả như mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra hay không có thể khẳng định thông qua việc đánh giá kết quả đào tạo. Những thông tin thu được từ đánh giá kết quả đào tạo nghề có thể giúp các nhà quản lý đào tạo tìm ra các điểm mạnh, điểm yếu cần được cải thiện, điều chỉnh cho các chương trình đào tạo nghề cho người lao động trong thời gian tiếp theo.



Đánh giá kết quả đào tạo nghề theo các tiêu chí sau:

- Tỷ lệ học viên tốt nghiệp: Sau mỗi khóa học, qua kết quả đào tạo nghề, cơ sở đào tạo tổng hợp số liệu về số học viên đạt/ chưa đạt tốt nghiệp.
- Tỷ lệ học viên có việc làm so với tổng số học viên tốt nghiệp
- Tỷ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm đúng nghề đào tạo so với tổng số học viên có việc làm
- Khả năng thích ứng nghề nghiệp trong thực tiễn
- Tỷ lệ lao động chuyển đổi nghề sau đào tạo nghề
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề được doanh nghiệp tuyển dụng
- Tỷ lệ học viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp
- Sự thay đổi thu nhập của người lao động sau khi được đào tạo: đây là tiêu chí rất quan trọng để đánh giá chất lượng đào tạo nghề vì mục tiêu chính của đào tạo nghề là giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của người lao động.

Nguồn số liệu sử dụng để đánh giá từ kết quả khảo sát, phỏng vấn, số liệu thứ cấp.

### **1.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

#### **1.3.1 Cán bộ quản lý đào tạo nghề**

Để hoạt động dạy nghề cho người lao động có kết quả cao cần có tính thực hành của các bài học và có các phương pháp dạy học cho người lớn tuổi. Do vậy đòi hỏi giáo viên dạy nghề ngoài kiến thức chuyên môn vững vàng, kỹ năng tay nghề thành thạo, cần có phương pháp giảng dạy phù hợp với người lao động nông thôn.

Về lâu dài cần xây dựng chương trình đào tạo giáo viên dạy nghề cho người lao động, với các nội dung cần tập trung các chuyên đề kinh tế kỹ thuật nông nghiệp, mà các chuyên đề này là bài giảng ở lớp, làng, xã. Phương pháp

sư phạm, phương pháp khuyến nông, tổ chức lớp học, phương pháp đánh giá nhu cầu đào tạo, phát triển tài liệu.

### ***1.3.2 Chính sách của Nhà nước và địa phương***

Trong mỗi giai đoạn, chính sách của Nhà nước và địa phương đúng và phù hợp sẽ góp phần thúc đẩy công tác đào tạo nghề phát triển, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển KT - XH. Trong những năm qua do đổi mới cơ chế quản lý, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đã tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi và nhân tố mới đa dạng để các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở, các tổ chức xã hội và toàn dân chủ động tạo chỗ làm việc mới, đã giải quyết được một bước yêu cầu về việc làm và đời sống của người lao động. Kết quả đạt được trong tất cả lĩnh vực kể từ sau khi đổi mới, trước tiên phải nói đến tính đúng đắn trong việc đề ra những chính sách liên quan đến đào tạo nghề cho người lao động của Nhà nước và địa phương.

### ***1.3.3 Nguồn tài chính đầu tư cho công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn***

Nguồn tài chính đầu tư công tác đào tạo nghề có vị trí hết sức quan trọng trong đào tạo nghề. Nó ảnh hưởng đến chất lượng giáo viên cũng như cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ sở đào tạo nghề, có tính chất quyết định đến sự tồn tại và phát triển của các cơ sở đào tạo nghề. Tài chính bao gồm các khoản chi cho việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, chi phí công tác quản lý, tiền lương và các hoạt động khác của các cơ sở dạy nghề. Có thể thấy được đào tạo nghề là hình thức đào tạo tốn kém nên rất cần sự đầu tư đúng mức của chính phủ và hỗ trợ kinh phí từ các nguồn khác.

### ***1.3.4 Tốc độ đô thị hóa - công nghiệp hóa của địa phương***

Do quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa và quá trình đô thị hóa nên đất đai của người dân bị thu hẹp, nhiều người dân bị mất đất mà khả năng tạo việc làm từ quá trình này còn nhiều hạn chế, đồng thời do người lao động

nông thôn có trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp không đáp ứng được yêu cầu công việc nên sức ép việc làm lao động nông thôn ngày càng tăng do xu thế phát triển của xã hội, điều này tác động không nhỏ đến hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn - đào tạo nghề cho các đối tượng lao động này là điều tất yếu.

### ***1.3.5 Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương***

Ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất. Nếu quy hoạch kinh tế phát triển của địa phương có tính khả thi thì các dự án đầu tư cũng có điều kiện thực hiện thuận lợi và có hiệu quả kinh tế cao, đồng thời việc giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo cũng được thuận lợi. Địa phương định hướng phát triển ngành nghề truyền thống hay dịch vụ thì đương nhiên nội dung đào tạo cũng phải đi theo hướng này.

### ***1.3.6 Xã hội hóa về đào tạo nghề***

Xã hội hóa đào tạo nghề là một quá trình mà cả cộng đồng và xã hội cùng tham gia vào hoạt động đào tạo nghề. Việc đa dạng hoá các loại hình cơ sở đào tạo nghề, các hình thức đào tạo nghề nghiệp; khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở đào tạo nghề và tham gia hoạt động đào tạo nghề. Điều này góp phần phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề, kéo theo tăng số lượng và chất lượng đào tạo nghề cho lao động nói chung, lao động nông thôn nói riêng

### ***1.3.7 Đặc điểm lao động nông thôn của địa phương***

Với các nước phát triển, trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật,... của lao động nông nghiệp, nông thôn thường rất thấp, do vậy khi tiến hành công nghiệp hóa, đô thị hóa nông thôn, xây dựng và phát triển các đô thị, phát triển các ngành phi nông nghiệp gắn với nền kinh tế thị trường, cơ hội tìm kiếm công ăn việc làm của người lao động nông nghiệp ở các đô thị là rất khó

khăn. Cùng với tiến trình hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn đặt ra những yêu cầu mới cho người lao động, đòi hỏi người lao động phải nâng cao trình độ, năng lực của mình. Nếu người lao động nông nghiệp nói riêng, người lao động trong các ngành nói chung không được đào tạo và đào tạo lại đáp ứng yêu cầu mới, thì tự họ sẽ mất đi cơ hội việc làm, tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm là không thể tránh khỏi. Để hiểu rõ về đặc điểm lao động nông thôn của địa phương, luận văn sẽ phân tích qua một số tiêu chí tại phần thực trạng như: Cơ cấu lao động (phân theo giới tính, độ tuổi), trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật, tỉ lệ thiếu việc làm,...

### ***1.3.8 Phối hợp của doanh nghiệp trong đào tạo nghề***

Hiện nay các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề là rất lớn. Nếu các doanh nghiệp tích cực trong đào tạo nghề (tuyển sinh, tham gia đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo, đầu tư cơ sở vật chất,...) sẽ góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo nghề. Trình độ của người lao động là mục tiêu hàng đầu của các nhà tuyển dụng, đây là cơ sở để các cơ sở đào tạo nghề theo sát các doanh nghiệp tìm hiểu nhu cầu và nắm bắt thông tin để có sự phối hợp trong đào tạo nghề sao cho có hiệu quả nhất.

## **1.4 Kinh nghiệm đào tạo nghề tại một số địa phương và bài học rút ra cho huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La**

### ***1.4.1 Kinh nghiệm của một số địa phương***

#### ***\* Kinh nghiệm của huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang***

Yên Dũng là một huyện của tỉnh Bắc Giang. Những năm qua, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở Yên Dũng luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, chú trọng và đang phát huy hiệu quả thiết thực. Dù là nghề nông nghiệp hay phi nông nghiệp, sau khi hoàn thành chương trình tại các lớp đào tạo nghề, phần lớn các học viên đã phát huy được nghề

ngay tại địa phương hoặc hành nghề tại một số doanh nghiệp, góp phần quan trọng vào mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Trong những năm gần đây, cùng với việc thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn của huyện, cái được lớn nhất là người người nông dân đã thay đổi được nhận thức. Từ thói quen lao động nhỏ lẻ trong sản xuất nông nghiệp, giờ đây phần lớn trong số họ đã mạnh dạn làm ăn nhờ những kiến thức, hiểu biết thông qua các lớp tập huấn, các chương trình đào tạo nghề...để đưa lại hiệu quả hơn trong sản xuất, kinh doanh. Không chỉ nhiều nghề mới đang cho thu nhập khá mà ngay trong sản xuất nông nghiệp, nhiều gia đình đã biết áp dụng tiến bộ kỹ thuật nên năng suất cũng nhanh hơn trước.

Theo kết quả thống kê của huyện, được sự quan tâm của các cấp, các ngành..., trong thời gian qua, mỗi năm trung bình huyện tổ chức mở được gần 60 lớp đào tạo nghề với trên 2.000 lao động nông thôn và cán bộ công chức xã tham gia trên nhiều lĩnh vực như: nông nghiệp, phi nông nghiệp quản lý nhà nước... Đó là chưa tính hàng chục lớp đào tạo ngắn hạn, dài hạn hàng năm. Tính đến cuối tháng 10/2019, tỉ lệ lao động qua đào tạo ở Yên Dũng chiếm trên 40%, trong đó, lao động qua đào tạo chiếm 32%, trên 70% học viên sau học nghề tạo được việc làm góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

*\* Kinh nghiệm của huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình*

Huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình hiện có 2 khu công nghiệp, trên 60 doanh nghiệp đã và đang hoạt động với các ngành nghề khác nhau. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động địa phương. Hiện nay, dân số trong độ tuổi lao động có 22.978 người, số lao động tham gia hoạt động kinh tế là 14.371 người. Thời gian qua, công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Kỳ Sơn đã và đang phát huy được hiệu quả.

Những năm trước đây do chưa có sự đầu tư nguồn lực và nhận thức người dân hạn chế, việc đào tạo nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu còn gặp nhiều khó khăn. Từ khi triển khai Quyết định số 1956/QĐ-TTg, công tác dạy nghề cho lao động nông thôn có bước chuyển biến tích cực với danh mục nghề đào tạo ngày càng đa dạng, phong phú. Số lao động có nhu cầu học nghề ngày càng nhiều. Hàng năm, Ban chỉ đạo đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” đã xây dựng kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn theo chỉ tiêu của tỉnh, huyện giao và nhu cầu thực tế của người lao động tại các xã, thị trấn. Để có thể xác định được nhu cầu học nghề của người lao động trên địa bàn, hàng năm, huyện đều triển khai điều tra, lập sổ theo dõi cung - cầu lao động đến 85 trường thôn, xóm và cán bộ xã để nắm bắt, thống kê đầy đủ thông tin, số liệu cụ thể về nhu cầu học nghề của hộ gia đình. Bên cạnh đó, triển khai điều tra nhu cầu sử dụng lao động tại các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn, trong đó có các ngành nghề chủ yếu như dịch vụ, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông - lâm sản, chổi chít... Đặc biệt, huyện đã thí điểm triển khai mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm tại chỗ và bao tiêu sản phẩm cho người lao động làm ra như chổi chít xuất khẩu. Các mô hình dạy nghề “cầm tay chỉ việc” theo nhu cầu của người lao động được thực hiện hiệu quả, phù hợp với lao động nông thôn ở địa phương như nuôi ong mật, nuôi cá, chăn nuôi, trồng trọt. Một số lao động học nghề chế tăm hương và làm tăm hương đã được Ban chỉ đạo huyện duyệt cho vay vốn ưu đãi với lãi suất thấp để mua máy móc, xây dựng nhà xưởng. Tỷ lệ lao động có việc làm sau khi học xong đạt 75%, trong đó, số lao động làm tại địa phương chiếm 65% còn lại làm trong và ngoài tỉnh.

Từ những nghiên cứu và tìm hiểu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn của một số địa phương cho thấy cần phải có sự liên kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp và người lao động. Yên Châu là một huyện thuần

nông, kinh tế còn nhiều khó khăn vì vậy sự liên kết này là hướng đi hiệu quả trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Đồng thời trong quá trình triển khai thực hiện, huyện cần chú ý đến một số vấn đề sau: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn để đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trong địa bàn huyện và các huyện lân cận; Đào tạo nghề truyền thống để phát triển các làng nghề truyền thống; Đào tạo nghề để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất.

#### ***1.4.2 Bài học kinh nghiệm rút ra về đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu***

Từ kinh nghiệm của các quận, huyện trên trong đào tạo nghề cho người lao động, có thể rút ra được một số bài học có thể vận dụng vào đào tạo nghề ở huyện Yên Châu như sau:

**Một là:** Cần có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Huyện ủy, HĐND, UBND, sự phối hợp đồng bộ giữa các phòng, ban ngành, đoàn thể liên quan và sự tham gia tích cực của UBND các xã trong thực hiện đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn huyện.

**Hai là:** Thực hiện rà soát nhu cầu học nghề cho lao động trên địa bàn huyện thông qua cuộc điều tra thu thập thông tin biến động cung lao động hàng năm. Kết quả cuộc điều tra là cơ sở để huyện xây dựng kế hoạch đào tạo nghề và giải quyết việc làm phù hợp với tình hình KT - XH của địa phương, đảm bảo 80% trở lên lao động sau khi học nghề có việc làm.

**Ba là:** Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên dạy nghề, mở rộng hình thức và ngành nghề đào tạo, đổi mới nội dung đào tạo phù hợp với tình hình phát triển của địa phương.

**Bốn là:** Tăng cường vai trò quản lý nhà nước thông qua việc kiểm tra giám sát, chấn chỉnh việc tổ chức thực hiện công tác dạy nghề, giải quyết việc làm cho người lao động. Thực hiện đánh giá khách quan chất lượng và hiệu

quả đào tạo, từng bước nâng cao tiêu chuẩn đánh giá đầu ra trong dạy nghề để đáp ứng các yêu cầu của thực tế sản xuất và thị trường lao động...

**Năm là:** Làm tốt công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề cho người lao động để làm thay đổi nhận thức về nghề nghiệp, việc làm, đặc biệt là lao động thuộc diện bị thu hồi đất và một bộ phận thanh niên xem nhẹ việc học nghề để người dân nắm và hiểu đầy đủ các thông tin, làm cơ sở cho việc lựa chọn nghề cần học và có khả năng giải quyết được việc làm sau khi học nghề. Cán bộ tuyên truyền phải thông hiểu chính sách pháp luật, nắm được thông tin về thị trường lao động để tư vấn học nghề và tư vấn việc làm sau học nghề cho người lao động.

Bên cạnh đó, về phía người dân và người lao động cũng cần thường xuyên quan tâm, nắm bắt cập nhật thông tin về định hướng, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển KT - XH, về giáo dục đào tạo, nghề nghiệp, việc làm....; Nắm bắt các thông tin về xu hướng của thị trường lao động, xu hướng phát triển ngành nghề,... đồng thời căn cứ vào các điều kiện cụ thể về trình độ học vấn, khả năng kinh tế, năng lực sở trường, điều kiện sản xuất ... của bản thân hoặc người thân để có thể lựa chọn ngành nghề học theo các cấp trình độ đào tạo, hình thức học tập, thời gian đào tạo, phù hợp để theo học, đảm bảo cho việc phát triển tương lai nghề nghiệp.



## **CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TẠI HUYỆN YÊN CHÂU**

### **2.1 Tổng quan về huyện Yên Châu**

#### *\* Lịch sử hình thành*

- Trước năm 1479, phần lớn tỉnh Sơn La ngày nay (gồm thành phố Sơn La, huyện Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Sông Mã, Thuận Châu) là lãnh thổ của Vương Quốc Bồn Man. Sơn La được sáp nhập vào Đại Việt thời vua Lê Thánh Tông và thuộc xứ Hưng Hóa.

- Ngày 24/5/1886, châu Sơn La được thành lập, thuộc phủ Gia Hưng, tỉnh Hưng Hoá.

- Từ năm 1948 - 1953, Yên Châu thuộc Liên khu Việt Bắc.

- Từ năm 1953 - 1955, Yên Châu thuộc khu Tây Bắc.

- Từ năm 1955 - 1962, Yên Châu thuộc khu tự trị Thái Mèo.

- Từ năm 1962 - 1975, Yên Châu thuộc khu tự trị Tây Bắc (đổi tên từ khu tự trị Thái Mèo).

Sau khi khu tự trị Tây Bắc giải thể, Yên Châu là huyện thuộc tỉnh Sơn La.

- Ngày 29/2/1988, Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Quyết định số 18/HĐBT về việc thành lập thị trấn Yên Châu trên cơ sở tách hợp tác xã 1-5, hợp tác xã 2-9, hợp tác xã Yên Phong và khu dân cư trên địa bàn huyện lỵ Yên Châu (thuộc xã Viêng Lán) để thành lập thị trấn Yên Châu thuộc huyện Yên Châu.

#### *\* Kinh tế, xã hội*

Yên Châu là một huyện miền núi, biên giới của tỉnh Sơn La; nằm dọc trục quốc lộ 6, trung tâm cách thành phố Sơn La 64 km, cách Thủ đô Hà Nội 240 km; có 47 km đường biên giới với nước CHDCND Lào. Tổng diện tích

tự nhiên 857,75 km<sup>2</sup>. Toàn huyện có 15 xã, thị trấn, trong đó có 8 xã được hưởng chính sách chương trình 135, năm 2006 đã có 6/8 xã được công nhận thoát khỏi tình trạng ĐBKK. Toàn huyện có 177 bản, tiểu khu. Có 5 dân tộc anh em chủ yếu là: Kinh, Thái, Xinh mun, Mông, Khơ mú; dân tộc thiểu số chiếm trên 70% dân số toàn huyện. Yên Châu nằm trong vùng động lực kinh tế của tỉnh; nằm đệm giữa 2 khu công nghiệp trọng điểm của tỉnh Sơn La là: Huyện Mai Sơn và Mộc Châu, có nhiều thuận lợi cho phát triển sản xuất nông sản phẩm hàng hoá nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến của tỉnh.

*\* Vị trí địa lý*

Trung tâm huyện cách thành phố Sơn La 64 km về hướng đông, cách Thủ đô Hà Nội 240 km theo hướng Tây Bắc, có tọa độ địa lý như sau:

- 1040 10' - 1040 40' kinh độ Đông.
- 210 07' - 210 14' vĩ độ Bắc.
- Phía đông giáp huyện Mộc Châu.
- Phía tây giáp huyện Mai Sơn.
- Phía bắc giáp huyện Bắc Yên.
- Phía nam giáp nước CHDCND Lào với 47 km đường Biên giới.

**Sơ đồ 1.1 Sơ đồ ranh giới huyện Yên Châu**



(Nguồn: Văn phòng đăng ký đất đai huyện Yên Châu)

*\* Tài nguyên, tiềm năng kinh tế*

Yên Châu có mỏ than Mường Lựm, mỏ than Tô Pang (trữ lượng khoảng 100.000 tấn); mỏ quặng ăngtimon Chiềng Tương (trữ lượng khoảng 20.000 tấn) và một số mỏ sét, đá xây dựng lộ thiên.

Đất đai ở Yên Châu gồm đất Feralit màu vàng nhạt trên đá cát (15.000 ha, chiếm 17,9 % tổng diện tích tự nhiên); đất Feralit đỏ nâu trên đá biến chất (20.500 ha, chiếm 24,4%); đất đỏ nâu trên đá vôi (19.366 ha, chiếm 23,1%); đất vàng nâu trên đá phù sa cổ (7.600 ha, chiếm 9,1%); đất Feralit nâu vàng trên đá magma axit (17.300 ha, chiếm 20,6%).

Đất đai Yên Châu thích hợp cho các loại cây trồng như: lúa, ngô, sắn, chè, đồng cỏ, xoài, rừng nguyên liệu, tre, burong, nứa ... và chăn nuôi lợn, bò, ong lấy mật. Yên Châu là địa phương có ngành chế biến chè, nông sản và khai thác lâm sản (gỗ, tre, burong). Trên địa bàn Yên Châu có quốc lộ 6, tỉnh lộ 10A, 104 chạy qua.

*\* Dân số*

Năm 2020 toàn huyện Yên Châu ước có 79.809 người, tỉ lệ tăng dân số khoảng 1,44% ( tăng từ 76.413 người năm 2015 lên 79.809 người năm 2020). Tuy quy mô dân số trung bình theo giới tính có xu hướng tăng nhưng tỉ số cơ cấu dân số theo giới tính của huyện Yên Châu giai đoạn 2015 - 2020 lại không có nhiều sự biến động (tỉ số nam/ nữ khoảng chỉ ở mức 1,03 lần). Tỉ số dân số thành thị/ nông thôn có xu hướng tăng (tăng từ 5,5 lần năm 2015 lên 5,88 lần năm 2020). Tuy đã có dấu hiệu của sự chuyển dịch cơ cấu dân số nhưng qua số liệu thống kê cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu dân số tại huyện Yên Châu vẫn còn khá chậm.

**Bảng 2.1 Quy mô và cơ cấu dân số theo giới tính và thành thị/ nông thôn huyện Yên Châu**

| Dân số trung bình | Năm 2015       |           | Năm 2017       |           | Năm 2020       |           |
|-------------------|----------------|-----------|----------------|-----------|----------------|-----------|
|                   | Quy mô (người) | Tỉ lệ (%) | Quy mô (người) | Tỉ lệ (%) | Quy mô (người) | Tỉ lệ (%) |
| Nam               | 38.872         | 50,87     | 40.055         | 50,93     | 40.668         | 50,95     |
| Nữ                | 37.541         | 49,13     | 38.580         | 49,07     | 39.141         | 49,05     |
| Thành thị         | 3.997          | 5,23      | 4.012          | 5,10      | 4.430          | 5,55      |
| Nông thôn         | 72.416         | 94,77     | 74.623         | 94,90     | 75.379         | 94,45     |

Nguồn: (Số liệu phòng Thống kê huyện Yên Châu)

*\* Lao động, việc làm*

Qua số liệu thống kê cho thấy lực lượng lao động trong độ tuổi có khả năng lao động của huyện khá dồi dào, chiếm khoảng 66% dân số toàn huyện (50.860 người), trong đó: Nông, lâm nghiệp có 40.500 người, chiếm 79,63%; lao động ngành công nghiệp 6.741 người chiếm 13,25%; lao động ngành dịch vụ 3.619 người chiếm 7,12%.

**Bảng 2.2 Quy mô và cơ cấu lực lượng lao động huyện Yên Châu theo ngành, nghề**

| Theo ngành nghề kinh tế | Năm 2015               |               | Năm 2017               |               | Năm 2020               |               |
|-------------------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------|
|                         | Số lượng (nghìn người) | Tỉ lệ (%)     | Số lượng (nghìn người) | Tỉ lệ (%)     | Số lượng (nghìn người) | Tỉ lệ (%)     |
| <b>Tổng số</b>          | <b>46.230</b>          | <b>100,00</b> | <b>48.125</b>          | <b>100,00</b> | <b>50.860</b>          | <b>100,00</b> |
| Nông, lâm nghiệp        | 42.838                 | 92,66         | 41.721                 | 86,69         | 40.500                 | 79,63         |
| Công nghiệp             | 2.006                  | 4,34          | 3.635                  | 7,55          | 6.741                  | 13,25         |
| Dịch vụ                 | 1.386                  | 3,00          | 2.769                  | 5,76          | 3.619                  | 7,12          |

Nguồn: (Số liệu phòng Thống kê huyện Yên Châu, 2020)

Lực lượng lao động dồi dào song trình độ lao động còn rất hạn chế, chủ yếu là lao động chưa qua đào tạo, lao động được đào tạo có kỹ thuật chiếm tỉ lệ thấp. Đến đầu năm 2020, tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo vẫn còn rất cao

(chiếm 73% dân số trong độ tuổi lao động). Tỷ lệ lao động qua đào tạo vẫn còn ở mức khá thấp (chiếm 27% dân số trong độ tuổi lao động), nhưng chủ yếu chỉ có trình độ sơ cấp nghề (19,29% dân số trong độ tuổi lao động). Tỷ lệ lao động tham gia các lớp đào tạo dài hạn từ 02 năm trở lên rất thấp (chỉ đạt 3,53% dân số trong độ tuổi lao động (Bảng 2.3)

**Bảng 2.3 Cơ cấu lao động huyện Yên Châu theo cấp trình độ đào tạo giai đoạn 2015 - 2020, %**

| <b>Trình độ chuyên môn, kỹ thuật</b> | <b>2015</b> | <b>2017</b> | <b>2020</b> |
|--------------------------------------|-------------|-------------|-------------|
| Sơ cấp nghề (đào tạo < 3 tháng)      | 16,14       | 18,33       | 19,29       |
| Đào tạo trung hạn (3 - 12 tháng)     | 4,01        | 4,15        | 4,18        |
| Đào tạo dài hạn (02 năm trở lên)     | 3,21        | 3,32        | 3,53        |

*Nguồn: (Số liệu phòng Thống kê huyện Yên Châu)*

Vấn đề giải quyết việc làm gắn với thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế phụ thuộc rất lớn vào chất lượng lao động. Chính vì vậy, đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu được quan tâm, tạo điều kiện, mục tiêu chính nhằm khuyến khích phát triển các hình thức kinh tế để thu hút lao động, giải quyết việc làm.

## **2.2 Phân tích thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Yên Châu**

### **2.2.1 Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm cho lao động nông thôn**

Những năm qua, tỉnh Sơn La nói chung và huyện Yên Châu nói riêng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tư vấn học nghề đối với lao động nông thôn, giúp người dân hiểu rõ tầm quan trọng của việc học nghề, để từ đó có ý thức chủ động, tự giác trong việc tham gia học nghề cũng như có sự lựa chọn nghề nghiệp với bản thân và nhu cầu của địa phương.

**Bảng 2.4 Các kênh truyền truyền về học nghề và việc làm cho lao động nông thôn huyện Yên Châu năm 2020**

| <b>Kênh truyền thông</b>                | <b>ĐVT</b> | <b>Số lượng</b> |
|-----------------------------------------|------------|-----------------|
| Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh | Lượt       | 95              |
| Số băng biển, khẩu hiệu, pano,...       | Chiếc      | 151             |
| Tờ rơi, sách mỏng đã cấp phát           | Tờ, quyển  | 1.525           |
| Hội nghị truyền thông                   | Lượt       | 67              |

(Nguồn phòng Lao động - Thương binh Xã hội huyện Yên Châu)

Trong 5 năm trở lại đây, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Đài phát thanh truyền hình tỉnh, đài phát thanh truyền hình các huyện, thị xã, thành phố và Trung tâm Thông tin công tác tuyên giáo (Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy) triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Sơn La đến năm 2025”; tổ chức in ấn tờ rơi, phóng sự tuyên truyền về dạy nghề về chủ trương và chính sách của Đề án để giúp cho cán bộ xã, thị trấn và các đoàn thể quán triệt; tổ chức tập huấn nghiệp vụ về công tác dạy nghề lao động nông thôn cho 1.500 cán bộ xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh. Các tổ chức hội (Hội Liên hiệp phụ nữ, huyện đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân...) cũng thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm, vận động đoàn viên, hội viên là lao động nông thôn tham gia học nghề.

Tại Yên Châu, được sự quan tâm của chính quyền địa phương, Đài phát thanh truyền hình huyện xây dựng nhiều trang, chuyên mục tuyên truyền về học nghề cho lao động đặc biệt là lao động nông thôn; làm nhiều phóng sự để tuyên truyền rộng rãi các mô hình dạy nghề có hiệu quả, những cá nhân, tập thể điển hình trong việc học nghề có việc làm và vươn lên thoát nghèo.

Chính quyền địa phương tổ chức gặp gỡ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để trao đổi nhu cầu tuyển dụng lao động; xây dựng kế hoạch tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010 - 2020 của huyện; sử dụng cán bộ điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu học nghề cho lao

động nông thôn để tuyên truyền về các chính sách của Đảng và nhà nước. Đài truyền thanh huyện có chuyên mục về tư vấn học nghề, việc làm cho lao động nông thôn nên đến nay theo số liệu thống kê của Trung tâm truyền thông văn hóa huyện, có trên 80% người dân huyện được thông tin về học nghề, vai trò của học nghề và các chính sách của Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Các hình thức tuyên truyền đa dạng với các đối tượng khác nhau. Cụ thể:

- Phối hợp với Đài truyền thanh - truyền hình huyện, các cơ sở tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn của huyện, các đoàn thể Hội nông dân, Hội phụ, Đoàn thanh niên của huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền về các chính sách và tư vấn học nghề cho lao động nông thôn trên phương tiện thông tin đại chúng của huyện, xã, thôn, để nhân dân nắm bắt được chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác đào tạo nghề.

- + Phát tờ rơi cho các xã, thị trấn và các cơ sở trường học để tuyên truyền về công tác đào tạo nghề.

- Phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài huyện thực hiện tư vấn nghề cho học sinh khối lớp 9 và lớp 12 các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn huyện.

- + Phối hợp với các đoàn thể như Hội nông dân huyện, Hội phụ nữ huyện, Huyện Đoàn thanh niên huyện tuyên truyền tập huấn về công tác dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện, tổ chức mở lớp tập huấn đối tượng là trưởng thôn bản, Chủ tịch, phó chủ tịch Hội nông dân xã.

Thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách người lao động đã hiểu được quyền và nghĩa vụ khi tham gia học nghề, vì vậy quy mô đào tạo nghề tăng dần qua các năm, người lao động ý thức được trách nhiệm của mình khi tham gia học tập, nên chất lượng đào tạo cũng được nâng cao. Qua

khảo sát thông tin từ bảng hỏi của tác giả kết quả tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn được thể hiện như sau:

**Bảng 2.5 Người lao động huyện Yên Châu biết được thông tin về đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo kênh truyền thông**

| STT | Nội dung                               | Số lượng (Người) | Tỉ lệ (%) |
|-----|----------------------------------------|------------------|-----------|
| 1   | Tổng số                                | 100              |           |
| 2   | Từ các phương tiện thông tin đại chúng | 58               | 58,00     |
| 3   | Do cán bộ địa phương truyền đạt        | 24               | 24,00     |
| 4   | Thông qua tờ rơi                       | 16               | 16,00     |
| 5   | Được tư vấn tại trường                 | 27               | 27,00     |
| 6   | Nguồn thông tin khác                   | 8                | 8,00      |

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả năm 2021)

Về nguồn thông tin, người dân chủ yếu được tiếp cận thông tin về đào tạo nghề thông qua hệ thống thông tin đại chúng như đài truyền hình, đài truyền thanh, báo, internet... chiếm 58% (Bảng 2.5). Điều đó đã chứng minh hệ thống thông tin đại chúng đã góp vai trò quan trọng số 1 trong công tác truyền thông về đào tạo nghề; tiếp đến là thông qua đội ngũ cán bộ cơ sở như cán bộ đảng, chính quyền và các ban ngành đoàn thể từ xã đến các thôn, đặc biệt là hội nông dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, sâu rộng. Theo kết quả khảo sát của tác giả, có 15/100 người không nắm rõ các thông tin về kinh phí đào tạo nghề; 14/100 người không được các tổ chức, cá nhân tư vấn học nghề; 8/100 người nhận được thông tin về đào tạo nghề qua hình thức truyền miệng,... Công tác tư vấn học nghề, việc làm cho lao động nông thôn còn mang tính hình thức; chưa cung cấp kịp thời cho lao động nông thôn những thông tin cần thiết: như thông tin về các nghề mà doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng, mức lương tối thiểu doanh nghiệp trả, thông tin về quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch sản xuất...



### **2.2.2 Xác định nhu cầu đào tạo nghề**

#### **- Nhu cầu từ phía lao động nông thôn**

Lao động nông thôn hiện nay có nhu cầu học nghề ở các cơ sở dạy nghề ngày càng gia tăng; mục đích của việc học nghề của họ là sau khi kết thúc khóa đào tạo nghề họ sẽ có trong tay một nghề với trình độ tay nghề, chuyên môn vững vàng để có thể tự lập nghiệp và tìm kiếm cơ hội việc làm ở thị trường lao động.

Trong quá trình thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn có hiệu quả, phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện đã tiến hành điều tra, khảo sát nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch giai đoạn 2015 - 2020.

Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện đã có văn bản chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị liên quan hướng dẫn các xã điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của lao động trên địa bàn. Các phòng ban, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tiến hành xác định nhu cầu đào tạo nghề của lao động bằng nhiều hình thức: phỏng vấn trực tiếp, phát phiếu đăng ký, mở lớp tư vấn...Sau đó gửi về phòng Lao động - Thương binh Xã hội huyện. Kết quả trong 10 năm điều tra (2011 - 2020), khảo sát có 12.772 lao động nông thôn đăng ký học nghề (*trong lao động đăng ký học nghề nông nghiệp chiếm tới 95,95%*). Tuy nhiên, kinh phí cho công tác điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu học nghề trong những năm qua không được bố trí, chưa đạt mục tiêu đề ra; do vậy UBND huyện đã thực hiện chỉ đạo khảo sát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn đăng ký tham gia học với UBND các xã.

Thực hiện chương trình khảo sát đã đề ra theo kế hoạch hàng năm, huyện Yên Châu đã tiến hành khảo sát toàn bộ các xã của huyện và có kết quả như sau:

**Bảng 2.6. Số lao động nông thôn có nhu cầu học nghề huyện Yên Châu  
năm 2019 và 2020**

*Đơn vị tính: Người*

| <b>Xã</b>      | <b>Năm 2019<br/>(Người)</b> | <b>Năm 2020<br/>(Người)</b> | <b>Tốc độ tăng (lần)</b> |
|----------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| Chiềng Đông    | 59                          | 48                          | 0.81                     |
| Chiềng Păn     | 35                          | 37                          | 1.06                     |
| Sấp Vát        | 32                          | 39                          | 1.22                     |
| Tú Nang        | 22                          | 30                          | 1.36                     |
| Chiềng Hặc     | 20                          | 11                          | 0.55                     |
| Lóng Phiêng    | 297                         | 385                         | 1.29                     |
| Chiềng Tương   | 2898                        | 3100                        | 1.07                     |
| Phiêng Khoài   | 675                         | 780                         | 1.16                     |
| Chiềng On      | 320                         | 360                         | 1.125                    |
| Yên Sơn        | 93                          | 148                         | 1.59                     |
| <b>Tổng số</b> | <b>4451</b>                 | <b>4938</b>                 | <b>1.11</b>              |

*(Nguồn: Phòng Lao động TBXH huyện Yên Châu)*

Bảng số liệu trên cho thấy nhu cầu học nghề từ các lao động nông thôn trên địa bàn huyện tăng năm 2020 tăng 1,11 lần (487 người), trong đó:

- Xã Chiềng Tương có số lao động có nhu cầu học nghề cao nhất (2898 lao động năm 2019 và 3100 lao động năm 2020, tăng 1.07 lần. Do xã này vẫn còn khó khăn về điều kiện kinh tế, giao thông,...Dân số chủ yếu là dân tộc thiểu số, tỉ lệ lao động thiếu việc làm rất cao. Không chỉ thế, Chiềng Tương còn là xã có tỉ lệ hộ nghèo cao thứ hai trong địa bàn huyện, lên tới 60.33% (xếp sau Chiềng On là 82.3%).

- Xã Chiềng Hặc có số lao động có nhu cầu học nghề thấp nhất (20 lao động năm 2019 và giảm xuống 11 người năm 2020). Nguyên nhân là do người dân tại xã có truyền thống làm nông nghiệp và trồng cây ăn quả, và truyền nghề trực tiếp qua các thế hệ. Bên cạnh đó, đóng trên địa bàn có 01 công ty rau quả sạch đã góp phần giải quyết việc làm cho rất nhiều lao động của xã.

- Xã Yên Sơn có tốc độ tăng số lao động có nhu cầu học nghề nhanh nhất (93 lao động năm 2019 và 148 lao động năm 2020, tăng 55 lao động, tương ứng 1.59 lần) do từ đầu năm 2019, xã Yên Sơn bắt đầu thực hiện chuyển đổi mô hình trồng mía sang trồng mận và xoài ghép, rất nhiều lao động đã đăng ký tham gia các lớp đào tạo nghề để kịp thời thích nghi.

Kết quả điều tra cho thấy số lượng lao động có nhu cầu đào tạo tại các xã trên địa bàn huyện còn khá ít, chỉ tập trung chủ yếu tại các xã vùng cao, vùng sâu vùng xa. Bên cạnh đó, sự chênh lệch về số lượng giữa các xã vùng cao và các xã dọc tuyến quốc lộ 6 là rất lớn. Một trong những nguyên nhân dẫn đến điều này là các chính sách hỗ trợ, chính sách tạo việc làm của các tổ chức, cơ quan trên địa bàn huyện hướng sự quan tâm đến các xã vùng cao, chính vì vậy, mức độ tiếp cận các chính sách giữa các xã là khác nhau.

*- Nhu cầu đào tạo từ phía doanh nghiệp*

Theo chương trình khảo sát của tỉnh, huyện Yên Châu đã điều tra nhu cầu về lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện năm 2020

**Bảng 2.7. Nhu cầu lao động từ phía doanh nghiệp huyện Yên Châu**

| Nhóm ngành công nghiệp          | Năm 2019         |           | Năm 2020         |           | Tốc độ tăng (lần) |
|---------------------------------|------------------|-----------|------------------|-----------|-------------------|
|                                 | Số người (người) | Tỉ lệ (%) | Số người (người) | Tỉ lệ (%) |                   |
| Cơ khí lắp ráp, chế tạo điện tử | 1762             | 32,2      | 1895             | 27,75     | 1,08              |
| Dệt may, da giày                | 2340             | 42,7      | 2710             | 39,7      | 1,16              |
| Chế biến thực phẩm              | 218              | 4,0       | 560              | 8,2       | 2,57              |
| Thủ công mỹ nghệ                | 356              | 6,5       | 480              | 7,03      | 1,35              |
| Vật liệu xây dựng               | 421              | 7,7       | 750              | 10,99     | 1,78              |
| Công nghiệp nhẹ khác            | 379              | 6,9       | 432              | 6,33      | 1,14              |
| Tổng số                         | 5.476            | 100       | 6.827            | 100       | 1,25              |

(Nguồn: Phòng Lao động - TBXH Yên Châu)

Qua điều tra có thể thấy nhu cầu lao động từ các doanh nghiệp trên địa bàn huyện tăng năm 2020 tăng 1,25 lần (1.351 người), trong đó:

- Nhóm ngành Dệt may, da giày có nhu cầu lao động nhiều nhất và vẫn có xu hướng tăng, năm 2020 tăng 1,16 lần (370 người) so với năm 2019, nguyên nhân là do huyện hiện nay có thêm một số doanh nghiệp tại các huyện lân cận như Phù Yên, Mường La được thành lập hoặc mở rộng quy mô.

- Nhóm ngành Cơ khí lắp ráp: là nhóm ngành có nhu cầu lao động nhiều thứ 2 năm 2020 chiếm 27,75%, tăng 1,08 lần so với năm 2019.

- Nhóm ngành công nghiệp nhẹ có nhu cầu lao động tăng ít nhất năm 2020 là 53 người, chiếm 6,33%, nguyên nhân là do hiện tại huyện Yên Châu đang quy hoạch các doanh nghiệp sản xuất gạch thủ công, thay vào đó là sản xuất gạch theo công nghệ mới, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Nhóm ngành chế biến thực phẩm có nhu cầu về lao động thấp, là do huyện có ít các cơ sở cũng như doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, đến cuối năm 2020, huyện Yên Châu xây dựng kế hoạch dự kiến đưa vào sử dụng 02 nhà máy chế biến thực phẩm, đây có thể sẽ là cơ hội để tăng nhu cầu lao động tại nhóm ngành này.

- Nhóm ngành thủ công mỹ nghệ có nhu cầu lao động tăng chậm năm 2020, chiếm 7,03%, nguyên nhân là do các hàng thủ công, mây tre đan của huyện không được đánh giá cao, thị trường tiêu thụ không được mở rộng.

### ***2.2.3 Lên kế hoạch đào tạo***

Hàng năm, nhằm giải quyết tình hình lao động nông thôn dôi dư, thiếu việc làm ở nông thôn, đảm bảo cho người có sức lao động, có nhu cầu học nghề được tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề của bản thân. Tạo điều kiện cho lao động nông thôn nâng cao trình độ về khoa học kỹ thuật, tay nghề; chủ động lập thân, lập nghiệp, tạo cơ hội tìm việc làm, vận dụng những kiến thức hiểu biết áp dụng

vào thực tế lao động sản xuất, kinh doanh dịch vụ...góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc, nâng cao thu nhập. Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo. Phòng Lao động - TBXH huyện là đơn vị tổ chức xây dựng Kế hoạch, triển khai các chương trình về việc làm và dạy nghề từng năm, sau đó UBND huyện ra Quyết định thực hiện. Để đảm bảo kế hoạch được thực hiện, các cơ quan, phòng ban phối hợp thực hiện kế hoạch như: Phòng Lao động - TBXH chịu trách nhiệm khảo sát, điều tra, lên danh sách; Phòng Tài chính - Kế hoạch bố trí ngân sách thực hiện; Đài Truyền thanh - Truyền hình chịu trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến kế hoạch; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế Hạ tầng, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng, Phòng Văn hóa thông tin và các phòng ban liên quan,...

\* *Xác định mục tiêu đào tạo nghề*: Hàng năm, UBND huyện Yên Châu đã giao phòng Lao động - TBXH phụ trách công tác đào tạo nghề trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phi nông nghiệp. Căn cứ vào lĩnh vực phân cấp quản lý, kết hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện và các mục tiêu KT - XH của các xã nói riêng và toàn huyện nói chung qua các giai đoạn thì: Phòng Lao động - TBXH có trách nhiệm tham mưu cho UBND huyện về xây dựng mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên từng vùng, xã, theo từng năm. Mục tiêu đào tạo nghề của huyện Yên Châu cho người lao động tập trung những vấn đề sau:

- Đáp ứng nhu cầu học nghề của người lao động, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm tại chỗ và chuyển đổi cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế của huyện.

- Từng bước nâng cao chất lượng lao động, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp CNH – HĐH nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

- Tăng tỉ lệ lao động được tạo việc làm sau khi học nghề đạt trên 70% (giai đoạn 2015-2020) và trên 80% (giai đoạn 2020-2025).

- Phân đầu duy trì và phát triển mỗi xã có 01 sản phẩm truyền thống phù hợp với đặc thù địa phương.

- Tăng tỉ lệ lao động sau học nghề có việc làm phi nông nghiệp đạt trên 75%.

- Tăng tỉ lệ các hộ gia đình có kinh tế mức khá, giàu tăng lên trên 8,0%; tỉ lệ các hộ gia đình có kinh tế ở mức trung bình tăng lên 65%, tỉ lệ các hộ gia đình cận nghèo giảm xuống 15% và hộ nghèo giảm xuống 12%.

*\* Xác định đối tượng đào tạo:* Hàng năm, để đảm bảo hiệu quả đào tạo nghề cho đúng người, đúng đối tượng, phòng Lao động - TBXH huyện Yên Châu có triển khai văn bản yêu cầu UBND các xã thông báo trên hệ thống loa, đài truyền thanh về thông tin mở các lớp đào tạo nghề theo các lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp với các nghề cụ thể và các điều kiện, đối tượng được tham gia học nghề, điều kiện người lao động được hỗ trợ học nghề và các chế độ chính sách ưu đãi cho người lao động.

Người lao động thuộc diện được hỗ trợ học nghề, có nhu cầu, nguyện vọng tham gia các lớp học sẽ đăng ký với UBND các xã để lập danh sách và được hướng dẫn lập hồ sơ theo quy định.

Hồ sơ của người lao động sẽ được tổng hợp và gửi về phòng Lao động - TBXH. Trên cơ sở xác định số lượng, nhu cầu, nguyện vọng được đào tạo nghề của người lao động, xác định được mục tiêu đào tạo và lựa chọn đúng đối tượng đào tạo, Phòng Lao động - TBXH huyện Yên Châu với chức năng là cơ quan thường trực trong Ban chỉ đạo đào tạo nghề và giải quyết việc làm của huyện sẽ tham mưu UBND huyện ban hành các quyết định phê duyệt đặt hàng đối với các đơn vị dạy nghề để mở các lớp học với các nghề tương ứng.

\* *Nội dung chương trình đào tạo nghề*: Phòng Lao động - TBXH là đơn vị trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về việc phê duyệt chương trình dạy nghề. Trong những năm qua, phòng Lao động - TBXH huyện Yên Châu luôn tích cực đổi mới và cải thiện nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn. Các nội dung đào tạo đã có phần phong phú đa dạng hơn, thích hợp cho cả giảng viên và người học. Nhằm đảm bảo kết quả đào tạo nghề đúng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương: Tăng số lao động trong các ngành công nghiệp, thương mại và dịch vụ, giảm lao động trong các ngành nông nghiệp kết hợp với nhu cầu của người học nghề, nên các đơn vị tập trung đào tạo các nghề: Pha chế đồ uống, Kỹ thuật chế biến món ăn, May công nghiệp, Điện dân dụng, Hàn... Nghề nông nghiệp cũng được đầu tư đào tạo, tuy nhiên đó là những nghề đòi hỏi phải có kỹ thuật, sản phẩm tạo ra giá trị cao như: Nuôi trồng và chế biến nấm ăn, nấm dược liệu; Trồng lúa chất lượng cao; Trồng rau hữu cơ, rau an toàn, Chăn nuôi thú y,... Một số nội dung đào tạo được UBND huyện đưa vào những năm vừa qua như: Đào tạo nghề nông - lâm nghiệp; Bảo quản chế biến; May mặc; Sửa chữa ô tô, xe máy,... Về những ngành như nông - lâm nghiệp, các học viên được thực hành trực tiếp trên đồng ruộng, các hợp tác xã,... ngay sau những giờ học lý thuyết, áp dụng được những điều đã học vào thực tế. Tuy nhiên, do cơ sở vật chất còn có hạn, các lớp đào tạo như sửa chữa ô tô, xe máy; cơ khí vẫn còn tạm dừng ở lý thuyết, các học viên chưa được thực hành, dẫn đến chất lượng đầu ra của các lớp đào tạo này chưa thực sự cao.

\* *Đánh giá từ giáo viên và cán bộ quản lý*

Ý kiến đóng góp của giáo viên và cán bộ quản lý là những người trực tiếp tạo ra kết quả đào tạo của các lớp dạy nghề là rất quý báu, giúp lãnh đạo đơn vị biết rõ chất lượng của mình và năng lực của đơn vị, từ đó có bước đi đúng hướng để đạt kết quả cao.

**Bảng 2.8. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên  
về mô hình đào tạo nghề**

*ĐVT: Người*

| Nội dung                            | Các lớp dạy nghề |                |
|-------------------------------------|------------------|----------------|
|                                     | Xã Viêng Lán     | Xã Chiềng Sàng |
| Số người điều tra xin ý kiến        | 10               | 10             |
| 1. Lao động chuyển đổi nghề         |                  |                |
| Chương trình dạy nghề không phù hợp | 6                | 2              |
| Thời gian học nghề không phù hợp    | 8                | 5              |
| 2. Lao động vùng chuyên canh        |                  |                |
| Chương trình dạy nghề không phù hợp | 8                | 8              |
| Thời gian học nghề không phù hợp    | 9                | 8              |
| 3. Lao động trong các làng nghề     |                  |                |
| Chương trình dạy nghề không phù hợp | 7                | 9              |
| Thời gian học nghề không phù hợp    | 8                | 9              |
| 4. Lao động thuần nông              |                  |                |
| Chương trình dạy nghề không phù hợp | 10               | 9              |
| Thời gian học nghề không phù hợp    | 9                | 8              |

*(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2021)*

Kết quả điều tra cho thấy phần lớn giáo viên và cán bộ quản lý cho rằng điều kiện cơ sở vật chất của xã chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo; thiếu trang thiết bị hiện đại, đồng bộ. 100% giáo viên được hỏi ý kiến cho rằng việc kết chặt chẽ giữa dạy nghề và tạo việc làm và nâng cao tay nghề là rất cần thiết; 100% giáo viên và cán bộ quản lý cho rằng sự cân đối giữa dạy tại lớp và trực tiếp xuống các công ty, xí nghiệp thực tập là rất hợp lý. Việc mở thêm nhiều ngành học, đào tạo nhiều cấp học là rất cần thiết với các trung tâm dạy nghề và các lớp đào tạo. Nội dung lý thuyết không sát thực tế, thực hành không đúng theo quy trình sản xuất của doanh nghiệp. Vì thế học viên thường bỏ học hoặc không tham gia đầy đủ thời gian học.



\* *Đánh giá từ học viên:*

**Bảng 2.9. Đánh giá của học viên về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu**

| Nội dung                                                   | Các lớp dạy nghề |                | Chung |
|------------------------------------------------------------|------------------|----------------|-------|
|                                                            | Xã Viêng Lán     | Xã Chiềng Sàng |       |
| Số người điều tra xin ý kiến                               | 50               | 50             | 100   |
| 1. Số người đến học có nhu cầu từ bản thân                 | 45               | 47             | 92    |
| 2. HÀi lòng về phương pháp dạy nghề                        | 14               | 38             | 52    |
| 3. HÀi lòng về cơ sở vật chất và thiết bị của lớp dạy nghề | 22               | 50             | 72    |
| 4. HÀi lòng về chương trình đào tạo                        | 36               | 38             | 74    |
| 5. HÀi lòng về kinh phí đào tạo                            | 45               | 48             | 93    |

(Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả, 2021)

Bảng cho thấy kết quả điều tra học viên đến đăng ký học nghề, đã thu được rất nhiều ý kiến, giúp cho việc đánh giá tương đối chính xác về kết quả hoạt động tuyển sinh, tư vấn của các lớp đào tạo nghề tại địa bàn huyện. Phần lớn người học xuất phát từ nhu cầu bản thân muốn học nghề và có việc làm. Số người cho rằng phương pháp dạy nghề và phong cách truyền nghề mà giáo viên đang áp dụng tại lớp đào tạo nghề xã Viêng Lán rất thấp (dưới 30%), người học nghề cho rằng các thầy cô giáo dạy kiến thức chủ yếu về lý thuyết, chưa sát với thực tế, rất khó vận dụng vào thực tiễn. Riêng tại xã Chiềng Sàng, người học được học lý thuyết gắn liền với thực hành tại xưởng sản xuất của xã nên người học rất hài lòng (76%) về phương pháp dạy nghề và phong cách truyền nghề mà giáo viên đang áp dụng trong đào tạo. Dưới 50% số người học được hỏi tại lớp đào tạo nghề xã Viêng Lán hài lòng về cơ sở vật chất và thiết bị của lớp, họ cho rằng trang thiết bị dạy nghề còn thiếu và lạc hậu. Tại xã Chiềng Sàng 100% số người được hỏi rất hài lòng về cơ sở vật chất của xã, do xã đã được đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại để đào tạo và sản xuất, từ nguồn kinh phí của xã. Số học viên cho rằng sau

học nghề sẽ dễ dàng tìm được việc làm tại 02 xã Viêng Lán và Chiềng Sàng đều ở mức khá cao (81% tại Viêng Lán và 87% tại Chiềng Sàng).

**Bảng 2.10. Số lớp kế hoạch đào tạo nghề phân theo các xã tại huyện Yên Châu giai đoạn 2015 - 2020**

| Xã, thị trấn | Cơ khí, lắp ráp | Dệt may, da giày | Chế biến thực phẩm | Thủ công mỹ nghệ | Vật liệu xây dựng | Khác | Số lượng lao động |
|--------------|-----------------|------------------|--------------------|------------------|-------------------|------|-------------------|
| Tú Nang      | 0               | 0                | 0                  | 0                | 0                 | 2    | 120               |
| Chiềng Hặc   | 1               | 1                | 0                  | 0                | 1                 | 0    | 135               |
| Sập Vạt      | 0               | 2                | 1                  | 1                | 1                 | 1    | 210               |
| Viêng Lán    | 1               | 1                | 0                  | 1                | 1                 | 0    | 95                |
| Chiềng Păn   | 0               | 1                | 0                  | 0                | 1                 | 0    | 60                |
| Chiềng Sàng  | 0               | 0                | 1                  | 0                | 1                 | 0    | 60                |
| Chiềng Đông  | 0               | 0                | 2                  | 0                | 1                 | 1    | 115               |
| Yên Sơn      | 1               | 0                | 1                  | 0                | 1                 | 0    | 135               |
| Lóng Phiêng  | 0               | 0                | 2                  | 0                | 1                 | 0    | 150               |
| Phiêng Khoài | 0               | 0                | 1                  | 0                | 1                 | 0    | 85                |
| Chiềng On    | 0               | 0                | 1                  | 0                | 1                 | 0    | 75                |
| Chiềng Tương | 0               | 0                | 1                  | 0                | 1                 | 1    | 225               |
| Mường Lựm    | 0               | 0                | 1                  | 0                | 1                 | 1    | 95                |
| Chiềng Khoi  | 1               | 0                | 0                  | 0                | 1                 | 1    | 120               |

*Nguồn: Phòng Lao động - Thương binh Xã hội*

Bảng số liệu trên cho thấy, UBND huyện Yên Châu rất quan tâm đến vấn đề giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện, những năm qua, UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản, chính sách chỉ đạo thực hiện như: Kế hoạch số 126/KH-UBND của UBND huyện Yên Châu về Kế hoạch dạy nghề và chuyển giao kỹ thuật sản xuất cho lao động nông thôn năm 2018; Kế hoạch số 43/KH-BCĐ về kế hoạch kiểm tra giám sát công tác dạy nghề năm 2019,...

Tuy nhiên, vẫn còn một số các chương trình, chính sách vẫn chưa kịp thời được thực hiện, triển khai đúng thời hạn. Kế hoạch được xây dựng nhưng chưa toàn diện, chưa phổ cập được hết tất cả những nội dung đào tạo nghề

đến các xã, trung bình trong giai đoạn 5 năm (2015 - 2020), mỗi xã chỉ thực hiện trung bình 3 lớp đào tạo nghề, số lượng đào tạo nghề theo kế hoạch là 1680 người. Như vậy là quá ít và chưa thực sự đáp ứng được vấn đề giải quyết nhu cầu đào tạo. Vẫn còn tình trạng thực hiện mang tính hình thức; Các nội dung và phương pháp đào tạo nghề vẫn còn hạn chế, thiếu sự linh hoạt đổi mới. Điều này cần được khắc phục kịp thời trong thời gian tới.

\* *Hoạt động phát triển giáo trình, học liệu học nghề*: Trung tâm dạy nghề cấp huyện tuy đã xây dựng nhưng chưa đi vào hoạt động nên các hoạt động liên quan đến phát triển chương trình, giáo trình, học nghề chưa được thực hiện tại chỗ. Các đơn vị dạy nghề (theo hợp đồng: Đại học Tây Bắc, Cao đẳng Nông Lâm Sơn La, Công ty than khoáng sản Quảng Ninh,...) trên cơ sở năng lực đào tạo, tiêu chuẩn dạy nghề theo quy định đã thực hiện chuẩn bị đầy đủ chương trình, giáo trình, học nghề, đảm bảo các điều kiện giảng dạy, cơ sở vật chất cho việc thực hành, giúp cho người lao động vừa nắm được kiến thức, trau dồi kỹ năng thực tế để áp dụng vào phát triển sản xuất.

\* *Lựa chọn phương pháp dạy nghề*: Hiện nay, các phương pháp dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Yên Châu là tương đối đa dạng, linh hoạt về thời gian, địa điểm và cách thức tổ chức. Qua nghiên cứu cho thấy, những năm qua các cơ sở dạy nghề đã chủ động thay đổi các phương pháp đào tạo nghề nhằm thu hút được người học, đặc biệt đối tượng là những lao động nông thôn. Các phương pháp này đang được triển khai tương đối linh hoạt về thời gian và trình độ. Tuy nhiên, xác định được các phương pháp dạy nghề phù hợp với đối tượng và điều kiện tình hình cụ thể của địa phương là vấn đề cần quan tâm và giải quyết sớm. Cần tiến hành kiểm tra, xem xét phương pháp nào đang triển khai phù hợp cần tiếp tục nhân rộng, hình thức nào chưa thực sự phù hợp thì cần nghiên cứu, tìm biện pháp khắc phục. Đặc biệt cần quan tâm xem các địa phương khác đang

triển khai hình thức đào tạo có hiệu quả có phù hợp với điều kiện cụ thể của huyện thì cần triển khai trong thời gian tới. Giải quyết tốt các vấn đề trên không chỉ giúp cho bộ phận lao động huyện được học nghề mà còn có cơ hội tìm kiếm được việc làm có thu nhập ổn định. Qua đó, huyện cũng giải quyết được phần nào các vấn đề: giải quyết việc làm cho người lao động, xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng nguồn lao động... đồng thời giúp cho huyện có bước tăng trưởng kinh tế cao hơn, đảm bảo an sinh xã hội. Dưới đây là một số phương pháp dạy nghề đang triển khai trên địa bàn huyện Yên Châu.

**Bảng 2.11. Một số hình thức dạy nghề trên địa bàn huyện Yên Châu giai đoạn 2015 - 2020**

| STT | Phương pháp dạy nghề              | Số lớp áp dụng | Số học viên |
|-----|-----------------------------------|----------------|-------------|
| 1   | Dạy nghề tại cơ sở dạy nghề       | 11             | 390         |
| 2   | Đào tạo nghề gắn với doanh nghiệp | 7              | 164         |
| 3   | Bồi dưỡng nâng cao tay nghề       | 12             | 437         |

*Nguồn: Phòng Lao động - TBXH*

*\* Xây dựng thời gian, quy mô của khóa học:*

Để đảm bảo chất lượng dạy và học, và phát huy khả năng tham gia của người học trong quá trình trao đổi kinh nghiệm, Phòng Lao động – TBXH huyện Yên Châu xây dựng thời gian mỗi khóa học kéo dài khoảng 2-3 tháng. Học viên học các ngày trong tuần và được nghỉ thứ 7, chủ nhật. mỗi lớp học chỉ nên có từ 30 - 35 học viên.

*\* Lựa chọn đội ngũ giảng viên dạy nghề:* Đối với công tác dạy nghề, giáo viên ngoài các yêu cầu đủ trình độ về sư phạm và chuyên môn còn phải có kinh nghiệm trong việc hướng dẫn thực hành để đảm bảo được chất lượng sau đào tạo. Việc đảm bảo được chất lượng sau đào tạo là điều kiện

cho người lao động dễ tìm được việc làm từ đó mới thu hút được người lao động tham gia học nghề.

Căn cứ vào các tiêu chuẩn, quy định của Bộ Lao động - TBXH về quy định chuẩn giáo viên, giảng viên dạy nghề, Phòng Lao động - TBXH huyện tế đã chủ động lựa chọn đội ngũ giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham gia giảng dạy các lớp đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn huyện sau đó trình UBND huyện để ký duyệt.

*\* Xác định kinh phí thực hiện đào tạo nghề*

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch đào tạo kết hợp với ngân sách nhà nước, tỉnh Sơn La sẽ phân bổ kinh phí về đào tạo nghề cho các huyện để tổ chức thực hiện đào tạo nghề. Mức hỗ trợ tùy thuộc vào mỗi nghề, trung bình khoảng 2 - 3 triệu đồng/ngành.

- Tổng kinh phí thực hiện từ năm 2010 - 2020 là 4.303 triệu đồng từ nguồn kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới. Trong đó, kinh phí thực hiện trong giai đoạn 2015 - 2020 là 3.077,7 triệu đồng (Bảng 2.12).

- Nhu cầu kinh phí để đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010 - 2020 là 20.020 triệu đồng, thực tế đáp ứng được 3.653 triệu đồng chiếm 18.2%, kinh phí hàng năm được cấp kịp thời.

***Bảng 2.12. Tổng kinh phí thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu giai đoạn 2015 - 2020***

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| <b>Năm</b>                | <b>2015</b> | <b>2016</b> | <b>2017</b> | <b>2018</b> | <b>2019</b> | <b>2020</b> |
|---------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| <b>Kinh phí</b>           | 273,1       | 388,5       | 501,1       | 572,3       | 592,7       | 750         |
| <b>Kinh phí/ lao động</b> | 3,03        | 3,70        | 4,01        | 2,72        | 2,37        | 2,73        |

*Nguồn: Phòng Lao động - TBXH huyện Yên Châu*

Việc phân bổ kinh phí, triển khai thực hiện hỗ trợ cho đối tượng học nghề, cho đơn vị đào tạo trên địa bàn huyện đã đảm bảo kịp thời, tạo thuận lợi và đã phát huy được hiệu quả nguồn vốn cho công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện. Nguồn kinh phí phân bổ của tỉnh và của huyện cho đào tạo nghề hàng năm không ngừng được nâng. Người lao động được thụ hưởng nhiều lợi ích từ các chính sách đào tạo nghề và được tạo điều kiện thuận lợi tối đa để tham gia học nghề. Tuy nguồn kinh phí hàng năm dành cho hoạt động đào tạo nghề của huyện có tăng nhưng chưa đủ để đáp ứng hết nhu cầu học nghề của người lao động. Do vậy, UBND huyện cần có phương án cân đối nguồn ngân sách của thành phố và nguồn chi hoạt động thường xuyên của huyện để có nguồn kinh phí đáp ứng đủ nhu cầu học nghề của người dân trên địa bàn huyện.

#### **2.2.4 Tổ chức thực hiện đào tạo nghề**

Hàng năm, Sở Lao động TBXH tỉnh Sơn La có công văn chỉ đạo, hướng dẫn tới UBND huyện nhằm phân định rõ quy trình thực hiện công tác đào tạo nghề trên địa bàn. Các cơ quan, đơn vị được phân công nhiệm vụ cụ thể và xuyên suốt trong quá trình thực hiện công tác đào tạo nghề. Cụ thể như:

##### **\* Phòng Lao động - Thương binh Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị liên quan để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước.

- Phối hợp với cơ sở dạy nghề tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và của tỉnh về đào tạo nghề và giải quyết việc làm

cho LĐNT sau khi học nghề, đồng thời phối hợp với các doanh nghiệp làm tốt công tác tuyển chọn lao động vào làm việc khi hoàn thành khóa học.

- Hướng dẫn UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện kế hoạch, theo dõi, thống kê tình trạng việc làm, thu nhập của lao động nông thôn sau khi học nghề trên địa bàn xã.

- Tham mưu cho UBND huyện tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn, đảm bảo công tác dạy nghề đạt chất lượng, đúng quy định. Thường xuyên kiểm tra, quản lý chặt chẽ trong quá trình đào tạo nghề ở cơ sở.

- Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, cả năm tổng hợp tham mưu cho UBND huyện báo cáo đánh giá kết quả thực hiện việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quy định.

*\* Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

- Chủ trì, phối hợp với phòng Lao động - TBXH huyện tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc lĩnh vực Nông nghiệp; kiểm tra, giám sát việc thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

- Giúp UBND huyện đánh giá tình hình lao động ở các lĩnh vực nông nghiệp, xác định cơ cấu, chuyển dịch lao động trong các ngành kinh tế; việc đào tạo nghề cho lao động gắn với thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, định kỳ 6 tháng, một năm báo cáo UBND huyện và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

*\* Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện*

Phối hợp với phòng Lao động - TBXH huyện hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn theo đúng quy định.

*\* Phòng Dân tộc huyện*

Triển khai tuyên truyền các chính sách trong Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn cho các đối tượng người dân tộc, nâng cao nhận thức cho người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện về công tác đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn.

*\* Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện*

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp và người lao động về vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác dạy nghề nói chung, đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói riêng trong tình hình hiện nay.

*\* Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn*

- Tổ chức triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn của huyện trên địa bàn, sát thực với nhu cầu của người lao động và hiệu quả.

- Phối hợp với các cơ quan, ngành chức năng của huyện, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, các đơn vị tuyển lao động để chỉ đạo thực hiện công tác rà soát nhu cầu học nghề, lựa chọn lĩnh vực ngành nghề, tổ chức các lớp đào tạo nghề tại địa phương.

- Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về chế độ và quyền lợi của người lao động khi tham gia học nghề.

- Phối hợp với cơ sở dạy nghề xác định đối tượng tham gia học nghề; theo dõi, thống kê tình trạng việc làm, thu nhập của lao động nông thôn sau khi học nghề.

- Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo kết quả thực hiện gửi về Phòng Lao động - TBXH huyện tổng hợp báo cáo Sở Lao động - TBXH và UBND huyện.

- Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra việc dạy nghề đối với các cơ sở tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn như: theo dõi kiểm tra



khai giảng lớp học, kiểm tra lịch học và kiểm tra đột xuất trong quá trình dạy nghề, theo dõi việc tổ chức thi và cấp chứng chỉ nghề đối với học viên.

Tuy nhiên, công tác kiểm tra, giám sát còn nhiều hạn chế; số lượng và thời gian tập huấn về nghiệp vụ quản lý nhà nước đối với công tác dạy nghề còn quá ít so với nhu cầu, mới chỉ dừng lại ở mức tập huấn thời gian ngắn, cán bộ làm công tác quản lý chủ yếu phải tự tham khảo tài liệu qua nhiều kênh thông tin. Cán bộ cấp xã do phải đảm nhiệm nhiều công việc chuyên môn khác nên ít có thời gian cho công tác quản lý nhà nước về dạy nghề.

*\* Đoàn giám sát cấp huyện:*

+ Thành phần: là Trưởng hoặc Phó phòng Lao động - Thương binh xã hội và UBND xã có lớp học. Đoàn thực hiện nhiệm vụ kiểm tra: Số lượng học viên có mặt so với tổng số học viên có trong danh sách; Nội dung, chương trình bài giảng có đúng với kế hoạch giảng dạy mà đơn vị dạy nghề đã đăng ký với UBND huyện; Thời gian giảng dạy; Trang thiết bị phục vụ tiết học; Cơ sở vật chất...

*\* Đoàn giám sát cấp xã:*

+ Thành phần: UBND xã có lớp học cử cán bộ thuộc các ban ngành đoàn thể như Hội liên hiệp phụ nữ xã, Hội nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM. Đoàn thực hiện nhiệm vụ kiểm tra: Ngoài các nội dung giống của đoàn kiểm tra cấp huyện; Điểm danh số học viên tham gia lớp học hàng ngày; Phối hợp với giáo viên bố trí thời gian và địa điểm học phù hợp.

Trong quá trình tổ chức và triển khai lớp học, UBND huyện đã giao nhiệm vụ giám sát lớp học cho 01 đồng chí cán bộ công chức Lao động - Thương binh Xã hội cấp xã. Tuy nhiên, số lượng buổi kiểm tra, giám sát của cấp huyện chưa thực sự đảm bảo. Do số lượng cán bộ chuyên trách về công tác đào tạo nghề của huyện chưa có nên việc kiểm tra, giám sát của cấp huyện đối với các đơn vị dạy nghề còn hạn chế. Điều này, ít nhiều đã ảnh hưởng đến

việc giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình dạy và học nghề, các kiến nghị, đề xuất cũng chưa được giải quyết kịp thời.

*\* Các cơ sở dạy nghề tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn*

- Khi tiến hành mở lớp, nếu có sự thay đổi về người học, lịch học, thời khóa biểu thì cơ sở dạy nghề phải có văn bản báo cáo: Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội (đối với lớp nghề phi nông nghiệp), Phòng Kinh tế (đối với lớp nghề nông nghiệp) trước 7 ngày tính từ khi khai giảng và phải được chấp thuận bằng văn bản mới được thay đổi.

- Phối hợp với UBND các xã, phường có lớp tuyển sinh lao động đủ điều kiện, khi có người thay đổi phải bổ sung.

- Tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn theo đúng chương trình đào tạo, kế hoạch dạy nghề đó được phê duyệt. Tổ chức kiểm tra, công nhận tốt nghiệp, cấp chứng chỉ đối với người học nghề theo quy định.

- Cơ sở dạy nghề phải công khai kế hoạch tổ chức lớp học theo hợp đồng đã ký kết để UBND các xã, phường phối hợp giám sát việc thực hiện của cơ sở dạy nghề;

- Lập các biểu mẫu sổ sách quản lý dạy và học đối với lớp dạy nghề cho lao động nông thôn đúng hệ thống biểu mẫu theo quy định.

- Sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả. Tổng hợp và lưu giữ hồ sơ, chứng từ thu, chi, thanh quyết toán theo quy định hiện hành, chịu trách nhiệm về tính pháp lý của chứng từ đó.

- Phối hợp với UBND các xã, phường có lớp học theo dõi, thống kê tình trạng việc làm, thu nhập của LĐNT do cơ sở đào tạo sau học nghề. Báo cáo tình hình, kết quả tổ chức dạy nghề cho LĐNT theo quy định.

*\* Trách nhiệm của người lao động nông thôn tham gia học nghề*

- Tìm hiểu để nắm được chính sách, quy định về dạy nghề cho lao động nông thôn, tên các nghề đào tạo, điều kiện của nghề học, địa chỉ nơi làm việc

sau khi học, các cơ sở đủ điều kiện tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn để lựa chọn nghề học, cơ sở dạy nghề phù hợp với bản thân.

- Kê khai đúng, đầy đủ các thông tin về bản thân, nhu cầu về nghề học đó lựa chọn khi làm đơn đăng ký học nghề có xác nhận của UBND xã.

- Tham gia đầy đủ các buổi học, chấp hành các quy định của lớp học, của cơ sở dạy nghề; cung cấp trung thực, đầy đủ thông tin về tình trạng việc làm, thu nhập sau học nghề cho UBND các xã, phường nơi cư trú để tổng hợp báo cáo theo quy định

Nhìn chung, bộ phận chịu trách nhiệm quản lý đào tạo, xây dựng lịch trình, kế hoạch, lựa chọn cơ sở đào tạo nghề là phòng Lao động - Thương binh xã hội của huyện. Phòng Lao động - Thương binh xã hội cũng phối hợp liên hệ với các doanh nghiệp, tổng hợp nhu cầu tuyển dụng để xây dựng chương trình, chính sách đào tạo cho phù hợp. Hàng năm ngân sách Trung ương và địa phương sẽ chi một khoản nhất định cho việc thực hiện công tác quản lý đào tạo nghề của huyện. Nguồn ngân sách này chiếm khoảng 10% tổng kinh phí đào tạo cho lao động nông thôn, điều này đã tạo thuận lợi cho việc quản lý đào tạo nghề của huyện. Về việc chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất để tiến hành đào tạo, dựa vào kế hoạch đào tạo đã xây dựng, Phòng Lao động - TBXH huyện sẽ phối hợp với UBND các xã, thị trấn và các cán bộ Lao động - TBXH xã để dự kiến và sắp xếp các trang, thiết bị cần thiết cho đào tạo. Ví dụ như:

- + Năm 2016: Ủy ban nhân dân huyện giao cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện liên kết với 01 đơn vị là Trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc Trường Đại học tây bắc mở 03 lớp dạy nghề tại xã Tú Nang với số học viên là 105 người.

- + Năm 2017: UBND huyện giao cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện liên kết với 01 đơn vị là Trung tâm nghiên cứu khoa học và

chuyển giao công nghệ thuộc Trường Đại học Tây Bắc mở 03 lớp dạy nghề tại 02 xã Chiềng Sàng và Viêng Lán với số học viên là 131 người.

+ Năm 2018: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện liên kết với 01 đơn vị là Công ty Than khoáng sản Quảng Ninh mở 02 lớp dạy nghề tại xã Chiềng Păn và Chiềng Sàng với số học viên là 135 người.

+ Năm 2019: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện liên kết với 02 đơn vị là Công ty than khoáng sản Quảng Ninh và trường Cao đẳng Nông Lâm Sơn La mở 04 lớp dạy nghề với số học viên dự kiến khoảng 150 người,...

### **2.2.5 Đánh giá kết quả đào tạo nghề**

- Năm 2016: UBND huyện giao cho Phòng Lao động - Thương binh xã hội huyện liên kết với 01 đơn vị là Trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc Trường Đại học tây bắc mở 03 lớp dạy nghề tại xã Tú Nang (03 lớp kỹ thuật sơ chế và bảo quản nông sản với số học viên là 105 người đạt 87,5 % kế hoạch đề ra.

- 9 tháng đầu năm 2017: UBND huyện giao Phòng Lao động - Thương binh xã hội huyện phối hợp với các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, định hướng cho lao động nông thôn đăng ký tham gia học nghề. Trên cơ sở số lao động đăng ký học nghề và kinh phí được giao năm 2017, Trung tâm Giáo dục thường xuyên đang triển khai thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956 là 131 người (đạt 84,5% so với kế hoạch), với 02 nghề là:

+ Trồng rau an toàn: 02 lớp với 61 lao động tại xã Viêng Lán và Chiềng Sàng.

+ Chăn nuôi và phòng bệnh cho gia súc, gia cầm: 02 lớp với 70 lao động tại 02 xã Viêng Lán và Chiềng Sàng.

Do phạm vi nghiên cứu có hạn, tác giả chỉ tập trung phân tích, đánh giá kết quả đào tạo nghề theo các tiêu chí sau:

- Số lớp đào tạo được mở so với kế hoạch đề ra
- Tỷ lệ học viên có việc làm so với tổng số học viên tốt nghiệp
- Tỷ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm đúng nghề đào tạo
- Tỷ lệ học viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp
- Sự thay đổi thu nhập của người lao động sau khi được đào tạo
- Khả năng thích ứng nghề nghiệp trong thực tiễn

**Bảng 2.13. Số lớp đào tạo nghề được mở phân theo nghề huyện Yên Châu giai đoạn 2015 - 2020**

| Xã, thị trấn | Cơ khí, lắp ráp | Dệt may, da giày | Chế biến thực phẩm | Thủ công mỹ nghệ | Vật liệu xây dựng | Khác | Số lượng lao động |
|--------------|-----------------|------------------|--------------------|------------------|-------------------|------|-------------------|
| Tú Nang      | 2               | 0                | 3                  | 0                | 0                 | 0    | 175               |
| Chiềng Hặc   | 0               | 0                | 1                  | 0                | 0                 | 0    | 45                |
| Sập Vạt      | 0               | 0                | 1                  | 0                | 0                 | 0    | 55                |
| Viêng Lán    | 1               | 0                | 2                  | 0                | 0                 | 2    | 235               |
| Chiềng Păn   | 1               | 0                | 0                  | 0                | 0                 | 1    | 60                |
| Chiềng Sàng  | 0               | 0                | 2                  | 0                | 0                 | 2    | 165               |
| Chiềng Đông  | 0               | 1                | 0                  | 0                | 0                 | 0    | 30                |
| Yên Sơn      | 0               | 0                | 0                  | 0                | 0                 | 0    | 0                 |
| Lóng Phiêng  | 0               | 0                | 1                  | 0                | 0                 | 0    | 35                |
| Phiêng Khoài | 0               | 0                | 2                  | 0                | 0                 | 0    | 70                |
| Chiềng On    | 0               | 0                | 1                  | 0                | 0                 | 0    | 45                |
| Chiềng Tương | 0               | 0                | 0                  | 0                | 0                 | 1    | 35                |
| Mường Lựm    | 0               | 0                | 0                  | 0                | 0                 | 0    | 0                 |
| Chiềng Khoi  | 0               | 0                | 2                  | 0                | 0                 | 0    | 105               |

*Nguồn: Phòng Lao động - Thương binh Xã hội huyện Yên Châu*

So sánh với kế hoạch mở lớp đào tạo (Bảng 2.8), thấy rằng số lớp đào tạo và số lao động qua đào tạo vẫn chưa đạt kế hoạch đề ra. Số lao động qua đào tạo giai đoạn 2015 - 2020 là 1.055 người (đạt 62,8% so với kế hoạch đề ra) huyện Yên Châu đang quan tâm, chú trọng mở lớp đào tạo về lĩnh vực nông nghiệp như trồng trọt, chế biến thực phẩm,...nguyên nhân do những năm gần đây, huyện Yên Châu đã triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ kỹ thuật, quy trình sản xuất, thu hoạch, quản lý chất lượng nông sản, xây dựng, phát triển và hoàn thiện các chuỗi liên kết sản xuất với tiêu thụ. Đồng thời, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã về bao bì, quảng bá và giới thiệu sản phẩm ra thị trường, truy xuất nguồn gốc, xây dựng điểm thu mua, ứng dụng công nghệ sơ chế sau thu hoạch. Liên kết, ký hợp đồng với các doanh nghiệp thu mua nông sản... Qua đó, góp phần tạo điều kiện mở rộng thị trường lao động. Do trên địa bàn có rất ít doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp (cơ khí, dệt may, vật liệu xây dựng,...) nên huyện Yên Châu chưa mở lớp đào tạo nghề các lĩnh vực này, lao động chủ yếu tham gia đào tạo các ngành phi nông nghiệp tại các huyện lân cận như Phù Yên (da giày, dệt may), Bắc Yên (vật liệu xây dựng), Mộc Châu (dịch vụ thương mại), Mai Sơn (điện, cơ khí),...

- Tổng số lao động nông thôn được đào tạo 1.055 người (*Theo bảng 2.14, tr61*) trong đó: Nông nghiệp có 21 lớp với 900 học viên. Kết quả so với nhu cầu thực tế đạt 15,34%. Số lượng lao động được đào tạo trồng trọt cao nhất (238 người) và thấp nhất là chăn nuôi gia súc (33 người). Nguyên nhân là do người dân trên địa bàn huyện Yên Châu chủ yếu làm nghề trồng trọt (trồng lúa, ngô, sắn, mía,...) một vài năm trở lại đây mới bắt đầu chuyển đổi sang trồng cây ăn quả. Số lượng lao động đào tạo nghề chăn nuôi gia súc thấp là do ít có doanh nghiệp lớn và khó tìm được nơi tiêu thụ sản phẩm, chủ yếu chỉ là các hộ gia đình kinh doanh nhỏ lẻ. Số lao động tiếp tục làm nghề cũ là 923 người, chiếm tỉ lệ lớn (87,49%); trong khi số lao động tự tạo việc làm chỉ

chiếm 12,51%. Số lao động thoát nghèo đạt 46,64%; Số lao động có thu nhập khá đạt 19,34%; Số lao động thành lập được hợp tác xã chiếm 2,36%. Tỷ lệ này cho thấy sự thay đổi thu nhập của lao động sau đào tạo nghề còn chưa cao. Huyện cần quan tâm hơn nữa trong việc hỗ trợ lao động sau đào tạo.

- Kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo tại huyện Yên Châu giai đoạn 2015 - 2020 được thể hiện qua bảng số liệu sau:

**Bảng 2.14. Kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại Yên Châu  
giai đoạn 2015 - 2020**

*ĐVT: Người*

| Tên nghề đào tạo                      | Tổng số lao động được đào tạo | Tổng số người có việc làm |           | Lao động tiếp tục làm nghề cũ | Lao động tự tạo việc làm | Lao động thành lập được HTX | Lao động thoát nghèo | Lao động có thu nhập khá |
|---------------------------------------|-------------------------------|---------------------------|-----------|-------------------------------|--------------------------|-----------------------------|----------------------|--------------------------|
|                                       |                               | Chỉ tiêu                  | Tỷ lệ (%) |                               |                          |                             |                      |                          |
| Nông lâm tổng hợp                     | 238                           | 236                       | 100       | 198                           | 40                       | 5                           | 85                   | 30                       |
| Chăn nuôi gia súc                     | 33                            | 33                        | 100       | 29                            | 4                        | 3                           | 7                    | 4                        |
| Kỹ thuật trồng nấm                    | 42                            | 42                        | 100       | 35                            | 7                        | 2                           | 21                   | 11                       |
| Kỹ thuật nuôi lợn                     | 45                            | 45                        | 100       | 45                            | 0                        | 2                           | 25                   | 20                       |
| Kỹ thuật nuôi gà                      | 50                            | 50                        | 100       | 50                            | 0                        | 0                           | 17                   | 13                       |
| Kỹ thuật nuôi gia cầm                 | 65                            | 65                        | 100       | 52                            | 13                       | 0                           | 33                   | 24                       |
| Kỹ thuật sơ chế và bảo quản nông sản  | 93                            | 93                        | 100       | 82                            | 11                       | 4                           | 31                   | 11                       |
| Trồng trọt                            | 121                           | 121                       | 100       | 115                           | 6                        | 3                           | 68                   | 18                       |
| Trồng rau sạch an toàn                | 68                            | 68                        | 100       | 53                            | 15                       | 2                           | 29                   | 13                       |
| Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả | 145                           | 145                       | 100       | 121                           | 24                       | 2                           | 95                   | 35                       |
| Các ngành khác (Phi nông nghiệp)      | 155                           | 155                       | 100       | 143                           | 12                       | 2                           | 60                   | 25                       |
| <b>Tổng</b>                           | <b>1.055</b>                  | <b>1.055</b>              |           | <b>923</b>                    | <b>132</b>               | <b>25</b>                   | <b>471</b>           | <b>204</b>               |

*Nguồn: Phòng Lao động - Thương binh Xã hội huyện Yên Châu*

- Ngoài ra, để có cái nhìn tổng quát hơn về thực trạng kết quả thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Yên Châu, số liệu dưới bảng đây sẽ đem lại thông tin đầy đủ và chính xác nhất.

**Bảng 2.15. Lao động nông thôn được đào tạo nghề  
phân theo đối tượng**

| <b>Năm</b><br><br><b>Nội dung</b> | <b>2016</b>      |           | <b>2017</b>      |           | <b>2018</b>      |           | <b>2019</b>      |           | <b>2020</b>      |           |
|-----------------------------------|------------------|-----------|------------------|-----------|------------------|-----------|------------------|-----------|------------------|-----------|
|                                   | Số người (người) | Tỉ lệ (%) | Số người (người) | Tỉ lệ (%) | Số người (người) | Tỉ lệ (%) | Số người (người) | Tỉ lệ (%) | Số người (người) | Tỉ lệ (%) |
| Tổng số đào tạo                   | 105              | 100       | 125              | 100       | 210              | 100       | 250              | 100       | 275              | 100       |
| <b>Phân theo giới tính</b>        |                  |           |                  |           |                  |           |                  |           |                  |           |
| Nữ                                | 33               | 31,43     | 39               | 31,20     | 89               | 42,38     | 101              | 40,40     | 118              | 42,90     |
| Nam                               | 72               | 68,57     | 86               | 68,80     | 121              | 57,62     | 149              | 59,60     | 157              | 57,10     |
| <b>Phân theo tính chất</b>        |                  |           |                  |           |                  |           |                  |           |                  |           |
| Chương trình 1956                 | 21               | 20,00     | 25               | 20,00     | 35               | 16,67     | 65               | 26,00     | 95               | 34,55     |
| Đối tượng khác                    | 84               | 80,00     | 100              | 80,00     | 175              | 83,33     | 185              | 74,00     | 180              | 65,45     |

*Nguồn: Phòng Lao động - TBXH huyện Yên Châu*

Đối tượng đào tạo nghề phân theo giới tính: trong cơ cấu lao động nông thôn được đào tạo nghề hàng năm từ năm 2016 đến năm 2020, thì lao động nam chiếm tỉ lệ lớn hơn, do Yên Châu phát triển một số ngành cần nhiều lao động nam. Ngoài ra, do tư tưởng trọng nam kinh nữ của người phương Đông, nữ không cần học nhiều, nên kể cả sau khi tốt nghiệp THCS thì các lao động nam vẫn được ưu tiên hơn trong việc đi làm tại các doanh nghiệp.

Đối tượng đào tạo nghề phân theo tính chất: nhìn vào bảng số liệu có thể thấy, lao động nông thôn được đào tạo theo chương trình 1956 của chính phủ chiếm tỉ lệ thấp hơn, cao nhất năm 2020 là 34,55%, chủ yếu vẫn là lao động không thuộc diện hỗ trợ.



Ngoài ra, khi phân loại đối tượng đào tạo nghề có thể phân theo lứa tuổi, chưa có số liệu chính thức nhưng có thể nhận thấy lao động thanh niên là chủ yếu, lao động ở độ tuổi trung tuổi chiếm tỉ lệ nhỏ chủ yếu được đào tạo theo chương trình 1956 hoặc hỗ trợ của địa phương.

**Bảng 2.16. Tình hình việc làm của lao động sau đào tạo nghề  
huyện Yên Châu năm 2018 và năm 2020**

| S<br>T<br>T | Hình thức việc làm của<br>lao động sau đào tạo<br>nghề | Năm 2018            |           | Năm 2020             |           |
|-------------|--------------------------------------------------------|---------------------|-----------|----------------------|-----------|
|             |                                                        | Số lượng<br>(người) | Tỉ lệ (%) | Số lượng<br>( người) | Tỉ lệ (%) |
| 1           | Được doanh nghiệp tuyển dụng                           | 63                  | 36,84     | 101                  | 45,29     |
| 2           | Được doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm                    | 21                  | 12,28     | 24                   | 10,76     |
| 3           | Tiếp tục làm nghề cũ nhưng thu nhập cao hơn            | 46                  | 26,90     | 55                   | 24,66     |
| 4           | Chuyển đổi nghề sau đào tạo                            | 41                  | 23,98     | 43                   | 19,29     |

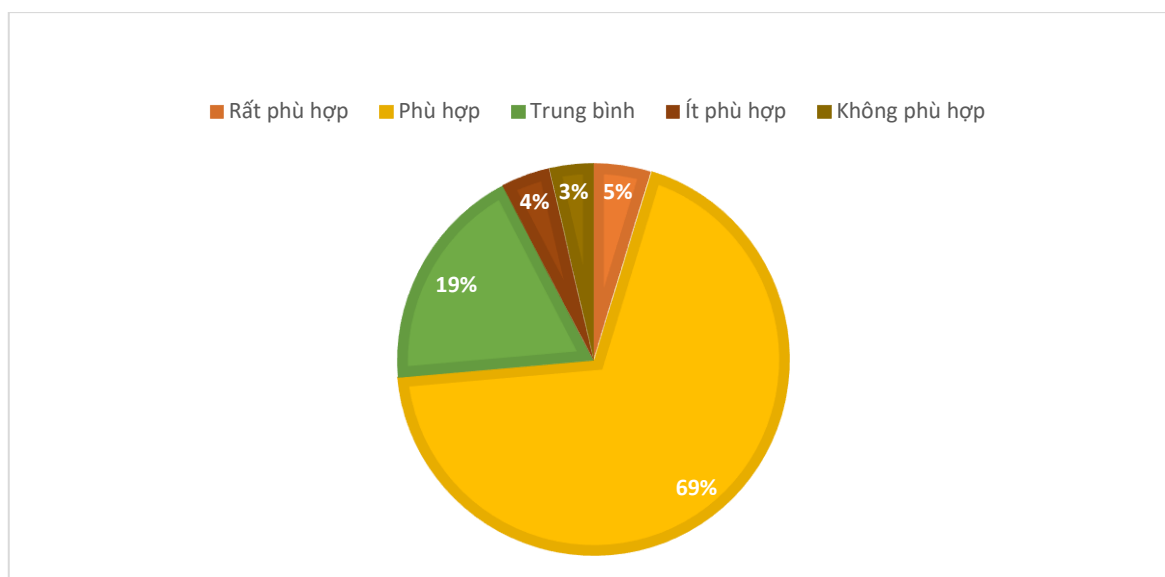
*Nguồn: Chi cục thống kê, Phòng Lao động - TBXH, năm 2018, 2020*

Qua thống kê phiếu khảo sát thực tế của Chi cục thống kê và Phòng Lao động huyện về học viên tham gia học nghề năm 2020 có 223 người có việc làm sau đào tạo nghề gồm: 101 người được doanh nghiệp tuyển dụng, chiếm 45,29% tăng 8,45% so với năm 2018; 24 người được doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm, chiếm 10,76% giảm 1,52% so với năm 2018; 55 người tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn (tự tạo việc làm) chiếm 24,66% giảm 2,24% so với năm 2018; 43 người chuyển đổi nghề sau đào tạo nghề chiếm 19,29%, giảm 4,69% so với năm 2020.

- Nhằm đáp ứng đúng và đủ nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Sau khi kết thúc mỗi lớp học nghề, Phòng Lao động - Thương binh Xã hội phối hợp cùng Phòng Thống kê của huyện tiến hành các khảo sát để đánh giá kết quả đào tạo nhằm đánh giá một cách chính xác nhất để nắm bắt được những ưu, nhược điểm và từ đó đề ra phương hướng cho năm sau.

- *Tỉ lệ người lao động có việc làm đúng với nghề đào tạo tương đối cao:* Theo kết quả khảo sát phần lớn người lao động sau khi học nghề tìm được việc làm phù hợp với nghề được đào tạo, có tỉ lệ là 73,6% (trong đó, rất phù hợp 4,7% và phù hợp 68,9%). Tỉ lệ người lao động làm việc ít phù hợp và không phù hợp với nghề được đào tạo thấp, chiếm 7,6%. Tỉ lệ người lao động tìm được công việc phù hợp mức trung bình chiếm 18,8%.

***Biểu đồ 2.1 Mức độ phù hợp của công việc với nghề được đào tạo của người lao động***



*Nguồn: Phòng Lao động - TBXH, năm 2020*

Thu nhập của người lao động sau đào tạo nghề được cải thiện, kéo theo giúp nhiều hộ gia đình thoát nghèo. Đào tạo nghề thực sự đã giúp người lao động trên địa bàn huyện tăng khả năng tìm việc làm, tăng thu nhập, cải thiện kinh tế hộ gia đình. Phần lớn người lao động sau đào tạo nghề có khả năng tìm việc làm phù hợp với nghề đào tạo, vì vậy điều kiện kinh tế của hộ gia đình có lao động sau khi học nghề đều có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, tăng tỉ lệ hộ gia đình có kinh tế giàu, khá và trung bình, giảm tỉ lệ hộ gia đình cận nghèo và nghèo. Tỉ lệ các hộ gia đình có kinh tế mức khá, giàu tăng 2,0%; tỉ lệ các hộ gia đình có kinh tế ở mức trung bình tăng 6,7%, tỉ lệ các hộ

gia đình cận nghèo giảm 3,3% và hộ nghèo giảm 5,3% (đạt 161% so với kế hoạch đề ra).

**Bảng 2.17. Tỷ lệ hộ gia đình có lao động sau khi học nghề  
theo mức kinh tế hộ**

| Kinh tế hộ gia đình | Tỷ lệ hộ gia đình  |                  | Chênh lệch (%) |
|---------------------|--------------------|------------------|----------------|
|                     | Trước khi học nghề | Sau khi học nghề |                |
| Khá, giàu           | 6,5                | 8,7              | 2,2            |
| Trung bình          | 39,6               | 42,1             | 2,5            |
| Cận nghèo           | 22,5               | 21               | - 1,5          |
| Nghèo               | 31,4               | 28,2             | - 3,2          |
| <b>Tổng</b>         | <b>100</b>         | <b>100</b>       | -              |

Nguồn: Phòng Lao động - TBXH, năm 2020

\* Đánh giá từ phía doanh nghiệp đã sử dụng lao động đã học nghề tại các lớp dạy nghề

Kết quả điều tra phỏng vấn cho thấy số người học xong chưa làm việc được ngay, phải đào tạo thêm 537 người trong số 1273 người làm việc tại 3 doanh nghiệp (Công ty Canon Việt Nam, Công ty May Hoàng Trang, Công ty du lịch Việt Ngọc), chiếm tỷ lệ khá cao (42,2 %). Số người có nhu cầu học thêm ở trình độ cao hơn là 593 người, chiếm tỷ lệ 45,6 %. Đây là nguồn cầu rất lớn giúp phát triển dạy nghề tại các lớp dạy nghề. Về chương trình đào tạo và thời gian đào tạo phần lớn cho rằng không phù hợp, việc dạy liên tục 3 tháng liên tục với chương trình dạy cho các đối tượng lao động (chuyên đổi nghề, vùng chuyên canh, thuần nông) như nhau, cứng nhắc rất khó tạo cho người học điều kiện học và thực hành nghề có kết quả cao; đặc biệt với lao động

trong các làng nghề, vùng chuyên canh, thuần nông họ không thể theo học liên tục như vậy bởi họ còn phụ thuộc vào thời vụ, mùa màng...

**Bảng 2.18. Đánh giá của các doanh nghiệp sử dụng lao động sau đào tạo nghề**

*ĐVT: Người*

|                                            | Trung tâm dạy nghề |                 |                   |           |
|--------------------------------------------|--------------------|-----------------|-------------------|-----------|
|                                            | Canon Việt Nam     | May Hoàng Trang | Du lịch Việt Ngọc | Tổng cộng |
| 1. Số lao động tại doanh nghiệp            | 438                | 125             | 710               | 1.273     |
| 2. Số người đến làm việc được ngay         | 213                | 34              | 489               | 736       |
| 3. Số người có nhu cầu đào tạo nâng cao    | 136                | 63              | 394               | 593       |
| 4. Đánh giá chương trình, nội dung đào tạo | 15                 | 15              | 15                | 45        |
| - Phù hợp                                  | 2                  | 2               | 5                 | 10        |
| - Không phù hợp                            | 13                 | 12              | 10                | 35        |
| 5. Đánh giá về thời gian đào tạo           | 15                 | 15              | 15                | 45        |
| - Phù hợp                                  | 0                  | 1               | 2                 | 3         |
| - Ý kiến khác                              | 15                 | 14              | 13                | 42        |

*Nguồn: Phòng Lao động - TBXH huyện, tháng 8 năm 2020*

Để làm rõ chất lượng đào tạo nghề, tác giả đã thu thập thông tin về người sử dụng lao động từ số liệu của phòng Lao động - TBXH huyện. Nhìn chung, người sử dụng lao động đánh giá khá tốt về mức độ đáp ứng của người lao động qua đào tạo nghề, đặc biệt là kiến thức chuyên môn với khoảng gần 80% ý kiến đánh giá ở mức trung bình trở lên, kỹ năng thực hành thấp hơn nhưng cũng có trên 70% ý kiến tán thành. Tuy nhiên, kỹ năng làm việc nhóm, tin học có tới 2/3 chưa đáp ứng được yêu cầu công việc hoặc chỉ đáp ứng

được ở mức độ trung bình. Điều này cho thấy, đào tạo nghề giúp người lao động làm chủ kiến thức, phát huy tính sáng tạo, cải thiện tinh thần lao động. Tuy nhiên, các môn học bổ trợ về kỹ năng và công cụ tin học còn yếu, hạn chế sự phát triển của người lao động. Một trong những nguyên nhân là do trình độ đầu vào của học viên chưa cao.

**Bảng 2.19. Người sử dụng lao động đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của người lao động qua đào tạo nghề**

| Tiêu chí đánh giá       | Rất tốt | Tốt  | Trung bình | Chưa đáp ứng | Rất chưa đáp ứng |
|-------------------------|---------|------|------------|--------------|------------------|
| Kiến thức chuyên môn    | 6,7     | 26,5 | 46,7       | 13,5         | 6,6              |
| Kỹ năng thực hành       | 0,0     | 6,7  | 63,9       | 17,3         | 12,1             |
| Kỹ năng làm việc nhóm   | 0,0     | 6,7  | 55,3       | 27,8         | 10,2             |
| Kỹ năng sử dụng tin học | 0,0     | 4,5  | 35,1       | 47,1         | 13,3             |

Nguồn: Phòng Lao động - TBXH, năm 2020

## **2.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu**

### **2.3.1 Cán bộ quản lý đào tạo nghề**

Về đội ngũ giáo viên tại trung tâm giáo dục nghề nghiệp huyện Yên Châu năm 2020: Tổng số cán bộ, viên chức là: 21 người (biên chế: 13; hợp đồng: 08). So với quy định và quy mô đào tạo hiện nay giáo viên dạy nghề ở các cơ sở dạy nghề đang thiếu theo quy định tại Thông tư số 29/2010/TT-BLĐTBXH là 20 học sinh/1 giáo viên. Do đặc thù đào tạo nghề là phần lớn học viên cần thời gian để giáo viên hướng dẫn, cầm tay chỉ việc, do đó chưa thể đảm bảo được điều kiện để sinh viên có thể thực hành thuần thục ngay trong khi học.

Về kinh nghiệm công tác và tuổi tác: trên 70% số giảng viên trong các cơ sở ĐTN trong huyện là giảng viên trẻ, có trình độ học vấn tốt, nhanh nhạy với việc cập nhật kiến thức mới. Tuy nhiên do trẻ tuổi nên chưa có nhiều kinh nghiệm công tác, giảng dạy, đặc biệt là kiến thức thực tế.

Về trình độ chuyên môn: theo thống kê, hầu hết giáo viên đào tạo nghề có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nghề giảng dạy, thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ do các đơn vị có chức năng tổ chức. Song, bên cạnh đó về kiến thức thực tiễn và khả năng truyền đạt ở nhiều giáo viên còn thiếu và chưa có kỹ năng nên ảnh hưởng nhiều đến chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong huyện.

Theo nhu cầu thực tế và Luật Giáo dục nghề nghiệp (2014), thì khối lượng công việc mà các Trung tâm đang thực hiện yêu cầu tối thiểu phải có một Giám đốc, hai Phó giám đốc, một tổ trưởng đào tạo. Tuy nhiên, trên thực tế, do Trung tâm dạy nghề của huyện đã ngừng hoạt động. Vậy nên, cán bộ quản lý đào tạo nghề chủ yếu là công chức phòng Lao động - TBXH huyện và các xã.

- Về cán bộ quản lý dạy nghề: Theo Quyết định 1956/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định bổ sung 1 cán bộ biên chế chuyên trách theo dõi về công tác dạy nghề cho Phòng Lao động - TBXH huyện, nhưng đến nay vẫn chưa được bố trí. Đối với cấp xã chỉ có một công chức thực hiện vụ của ngành Lao động - TBXH ở địa phương, nhưng phải đảm nhiệm quá nhiều công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý dạy nghề cấp huyện và cấp xã vừa thiếu về số lượng và hạn chế về chuyên môn quản lý, không phải là cán bộ quản lý chuyên trách, đội ngũ này phải phụ trách nhiều lĩnh vực của ngành nên việc tập trung cho công tác quản lý nhà nước về dạy nghề còn hạn chế.

Kết quả điều tra cho thấy, có 17/21 cán bộ quản lý dạy nghề có trình độ đại học (chiếm 80,95%); 4/21 cán bộ có trình độ cao đẳng (chiếm 19,05%);

không có trình độ trung cấp. Có 15/21 cán bộ có trình độ tin học B (chiếm 71,4); 18/21 cán bộ có trình độ ngoại ngữ A (chiếm 85,7%).

Mặc dù đã được tham gia một số khóa tập huấn về nghiệp vụ quản lý dạy nghề, tuy nhiên năng lực quản lý vẫn chưa có sự chuyển biến rõ rệt. Do vậy đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc tham mưu cho huyện xây dựng kế hoạch đào tạo; tổ chức điều tra, dự báo nhu cầu đào tạo và sử dụng lao động qua đào tạo nghề; hướng dẫn các đơn vị đào tạo nghề có sự liên kết với các đơn vị sử dụng lao động qua đào tạo...

### ***2.3.2 Chính sách Nhà nước và địa phương***

Từ năm 2010, Chính phủ đã triển khai chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gọi tắt là Đề án 1956, điều này đã góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo nghề ở các địa phương trong cả nước. Đặc biệt, thực hiện mục tiêu nâng cao hiệu quả công tác dạy nghề gắn với giải quyết việc làm, tỉnh Sơn La khuyến khích thực hiện cơ chế đặt hàng đào tạo, dạy nghề giữa đơn vị sử dụng lao động và các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh, đồng thời làm tốt công tác dự báo nhu cầu lao động ở từng lĩnh vực, ngành nghề để xây dựng chỉ tiêu đào tạo cho phù hợp. Song song với đó, tỉnh ban hành những cơ chế, chính sách để thu hút, bồi dưỡng nhân tài, thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế vào phát triển hoạt động dạy nghề và giới thiệu việc làm. Tỉnh Sơn La cũng tăng cường công tác tuyên truyền về chương trình việc làm, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh để kịp thời cung cấp thông tin tới người dân về việc làm, định hướng việc làm sau học nghề,...nhằm thu hút người lao động tích cực tham gia học nghề và tham gia vào thị trường lao động.

### ***2.3.3 Nguồn tài chính đầu tư đào tạo nghề cho lao động nông thôn***

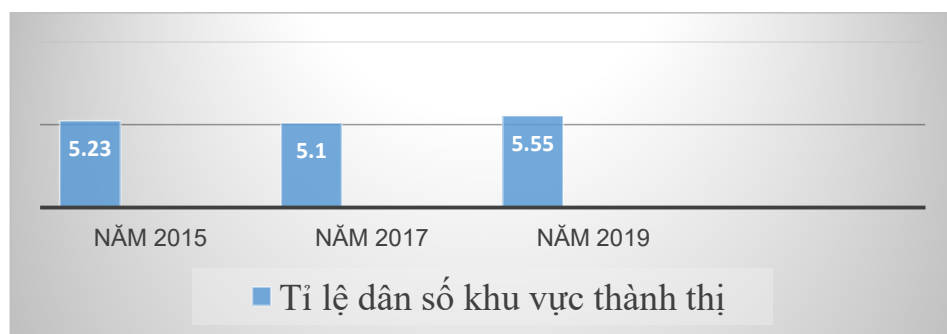
Hiện nay, ngân sách nhà nước và ngân sách địa phương vẫn là nguồn tài chính chủ yếu chi cho đào tạo nghề tại các trường trong tỉnh, các nguồn

khác chỉ chiếm một phần nhỏ. Đây là một khó khăn trong quá trình đào tạo vì ngân sách nhà nước cấp rất hạn chế và ở mức thấp so với khu vực và quốc tế. Nhu cầu học nghề của lao động nông thôn rất lớn, trong khi đó nguồn ngân sách trung ương cấp và ngân sách tỉnh hỗ trợ hàng năm còn hạn chế chưa đáp ứng đủ nhu cầu học nghề của lao động nông thôn; hàng năm huyện được cấp kinh phí cho công tác dạy nghề theo “Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn”. Nguồn kinh phí này được phân bổ cho hoạt động đào tạo và hoạt động phục vụ liên quan đến đào tạo nghề (bồi dưỡng giáo viên, xây dựng chương trình đào tạo,...). Đối với lao động không thuộc diện hỗ trợ, do điều kiện kinh tế khó khăn vì vậy chủ yếu họ chọn lựa các lớp học nghề ngắn hạn hoặc tham gia các lớp học nghề lưu động, học nghề từ những người có kinh nghiệm, tay nghề tại địa phương.

#### **2.3.4 Tốc độ đô thị hóa - công nghiệp hóa của địa phương**

Tác động rất nhiều đến sự phát triển kinh tế của huyện và đời sống của người dân. Tại huyện Yên Châu, những tác động tiêu cực mà quá trình đô thị hóa mang lại là vấn đề mất đất nông nghiệp để xây dựng các khu đô thị, các công trình công cộng...Tốc độ tăng dân số khu vực thành thị tại huyện Yên Châu đang tăng nhanh hơn (Bảng 2.19). Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh Sơn La năm 2019 là 14,6%, tại Yên Châu đạt 5,3%, xếp thứ 9 toàn tỉnh.

***Biểu đồ 2.2. Tỷ lệ dân số khu vực thành thị huyện Yên Châu giai đoạn 2015 - 2019***



*Nguồn: Phòng Thống kê huyện Yên Châu*



Để tạo việc làm cho người lao động bị mất đất và tạo sự tin tưởng của người dân khi giao đất để xây dựng các khu đô thị, các công trình công cộng..., huyện đã xây dựng kế hoạch đào tạo nghề hàng năm cho những người lao động trên địa bàn huyện nói chung và người thuộc diện bị mất đất nói riêng. Vì vậy, trong những năm qua, tốc độ đô thị hóa trên địa bàn huyện diễn ra mạnh mẽ vừa tăng nhu cầu học nghề của người dân, đồng thời tác động tích cực đến việc phát triển hệ thống đào tạo nghề của huyện.

### ***2.3.5 Quy hoạch phát triển kinh tế địa phương***

Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Sơn La đến năm 2020 là tăng cường cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường đầu tư để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội; tạo điều kiện thu hút nguồn lực, phát triển các ngành kinh tế của tỉnh. Theo đó, UBND huyện đã xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020. Đó là tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao chất lượng tăng trưởng; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ; phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Đồng thời UBND huyện nhấn mạnh việc xây dựng cơ chế khuyến khích phát triển sản xuất, đa dạng hóa các ngành nghề. Với định hướng phát triển như vậy đã tác động rất lớn đến tâm lý của lao động nông thôn trong việc học nghề, hướng nghiệp.

### ***2.3.6 Xã hội hóa về đào tạo nghề***

Trong những năm qua nhờ sự tích cực tuyên truyền về đào tạo nghề của các cấp ủy, ban ngành, đoàn thể và UBND các xã trên các phương tiện đài phát thanh và truyền thanh từ huyện đến cơ sở mà nhận thức của người dân về đào tạo nghề ngày càng được nâng cao đồng thời thu hút được sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vào đào tạo nghề. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 02 cơ sở dạy nghề công lập và 03 cơ sở dạy nghề tư nhân. Để

đáp ứng nhu cầu đào tạo ngày càng cao của lao động trên địa bàn huyện, cần mở rộng quy mô, tăng số lượng cơ sở dạy nghề, tích cực thu hút sự đầu tư của các doanh nghiệp, cá nhân vào đào tạo nghề, góp phần tăng quy mô và nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo nghề trên địa bàn.

### ***2.3.7 Đặc điểm lao động nông thôn của địa phương***

Lực lượng lao động trong độ tuổi có khả năng lao động của huyện Yên Châu khá dồi dào, chiếm khoảng 66% dân số toàn huyện (50.860 người), trong đó: lao động ngành nông, lâm nghiệp - thủy sản có 41.500 người, chiếm 89,2%; lao động ngành công nghiệp, xây dựng 2.730 người chiếm 6%; lao động ngành dịch vụ thương mại 2.290 người chiếm 4,9%. Lực lượng lao động dồi dào song trình độ lao động còn rất hạn chế, chủ yếu là lao động chưa qua đào tạo, lao động được đào tạo có kỹ thuật chiếm tỉ lệ thấp. Điều này đặt ra vấn đề giải quyết việc làm được gắn với thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế; sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn của các chương trình đào tạo nghề để tham gia giải quyết việc làm.

### ***2.3.8 Phối hợp của doanh nghiệp trong đào tạo nghề***

Việc gắn kết doanh nghiệp, bên cạnh những kết quả bước đầu đã đạt được, trên thực tế vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, khi chất lượng hợp tác giữa doanh nghiệp và các cơ sở dạy nghề vẫn chưa cao; theo thống kê tỉ lệ hợp tác này mới chỉ đạt khoảng 18,11%. Khung pháp lý về trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp chưa được áp dụng trong thực tiễn; thiếu các chế tài trong tuyển dụng, sử dụng lao động qua đào tạo của doanh nghiệp; nhiều doanh nghiệp trên địa bàn chỉ muốn tuyển lao động phổ thông, không qua đào tạo nghề nghiệp. Tuy doanh nghiệp đã cung cấp nhu cầu nhân lực lao động hằng năm cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động và giáo dục lao động theo quy định của Bộ luật Lao động,

Luật Giáo dục nghề nghiệp, nhưng trên thực tế, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vẫn chưa thật sự đào tạo theo sát với nhu cầu của doanh nghiệp; doanh nghiệp còn thiếu thông tin về cơ chế, chính sách, cơ chế lợi ích khi tham gia đào tạo nghề nghiệp. Một số chương trình hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp, Nhà nước với doanh nghiệp đã được ký kết nhưng chưa có nhiều hoạt động, chưa tìm ra được cơ chế hoạt động hiệu quả...Các doanh nghiệp chưa gắn kết chặt chẽ với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong dạy nghề, mới chỉ dừng lại ở việc tiếp nhận học viên sau học nghề vào làm việc.

**Bảng 2.20. Tỷ lệ các doanh nghiệp hợp tác với các cơ sở đào tạo nghề**

| Doanh nghiệp              | Tuyển sinh | Xây dựng chương trình đào tạo | Tham gia giảng dạy | Tiếp nhận học viên đến thực tập | Cung cấp trang, thiết bị | Nhận học viên sau khi tốt nghiệp vào làm việc |
|---------------------------|------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------|
| Công ty TNHH Thuyền Huế   |            |                               |                    |                                 | X                        | X                                             |
| Công ty TNHH Quân Huyện   |            |                               |                    |                                 | X                        | X                                             |
| Công ty than Quảng Ninh   | X          | X                             | X                  |                                 |                          | X                                             |
| Công ty Canon Việt Nam    |            |                               |                    |                                 |                          | X                                             |
| Công ty may Hoàng Trang   |            |                               |                    |                                 |                          | X                                             |
| Công ty du lịch Việt Ngọc |            |                               |                    | X                               |                          | X                                             |

*Nguồn: Phòng Lao động - TBHX huyện, năm 2020*

Bảng trên cho thấy, tỷ lệ phối hợp của các doanh nghiệp với các cơ sở dạy nghề vẫn còn khá thấp. Những doanh nghiệp bên ngoài có tỷ lệ phối hợp rất thấp. Hầu hết các doanh nghiệp chưa mặn mà trong việc tham gia đào tạo nghề, chủ yếu chỉ nhận học viên vào làm sau tốt nghiệp, không tham gia vào các hoạt động tuyển sinh, xây dựng chương trình đào tạo,...hoặc có tham gia nhưng ở mức độ thấp. Công ty than Quảng Ninh có tỷ lệ phối hợp với các cơ sở dạy nghề cao nhất trong hầu hết các hoạt động, từ năm 2018 công ty than

Quảng Ninh tích cực phối hợp đưa người lao động về làm việc tại doanh nghiệp, số lượng người lao động được công ty sử dụng tính đến năm 2020 khoảng 173 người.

## **2.4 Đánh giá chung**

### *\* Những mặt đạt được*

- Qua hơn 10 năm triển khai thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn, từ các nguồn kinh phí, UBND huyện đã thực hiện đào tạo nghề cho 1.297 lao động nông thôn và người nghèo. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo nghề được cấp chứng chỉ từ 38,7% năm 2015 lên trên 50% năm 2020, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện theo hướng bền vững từ 4,23% lên 5,46%.

- Công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn đã phát huy hiệu quả thiết thực, lao động nông thôn và người nghèo có được cơ hội trang bị kiến thức, nâng cao năng lực, trình độ khoa học kỹ thuật để phát triển kinh tế gắn với việc làm ổn định, tăng thu nhập, góp phần thực hiện công cuộc xóa đói giảm nghèo tại địa phương, giảm tỷ lệ lao động thiếu việc làm, thu nhập của người lao động được cải thiện,...Đặc biệt, góp phần thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu, tăng năng suất lao động. Tỷ trọng nông nghiệp giảm từ 35,3% (năm 2016) xuống còn 33,6% (năm 2020); dự kiến năm 2022 giảm còn 31,5%. Cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ lệ ngành trồng trọt, nhất là thực hiện tốt chủ trương của huyện ủy về giảm diện tích cây hàng năm trên đất dốc kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả.

- Hiệu quả đào tạo nghề được nâng lên, người học nghề được tiếp cận, phổ biến kiến thức mới về lĩnh vực mình được đào tạo, biết cách làm ăn, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, tự tạo việc làm qua đó nâng cao thu nhập cho bản thân và gia đình, góp phần ổn định cuộc sống. Kết quả trên đã

góp phần tích cực trong việc thay đổi tư duy lao động sản xuất của người dân, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, dạy nghề ngắn hạn với giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững trong khu vực nông thôn.

- Chính sách cho người lao động được công khai minh bạch, người lao động được hỗ trợ học nghề miễn phí, các đối tượng được ưu tiên hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại theo chính sách của Đề án.

*\* Những mặt hạn chế*

- Công tác tuyên truyền tại một số nơi chưa thường xuyên, sâu rộng; đến nay vẫn còn một bộ phận LĐNT chưa nắm biết cụ thể về các chính sách hỗ trợ dạy nghề theo Quyết định 1956. Công tác tư vấn học nghề, việc làm cho LĐNT còn mang tính hình thức; chưa cung cấp kịp thời cho LĐNT những thông tin cần thiết: như thông tin về các nghề mà doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng, mức lương tối thiểu doanh nghiệp trả, thông tin về quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch sản xuất...

- Công tác tuyên truyền và tư vấn nghề nghiệp: bên cạnh những kết quả đạt được công tác tuyên truyền tại một số nơi chưa thường xuyên, sâu rộng; đến nay vẫn còn một bộ phận LĐNT chưa nắm biết cụ thể về các chính sách hỗ trợ dạy nghề theo Quyết định 1956. Công tác tư vấn học nghề, việc làm cho LĐNT còn mang tính hình thức; chưa cung cấp kịp thời cho LĐNT những thông tin cần thiết.

- Quy mô, hình thức đào tạo còn thiếu tập trung, thiếu chiến lược, nguồn nhân lực nông thôn hiện nay so với yêu cầu còn hạn chế và bất cập, đến đầu năm 2020 tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo, tập huấn trên địa bàn chiếm tới 73% dân số trong độ tuổi lao động.

- Việc đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng cho lao động nông thôn đa số là các nghề chủ yếu được duy trì tại các xã, chất

lượng đào tạo còn hạn chế, người học sau khi tốt nghiệp có việc làm nhưng với mức thu nhập chưa cao.

- Tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo nghề còn thấp so với mục tiêu đề ra; chất lượng đào tạo chưa cao thể hiện qua việc áp dụng kiến thức vào sản xuất, canh tác của người lao động; việc triển khai đào tạo nghề có nội dung chưa sát với thực tế; người lao động sau đào tạo có việc làm chủ yếu là tự tạo việc làm. Số lượng có việc làm tại các doanh nghiệp vẫn còn thấp.

- Tỷ lệ lao động đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp còn chưa cao: Tuy qua đào tạo nhưng việc áp dụng kiến thức vào thực hành của người lao động chưa cao, vận dụng kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, kỹ năng giao tiếp,... còn rất hạn chế.

- Các doanh nghiệp chưa gắn kết chặt chẽ với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong dạy nghề, mới chỉ dừng lại ở việc tiếp nhận học viên sau học nghề vào làm việc

*\* Nguyên nhân:*

+ Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn của huyện đề ra mục tiêu thực hiện cao, tuy nhiên nguồn kinh phí còn hạn chế (trên địa bàn huyện kinh phí bố trí chỉ đạt 18.2% so với mục tiêu của huyện đề ra theo Đề án 1956);

+ Cơ chế chính sách trong công tác quản lý đào tạo nghề còn có nội dung chưa thống nhất, còn chồng chéo;

+ Việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa thống nhất từ Trung ương đến địa phương, một số chính sách dạy nghề hai Bộ, hai ngành cùng thực hiện (Bộ Lao động Thương binh & Xã hội, Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn), do đó việc chỉ đạo tổ chức triển khai, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đôi lúc còn chồng chéo.

+ Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện dạy nghề còn hạn chế. Công tác phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị chưa đồng bộ, các nội dung triển khai chủ yếu do cơ quan thường trực phối hợp UBND các xã thực hiện, chưa có sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể;

+ Công tác tổ chức, điều tra khảo sát của các xã, thị trấn hàng năm chưa sát với thực tiễn, chưa đúng thời điểm, do vậy việc lựa chọn nghề để đưa vào giảng dạy cho người lao động chưa sát với nhu cầu thực tế của người lao động nên hiệu quả sau dạy nghề tạo việc làm đạt tỉ lệ chưa cao.

+ Việc kiểm tra giám sát chưa sâu, nhiều nội dung chưa cụ thể; công tác khảo sát điều tra nhu cầu học nghề chưa sát với thực tế, việc tổ chức xây dựng kế hoạch triển khai còn chậm chưa phù hợp;

+ Một số thành viên ban chỉ đạo cấp huyện, cấp xã thiếu tích cực chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao; một bộ phận người lao động không xác định được lợi ích của việc học nghề nên chưa tích cực, chủ động tham gia; công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề chưa chặt chẽ.

+ Điều kiện địa lý không thuận lợi, giao thông đi lại khó khăn đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc điều tra, khảo sát và triển khai các lớp dạy nghề;

+ Doanh nghiệp chưa mặn mà trong tham gia đào tạo nghề, một trong những nguyên nhân là do chưa có quy định rõ về trách nhiệm của doanh nghiệp trong đào tạo nghề

+ Cơ sở đào tạo nghề của huyện chưa đủ điều kiện về trang thiết bị, thiếu giáo viên dạy nghề nên chưa chủ động được trong việc tổ chức dạy nghề.

+ Học viên chủ yếu là lao động thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số trình độ thấp, khi đến học nghề không ghi chép được, chủ yếu thực hành. Số lượng lao động sau khi được đào tạo biết vận dụng khoa học kỹ thuật vào sản

xuất nông nghiệp còn thấp. Nguyên nhân là do người lao động được đào tạo nghề chưa chủ động, sáng tạo áp dụng kiến thức đã được đào tạo vào sản xuất thực tế.

+ Đối với một số nghề người lao động có nhu cầu nhưng không đảm bảo về số lượng người học.

+ Đa số lao động nông thôn khi tham gia học nghề còn mang tính tự phát, thông qua gia đình, người thân, thiếu tính chủ động, đăng ký tham gia học nghề theo yêu cầu mong muốn của bản thân.



### **CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN HUYỆN YÊN CHÂU ĐẾN NĂM 2025**

#### **3.1 Phương hướng và mục tiêu phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu**

##### ***3.1.1 Phương hướng phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu***

Với quan điểm phát triển dạy nghề theo hướng tạo cơ hội học tập cho mọi người, góp phần xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời; xây dựng hệ thống dạy nghề chất lượng cao đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghiệp hoá, hiện đại hoá; chuyển dạy nghề theo hướng cung (năng lực đào tạo sẵn có của cơ sở dạy nghề) sang dạy nghề theo hướng cầu (nhu cầu của thị trường lao động và xã hội); đầu tư trọng tâm, trọng điểm và đồng bộ (đồng bộ các yếu tố bảo đảm chất lượng: chương trình, giáo viên và cán bộ quản lý, cơ sở vật chất, trang thiết bị) theo hướng hiện đại hoá về các điều kiện để tạo sự chuyển biến cơ bản về chất lượng.

Tổ chức đa dạng các loại hình chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ (nhất là trên lĩnh vực nông nghiệp nông thôn) để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho lực lượng lao động nông thôn được tiếp cận với khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, góp phần tăng năng suất vật nuôi cây trồng, nâng tỉ lệ thời gian làm việc của lao động nông thôn lên 78 - 80% đồng thời cũng là gián tiếp góp phần làm tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới xuống còn dưới 5%.

Đa dạng hoá các loại hình dạy nghề ngắn hạn, dạy nghề theo mô đun để tạo điều kiện cho một lực lượng đông đảo thanh niên trên toàn huyện có môi trường học nghề phù hợp để bổ sung nguồn lực lượng dồi dào này cho sự

ngành công nghiệp hoá, hiện đại hoá, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế xã hội của huyện đề ra.

Trong giai đoạn 2020 - 2025 dạy nghề phải thực hiện được hai nhiệm vụ chiến lược cơ bản, đó là: đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh có trình độ cao, đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu ngành nghề, cấp trình độ và có chất lượng cho các ngành, vùng kinh tế, đặc biệt là các ngành kinh tế mũi nhọn, vùng kinh tế trọng điểm, phục vụ có hiệu quả cho công nghiệp hoá đất nước và hội nhập. Mở rộng quy mô dạy nghề cho người lao động ở nông thôn nhằm đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động nông nghiệp, nông thôn, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo vững chắc, đảm bảo an sinh xã hội.

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao trong quy chế hoạt động của TTDN, các TTDN tích cực liên kết với các trường dạy nghề, các trường cao đẳng, đại học có uy tín để tiến hành mở các lớp dạy nghề dài hạn, các lớp trung học chuyên nghiệp, các lớp đại học tại chức - để góp phần nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên trên địa bàn toàn huyện.

Tổ chức lao động sản xuất và dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho sự nghiệp giáo dục: thành lập các xưởng vừa thực hành nghề, vừa làm dịch vụ tạo cơ hội thuận lợi cho học sinh có môi trường thực tập thực sự, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên và học sinh khẳng định tay nghề trước những yêu cầu cụ thể của thực tế, đồng thời cũng là môi trường thí điểm tiếp cận với cơ chế thị trường, góp phần khẳng định sự tồn tại của nghề trong giai đoạn mới.

Đầu tư trang thiết bị, đầu tư con người để hình thành một phòng tư vấn nghề nghiệp "chuẩn", góp phần thiết thực vào công tác tư vấn nghề cho

mọi đối tượng trên địa bàn toàn huyện (kể cả những đối tượng có nhu cầu tư vấn lại, những đối tượng chuyển đổi nghề nghiệp).

### **3.1.2 Mục tiêu về đào tạo nghề**

Mục tiêu chương trình đề ra coi công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó xác định giai đoạn 2021-2025 là đào tạo nghề cho 7.000 lao động nông thôn;

+ Dự kiến kế hoạch năm 2021 đào tạo 16 lớp với 720 người, trong đó phi nông nghiệp 10 lớp; nông nghiệp 6 lớp.

+ Từ năm 2022-2025 là 35 lớp/năm, 1570 người/năm, trong đó nghề phi nông nghiệp là 25 lớp, nông nghiệp 10 lớp.

+ Có ít nhất 90% số người học nghề phi nông nghiệp có việc làm

+ 100% người học nghề nông nghiệp có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất cao hơn

+ Đảm bảo tỉ lệ lao động phát huy được hiệu quả sau đào tạo đạt tối thiểu từ 85% trở lên.

- Đào tạo nghề cho LĐNT mỗi ở trình độ sơ cấp nghề, phục vụ nhu cầu tuyển dụng lao động tại các cơ sở kinh doanh, doanh nghiệp trên địa huyện hoặc tự tạo việc làm để phát triển kinh tế hộ gia đình;

## **3.2 Giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu**

### **3.2.1 Tăng cường tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm cho lao động nông thôn**

\* *Đổi mới phương thức truyền thông*

- *Đối với các cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề:* Cần có sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng. Các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội như Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên,

Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh... lấy nòng cốt là Hội nông dân để thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, tư vấn cho đoàn viên, hội viên nâng cao nhận thức, hiểu rõ tầm quan trọng của việc học nghề, từ đó tự nguyện tham gia học nghề, phát triển nghề; các tổ chức đoàn thể tổ chức tư vấn giới thiệu việc làm cho đoàn viên, hội viên trước và sau khi học nghề. Mỗi hội, ban, ngành, đoàn thể phải xây dựng chương trình, nội dung tuyên truyền học viên tham gia học nghề, lập nghiệp, phát triển kinh tế; chủ động kết hợp giữa các hoạt động của tổ chức hội với việc triển khai, tư vấn, tuyên truyền về nội dung, chế độ, chính sách của đào tạo nghề cho người lao động. Phải thường xuyên tổ chức điều tra cập nhật thông tin về nhu cầu học nghề, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo. Hàng năm, ngoài chương trình điều tra theo Đề án 1956, huyện hỗ trợ kinh phí cho các xã, thị trấn tổ chức điều tra nhu cầu học nghề gồm: loại ngành nghề cần học, loại hình đào tạo, thời gian đào tạo, số lượng người có nhu cầu học nghề; điều tra nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong huyện. Sau điều tra, tổ chức cập nhật thông tin trên trang web về Đào tạo nghề, lao động việc làm để các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có thể tra cứu thông tin phục vụ cho công tác đào tạo nghề, tuyển lao động, tìm việc làm...

- *Đối với các doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề:* Người cán bộ tuyên truyền, tư vấn ở cơ sở đào tạo phải làm chuyên viên, thôi thúc đoàn viên, hội viên tích cực tham gia học nghề, coi đó là quyền lợi và nghĩa vụ; phải trả lời, giải đáp thắc mắc về các chế độ, chính sách khi tham gia học nghề. Mặt khác, cũng phải tư vấn cho người học nghề biết cách tổ chức sản xuất, kinh doanh, hướng dẫn, giúp đỡ họ trong việc vay vốn quỹ Quốc gia giải quyết việc làm; chia sẻ với họ về thành công và những khó khăn trên con đường lập nghiệp. Trên cơ sở các thông tin tuyển sinh của các cơ sở đào tạo nghề, các trường THPT và THCS tổ chức các giờ học tư vấn, định hướng cho học sinh cuối cấp

những ngành nghề cần học và có thể tìm việc làm phù hợp với lực học và khả năng tài chính của gia đình mỗi học sinh. Các cơ sở đào tạo cần có các trang thông tin trên Internet, ngoài ra duy trì và phát triển hình thức truyền thông khác như qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua thông tin nội bộ của Ban Tuyên giáo huyện ủy phục vụ cho các nội dung: chỉ tiêu đào tạo, tuyển sinh, ngành nghề đào tạo, các chế độ ưu đãi trong học tập... để mỗi người dân có thể tiếp cận thông tin một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất.

- *Đối với người lao động*: Cần có nhận thức đúng về đào tạo nghề, thay đổi quan điểm kén chọn nghề, chủ động tham gia, tiếp cận các lớp đào tạo nghề do chính quyền địa phương hoặc các cơ sở đào tạo nghề tổ chức. Tích cực tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè xung quanh để mở rộng quy mô đào tạo.

### **3.2.2 Xác định chính xác nhu cầu đào tạo**

- *Đối với cơ quan quản lý về đào tạo nghề*: Khi xác định nhu cầu đào tạo trước hết phải dựa trên cơ sở phân tích mục tiêu, chiến lược kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên, gắn liền với mục tiêu phát triển của địa phương. Từ đó xác định nhu cầu đào tạo nghề là những đối tượng nào, bộ phận nào, số lượng bao nhiêu, đào tạo nội dung gì nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra.

- *Các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề*: Phải xác định nhu cầu đào tạo dựa trên cơ sở phân tích công việc để xác định được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng... cần thiết để thực hiện công việc đánh giá kết quả thực hiện công việc để xác định được trình độ hiện có của người lao động. Từ đó so sánh giữa trình độ hiện có của người lao động với yêu cầu công việc để xác định khoảng cách còn tồn tại. Đối với người lao động thực hiện chưa tốt công việc do thiếu hụt kiến thức kỹ năng thì phải tiến hành đào tạo để giúp họ hoàn thành tốt công việc. Còn đối với những người lao động có kết quả thực hiện

công việc tốt, thì cần xem xét khả năng phát triển của họ để có thể tiến hành đào tạo chuẩn bị cho họ những kiến thức, kỹ năng, năng lực để họ có thể đảm nhiệm những công việc cao hơn, quan trọng hơn. Đặc biệt phải xây dựng một bảng khảo sát cho người lao động để biết được nhu cầu thật sự của họ cũng như các kỹ năng kiến thức thật sự cần cho công việc.

- *Đối với người lao động*: Cần hiểu rõ nhu cầu, nguyện vọng của bản thân, xác định rõ ngành nghề cần được đào tạo, từ đó cơ sở đào tạo nghề sẽ biết được người lao động đang còn thiếu, yếu và muốn được đào tạo về vấn đề gì, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sát với nhu cầu thực tế hơn.

### **3.2.3 Xây dựng kế hoạch đào tạo hợp lý, hiệu quả**

- *Đối với cơ quan quản lý nhà nước*: Cần có kế hoạch đào tạo, giám sát chặt chẽ, bảo đảm thực hiện kế hoạch đào tạo đúng tiến độ, có hiệu quả và tổ chức dạy nghề theo mục tiêu, nội dung chương trình dạy nghề đã được phê duyệt. Thực hiện phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa người học; đánh giá nghiêm túc kết quả học tập đảm bảo công bằng khách quan phù hợp với phương thức, hình thức đào tạo và đặc thù của mô đun, môn học.

Cần xây dựng và định kỳ rà soát quy hoạch cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề để có kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực; bố trí cán bộ theo đúng tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và phù hợp với năng lực, sở trường, phát huy khả năng làm việc và tiềm năng sáng tạo của cán bộ. Xây dựng định mức làm việc đối với giáo viên dạy nghề và cán bộ quản lý. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các học sinh có năng lực sau khi tốt nghiệp THPT đi vào học để sau này trở thành giáo viên dạy nghề; đối với sinh viên tốt nghiệp đại học loại khá giỏi có ngành nghề đào tạo phù hợp được ưu tiên xét tuyển thẳng vào Trung tâm dạy nghề của huyện. Đồng thời có chính sách ưu đãi đối với các sinh viên của tỉnh đang theo học tại các trường Đại học, Cao đẳng Sư phạm kỹ thuật để thu hút bổ sung đủ lực lượng giáo viên dạy nghề.

Cần đa dạng hình thức đào tạo cũng là một biện pháp thu hút nhiều thí sinh tham gia dự tuyển và học tập. Việc đa dạng hóa hình thức đào tạo bao gồm chính quy, vừa học vừa làm, giáo dục định hướng cho lao động xuất khẩu và đào tạo ngắn hạn. Thực tế hiện nay, rất nhiều sinh viên tốt nghiệp đại học đang phải tìm đến các công việc tại các doanh nghiệp với tư cách là lao động kỹ thuật, nên đa dạng hóa hình thức đào tạo cũng tạo cơ hội cho họ có thể tìm hình thức phù hợp, học nghề và có thể bắt đầu một con đường mới cho chính họ. Đối với các xã khó khăn, xa trung tâm huyện việc đi lại là khó khăn, vì thế chương trình đào tạo tại chỗ được lựa chọn là hợp lý nhất. Các học viên đến một nơi trung tâm của xã để học tập, do giáo viên có trình độ chuyên môn trong các cơ sở đào tạo nghề giảng dạy.

Xây dựng chương trình đào tạo theo 3 cấp trình độ, kịp thời, phù hợp với và cập nhật nội dung đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Thường xuyên rà soát và tập trung chỉnh sửa, đổi mới các giáo trình đã lạc hậu; xây dựng chương trình giáo trình mới cho các nhóm ngành nghề mới xuất hiện hoặc các ngành nghề đào tạo mũi nhọn ở địa phương. Tiến hành xây dựng chương trình giáo trình theo phương pháp xây dựng các mô đun đào tạo độc lập. Tổ chức nghiên cứu các chuyên đề ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đối với giáo dục dạy nghề tổng kết việc áp dụng các sáng kiến kinh nghiệm tiên tiến trong các ngành học nhằm nâng cao chất lượng dạy nghề.

Cần có các cơ chế riêng để tạo điều kiện cho những người có điều kiện khó khăn về kinh tế, phương tiện đi lại đi học như hỗ trợ chi phí học tập, tổ chức tư vấn về nghề cần học và giới thiệu việc làm sau khi hoàn thành các khóa đào tạo nghề cho các đối tượng là người có công và đối tượng chính sách xã hội. Các thủ tục hành chính cần được rà soát, cải cách để các đối tượng này tiếp cận được với các cơ chế chính sách của nhà nước, giúp họ có hội học nghề và tìm việc làm phù hợp. Hiện tại các lớp học nghề theo Đề án

1956 được miễn học phí, được hỗ trợ vay vốn ưu đãi để học nghề, các đối tượng là hộ nghèo, đối tượng chính sách được hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại... cần được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi để mọi người dân biết để tạo động lực cho những người có nhu cầu đăng ký tham gia học nghề.

- *Đối với các doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề:* Cần có đủ hệ thống sổ sách, biểu mẫu theo dõi kết quả học tập, rèn luyện của người học; được ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác, lưu trữ an toàn, thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý và tra cứu; báo cáo đầy đủ cho cấp quản lý trực tiếp và cơ quan quản lý nhà nước. Tạo môi trường làm việc năng động và tích cực, có chế độ khuyến khích về tiền lương thu nhập. Tranh thủ các chương trình đưa giáo viên đi đào tạo theo Chương trình mục tiêu quốc gia về dạy nghề và việc làm, chính sách hỗ trợ tiếp tục học tập nâng cao trình độ và nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên. Có chính sách giữ chân những giáo viên giỏi thông qua tạo môi trường giảng dạy thân thiện, tích cực.

Cần rà soát lại toàn bộ nội dung từng học phần, trên cơ sở đó nghiên cứu và áp dụng phương pháp dạy học cho phù hợp với nội dung trong từng bài, chương. Mỗi tổ bộ môn trong từng đơn vị đào tạo sẽ chịu trách nhiệm về vấn đề này. Đầu tư trang bị, thiết bị, phương tiện dạy học phù hợp với nội dung, yêu cầu giảng dạy. Nghiên cứu phải thay đổi thường xuyên các phương pháp dạy học tránh sự đơn điệu, nhàm chán từ học viên.

Sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ giảng dạy. Các dụng cụ học tập phải được sử dụng và phát huy tối đa tính năng sẵn có của chúng. Học viên được tiếp cận, nhìn, và thực hiện qua sự hướng dẫn của giáo viên. Quá trình này được diễn ra nhiều lần đến khi người học về cơ bản có thể thuần thục được một kỹ năng nào đó.

Cần tích cực liên kết, mở rộng đầu tư hỗ trợ thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích đào tạo nghề,...cải tiến hiện đại, trang bị đầy đủ các thiết



bị cần thiết cho các cơ sở đào tạo, linh hoạt trong liên kết để đáp ứng nhu cầu người học.

- *Đối với người lao động*: Trên cơ sở kế hoạch đào tạo nghề của địa phương hoặc các cơ sở đào tạo nghề, người lao động cần chủ động, tự xây dựng kế hoạch cho bản thân, xác định mục tiêu đào tạo nghề,...Nắm bắt được ngành nghề nào phát triển trong tương lai để lựa chọn ngành nghề đào tạo cho phù hợp.

Phải tích cực phát huy được kiến thức về lĩnh vực được đào tạo, tăng năng suất lao động, tự tạo việc làm tại chỗ hoặc tự kiếm việc làm để nâng cao thu nhập cho bản thân. Đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền hoặc các cơ sở đào tạo, hỗ trợ kinh phí mở rộng kinh doanh, tăng năng suất lao động.

#### **3.2.4 Tổ chức đào tạo chặt chẽ, chính xác**

- *Đối với các cơ quan quản lý nhà nước*: Xác lập và duy trì mối quan hệ với doanh nghiệp, cơ quan tổ chức, và cộng đồng dân cư trong địa bàn huyện hướng đến việc hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp qua các hình thức: Doanh nghiệp hỗ trợ phát triển Trường (tài trợ học bổng, viện trợ thiết bị, tặng các phần mềm phục vụ đào tạo...) tham gia vào quá trình đào tạo của trường (tư vấn xây dựng chương trình đào tạo, cung cấp thông tin về nhu cầu đào tạo, tư vấn định hướng việc làm, hỗ trợ cán bộ có trình độ chuyên môn tham gia giảng dạy, hỗ trợ nơi thực tập...) và nhận học sinh, sinh viên tốt nghiệp về làm việc; Thành lập và đưa vào hoạt động các trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ làm cầu nối giữa nhà trường với cộng đồng trong lĩnh vực khoa học công nghệ. Phòng Lao động - TBXH phối hợp Đài phát thanh truyền hình tuyên truyền sâu rộng mục tiêu, ý nghĩa của Chương trình; các chủ trương, chính sách của Nhà nước và địa phương về dạy nghề thông qua các bản tin, thông qua các phóng sự, ký sự, bản tin vấn,... Các cấp hội: Hội nông dân, Phụ nữ, Đoàn thanh niên triển khai

công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề tới tất cả hội viên; tư vấn, vận động hội viên tích cực tham gia học nghề để tạo việc làm tăng thu nhập góp phần xóa đói, giảm nghèo.

- *Đối với các doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề:* chủ động thực hiện công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề dưới nhiều hình thức như: mở Hội nghị tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở; tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua Website của cơ sở dạy nghề, thông qua sàn giao dịch việc làm,... Chủ động phối hợp với UBND các xã, phường, thị trấn xuống các thôn bản tư vấn trực tiếp cho người lao động về nghề nghiệp và việc làm đồng thời thông tin về chỉ tiêu và tuyển sinh đào tạo tại chỗ.

- *Đối với người lao động:* Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo nghề và các cơ sở đào tạo để nâng cao nhận thức về nghề nghiệp. Nắm bắt đầy đủ thông tin, làm cơ sở cho việc lựa chọn nghề cần học và có khả năng giải quyết được việc làm sau khi học nghề. Tổ chức thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước về hỗ trợ người lao động học nghề

### **3.2.5 Nâng cao chất lượng đánh giá kết quả đào tạo nghề**

- *Đối với các cơ quan quản lý nhà nước:* Phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Cần tập trung vào các vấn đề sau:

+ Xây dựng tiêu chí kiểm tra, giám sát, đánh giá đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn của huyện dựa trên sự hướng dẫn của tỉnh. Xây dựng phương pháp thu thập và xử lý thông tin, xây dựng phần mềm quản lý đề án cấp huyện. Hoàn thành hoạt động điều tra, khảo sát, tổng hợp số liệu làm cơ sở xây dựng đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở cấp huyện, xã.

+ Rà soát lại mạng lưới cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn huyện, xác định và đầu tư cơ sở dạy nghề kiểu mẫu. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện đề án ở các cấp hàng năm, giữa kỳ, cuối kỳ.

+ Bố trí cán bộ chuyên trách công tác đào tạo nghề thuộc phòng Lao động - Thương binh Xã hội cấp huyện. Huyện cần tiến hành rà soát và bổ sung giáo viên dạy nghề cho các lớp dạy nghề cấp huyện kịp thời.

- *Đối với các doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề*: Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Xây dựng phiếu điều tra, bảng hỏi chi tiết, đầy đủ nội dung thông tin phục vụ công tác thống kê số liệu; Tổ chức tự kiểm tra theo định kỳ hàng tháng, quý, năm; lập hồ sơ đầy đủ, đúng quy định gửi về cơ quan quản lý để tổng hợp, xây dựng kế hoạch đào tạo cho phù hợp

- *Đối với người lao động*: Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ sở đào tạo cung cấp đầy đủ thông tin, phản hồi về đào tạo nghề. Thực hiện đánh giá khách quan, trung thực về chất lượng, kết quả đào tạo nghề, góp phần từng bước nâng cao tiêu chuẩn đánh giá kết quả đào tạo

### **3.2.6. Một số giải pháp khác**

\* *Đối với các cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo nghề*

Tham gia vào sự nghiệp dạy nghề có nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân. Đảm bảo nguyên tắc “chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế” đòi hỏi năng lực quản lý nhà nước cần được nâng tầm đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới. Phòng Lao động - TBXH với tư cách là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dạy nghề trên địa bàn huyện cần:

+ Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý dạy nghề tại phòng Lao động - TBXH huyện, Trung tâm dạy nghề huyện và cán bộ cấp cơ sở.

+ Hằng năm tổ chức khảo sát, thu thập và cập nhật thông tin cung cầu lao động; nhu cầu về đào tạo nghề của người lao động và nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, các làng nghề... nhằm tạo điều kiện giúp cho các cơ sở đào tạo nghề nắm bắt thông tin để xây dựng kế hoạch đào tạo.

+ Xây dựng cơ chế kết nối giữa doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và các đơn đào tạo nghề. Kế hoạch đào tạo phải dựa trên nhu cầu thực tế của người lao động hoặc theo đơn đặt hàng về lao động đã qua đào tạo nghề theo từng ngành nghề cụ thể. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện hàng quý, 6 tháng và năm. Trên cơ sở kiểm tra chỉ rõ mặt đạt được, những hạn chế và nguyên nhân từ đó đề ra giải pháp khắc phục những hạn chế, tồn tại.

+ Chủ động liên kết với các cơ sở khoa học, các doanh nghiệp, cơ quan, xí nghiệp, trường học... mời những người có kinh nghiệm về các lĩnh vực trên, tham gia tập huấn chuyển giao công nghệ giúp nông dân áp dụng các tiến bộ khoa học vào lĩnh vực sản xuất chăn nuôi nhằm nâng cao hiệu quả vật nuôi cây trồng, hướng tới một nền sản xuất nông nghiệp hàng hoá, tạo môi trường làng nghề phát triển bền vững cả về mặt xã hội và môi trường.

+ Liên kết đào tạo nghề dài hạn và dạy các lớp trung cấp tại các cơ sở đào tạo nghề. Chú trọng tới việc nâng cao chất lượng, tạo môi trường thuận lợi nhất để học viên được tiếp cận nhiều nhất với xưởng thực hành; Tiếp tục liên kết với các trường Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề mở các lớp trung cấp nghề đối với các nghề mà xã hội đang có nhu cầu cao về nguồn nhân lực có chất lượng.

*\* Đối với các doanh nghiệp/ cơ sở đào tạo nghề:*

Các cơ sở đào tạo nghề cần xúc tiến nhanh, mạnh hơn nữa việc đổi mới nội dung chương trình đào tạo theo hướng giảm lý thuyết, tăng thực hành, đào

tạo đội ngũ chuyên gia nghiên cứu thiết kế và phát triển chương trình trên cơ sở khảo sát nhu cầu của người lao động...theo hướng đa dạng ngành nghề, mềm dẻo chương trình, linh hoạt trong liên kết để đáp ứng nhu cầu người học.

Nhanh chóng chuyển đổi phương thức dạy nghề từ hướng cung sang hướng cầu theo 3 cấp độ: dạy nghề đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động , bảo đảm sự cân đối giữa đào tạo và sử dụng, đáp ứng có hiệu quả nguồn nhân lực có chất lượng cao cho yêu cầu phát triển của nền kinh tế; Tăng cường công tác quản lý nhà nước về dạy nghề, thực hiện tốt cơ chế kiểm định đánh giá chất lượng dạy nghề tại doanh nghiệp.

Các cơ sở dạy nghề cần xây dựng thương hiệu cho mình: Xây dựng nội quy kỷ luật, cách thức đào tạo có chất lượng được xã hội và các doanh nghiệp chấp nhận. Ngoài việc trang bị kiến thức kỹ năng tay nghề còn phải quan tâm rèn luyện đạo đức nghề nghiệp tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, ngoại ngữ, thể chất cho học sinh giải quyết tốt đầu ra (việc làm) cho học viên. Đánh giá chất lượng học sinh một cách nghiêm túc, xử lý kỷ luật nghiêm kịp thời, duy trì tốt trật tự trị an trong nhà trường tạo niềm tin, yên tâm cho gia đình và học sinh.

Các cơ sở dạy nghề có kế hoạch mở rộng liên kết với các trường nghề để mở thêm các lớp nghề dài hạn, linh động về thời gian học, có thể học buổi tối, học vào ngày nghỉ (chú ý tới việc đa dạng các lớp nghề dài hạn đáp ứng nhu cầu của số lượng học sinh muốn học lên trình độ cao hơn).

Thành lập các xưởng lao động sản xuất kết hợp với làm dịch vụ: Trước mắt là đầu tư kinh phí để thành lập được các xưởng thực hành may công nghiệp, khâu tay, hàn xì, sửa chữa xe máy, mộc dân dụng... Từng bước đưa các xưởng vào tham gia các hoạt động dịch vụ sản xuất tạo ra sản phẩm và trực tiếp cung cấp sản phẩm ra thị trường.

Phải tập trung đầu tư trang thiết bị hiện đại, nhà xưởng khang trang đủ rộng, đội ngũ giáo viên thực hành thực sự giỏi cho hoạt động này, tiến tới từng bước cho các xưởng tự hạch toán kinh doanh dưới sự điều tiết mang tính sư phạm của các trung tâm.

*\* Đối với từng nhóm đối tượng lao động nông thôn:*

+ *Nhóm lao động thuần nông:* Đối với lao động thuần nông cần phải huấn luyện cho người lao động nâng cao chất lượng lao động, đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa ngành nông nghiệp, vì vậy cần tập trung vào: Đào tạo, huấn luyện cho người nông dân phát triển các ngành nghề đặc trưng của địa phương như: trồng rau cao cấp, rau chất lượng cao (dưa chuột bao tử, cà chua, ngô rau,...) với công nghệ sạch. Chăn nuôi theo phương pháp và quy mô công nghiệp như: lợn nạc, gia cầm siêu thịt, siêu trứng,... Đào tạo nghề cho người nông dân thông qua các dự án phát triển việc làm, xóa đói giảm nghèo của địa phương.

+ *Đối với nhóm lao động trong khu vực có ngành nghề:* để nâng cao tỉ lệ lao động tham gia vào việc học nghề cũng như chất lượng đào tạo thì cần phải tập trung vào các vấn đề sau: Khuyến khích chủ cơ sở dạy nghề tiểu thủ công nghiệp, nghề truyền thống; Đào tạo nghề truyền thống tại các cơ sở dạy nghề huyện; Đào tạo chủ các cơ sở ngành nghề truyền thống.

+ *Đối với nhóm lao động chuyển đổi nghề:* Đối với nhóm lao động này, huyện cần phải định hướng ngành nghề tạo cho địa phương, xác định được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trong và ngoài huyện để có kế hoạch thực hiện đào tạo cho nông dân.

## KHUYẾN NGHỊ

*\* Đối với cơ quan Nhà nước, bộ ngành Trung ương*

Trong thời kỳ đất nước đẩy mạnh CNH - HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, chúng tôi mạnh dạn đưa ra các kiến nghị Đảng, Nhà nước, Quốc hội, các Bộ ngành Trung ương cần có chủ trương, chính sách hàng đầu “ Phổ cập nghề cho người lao động ” là rất bức xúc.

- Cần có cơ chế, chính sách tạo điều kiện tốt cho các TTDN liên kết đào tạo nhằm phát triển đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của xã hội; xây dựng các mô hình, hình thức và phương thức hợp tác, gắn kết giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo để nâng cao khả năng có việc làm cho người lao động sau khi được đào tạo; Phát triển mạnh các cơ sở dạy nghề tại doanh nghiệp để đào tạo nghề cho doanh nghiệp và cho xã hội và khuyến khích phát triển đào tạo nghề tại dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp.

- Cần đẩy mạnh xã hội hoá công tác phát triển đào tạo nghề, huy động các nguồn lực trong xã hội và cộng đồng quốc tế cho phát triển đào tạo nghề; Tạo sự bình đẳng giữa TTDN công lập và TTDN ngoài công lập trong dạy nghề (đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cán bộ quản lý; đặt hàng đào tạo...).

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế cho phát triển đào tạo nghề, nhất là cơ chế tài chính đảm bảo lợi ích đối với người dạy nghề, người học nghề, người lao động qua đào tạo nghề (tiền lương, vinh danh...), chính sách đối với doanh nghiệp tham gia dạy nghề, tạo động lực cho việc dạy và học nghề. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ phù hợp đối với cả người học và cơ sở dạy nghề, trong đó có cho vay ưu đãi để học nghề, Tăng cường vai trò của cộng đồng, của các đoàn thể, đặc biệt là các hội nghề nghiệp trong việc giám sát chất lượng đào tạo nghề.

- Tổ chức nghiên cứu và triển khai các mô hình đào tạo nghề cho các đối tượng: Chuyển đổi nghề; lao động trong vùng chuyên canh, lao động trong các làng nghề, lao động thuần nông nhằm đáp ứng nhu cầu người học, tiết kiệm thời gian và kinh phí để phát triển đào tạo nghề.

- Xây dựng cơ chế, quy định cụ thể trách nhiệm của doanh nghiệp trong đào tạo nghề.

*\* Đối với tỉnh Sơn La và Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh*

- Có chính sách khuyến khích các cơ sở đào tạo tận dụng khả năng, cơ sở của mình để tham gia sản xuất sản phẩm cho thị trường mà không phải chịu thuế để kết hợp học với hành, góp phần nâng cao thu nhập cho giáo viên. Trong điều kiện hiện tại số giáo viên dạy nghề chưa đủ đáp ứng cho việc đào tạo. Tiếp tục thực hiện chính sách cho người học nghề được vay vốn trong thời gian học và vốn giải quyết việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Sở Lao động Thương binh Xã hội căn cứ vào chức năng quyền hạn của mình, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát tất cả các hoạt động của các cơ sở dạy nghề trong tỉnh; tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền; chỉ đạo tổ chức các hội thi giáo viên dạy nghề giỏi cấp cơ sở và cấp tỉnh...; Hàng năm giao kế hoạch sớm, theo nhu cầu mà các cơ sở dạy nghề đề xuất; Tổ chức tổng kết đánh giá xếp loại nghiêm túc tất cả các hoạt động của các cơ sở dạy nghề trong tỉnh.

*\* Đối với UBND huyện và các cơ sở dạy nghề*

- Với tư cách là cơ quan trực tiếp quản lý, UBND huyện Yên Châu, tạo điều kiện thuận lợi nhất về cơ sở vật chất, về mặt bằng đất đai, về cơ chế chính sách về nguồn lực con người, giúp các TTDN có điều kiện cần và đủ để thực hiện tốt các mục tiêu, giải pháp đã đề ra; Sớm nâng cấp các TTDN đủ điều kiện lên Trường trung cấp nghề.



- Các TTDN cần phải có kế hoạch cụ thể cho từng năm, từng giai đoạn, tận dụng cao nhất các nguồn lực, phát huy nội lực, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà các TTDN đã đề ra; Chú trọng đổi mới và phát triển đào tạo nghề, đặc biệt quan tâm dạy nghề theo mô hình; Phải có lộ trình cụ thể để thực hiện thành công các giải pháp phù hợp với từng TTDN; Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giáo viên dạy nghề của các trung tâm, tiếp cận với thực tế, với thị trường. Thực hiện tốt các giải pháp đã được đề cập trong Luận văn này để phát triển đào tạo cho cơ sở dạy nghề của mình.

Tóm lại: Để phát triển đào tạo nghề tại các TTDN ở huyện Yên Châu đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp với sự quan tâm phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, mà nhân tố chính là sự quyết tâm cao và những nỗ lực phấn đấu của chính các TTDN trong việc chủ động thực hiện các mục tiêu chiến lược của mình.

## KẾT LUẬN

Phát triển đào tạo nghề hiện nay vẫn còn gặp nhiều thách thức, vừa phải mở rộng quy mô đào tạo vừa phải đảm bảo có chất lượng trong đào tạo và phát huy hiệu quả đào tạo thì mới đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Việc đề ra các giải pháp phát triển đào tạo nghề trong giai đoạn từ nay đến năm 2025 một cách có cơ sở khoa học và có ý nghĩa rất thiết thực.

Luận văn đã làm rõ các cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển đào tạo, thị trường lao động...từ đó nghiên cứu quá trình phát triển đào tạo tại các TTDN từ đó chỉ ra những thách thức, khó khăn và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển đào tạo nghề ở địa phương như: Cơ sở vật chất còn hạn chế, thiếu thốn, không đồng bộ, chưa cập với công nghệ của doanh nghiệp sử dụng lao động; phát triển chương trình đào tạo nghề chưa được thực hiện theo hướng hiện đại, đội ngũ giáo viên còn hạn chế về năng lực thực hành và nghiên cứu khoa học.

Với thực trạng và những nhân tố ảnh hưởng trên tới việc phát triển đào tạo nghề tại trung tâm dạy nghề của huyện, em đã đưa ra được những giải pháp cơ bản để phát triển đào tạo trong giai đoạn tới đó là: Xác định nhu cầu nguồn nhân lực theo cơ cấu nghề, trình độ đào tạo để từng bước đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động; Hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp đào tạo, nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ cán bộ, giáo viên; tăng cường liên kết, đa dạng hóa các loại hình liên kết; Thành lập các xưởng lao động sản xuất kết hợp với làm dịch vụ; Đẩy mạnh xã hội hoá công tác dạy nghề.

Do kiến thức có hạn nên bài viết khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý từ các giảng viên để bài viết có thể hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo số 355/BC-UBND của UBND huyện Yên Châu ngày 20 tháng 9 năm 2018 về kết quả thực hiện 9 năm thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo đề án 1956 giai đoạn 2010 - 2018 trên địa bàn huyện Yên Châu.
2. Ban Chấp hành Trung Ương Đảng (2010), Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020.
3. Bộ GD - ĐT (2000), Tài liệu hướng nghiệp THPT - Nhà xuất bản Giáo dục năm 2000.
4. Bộ Lao động - TB&XH (2007), Quy chế mẫu của Trung tâm dạy nghề, ban hành kèm theo Quyết định số 13/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 14/5/2007.
5. Bộ Lao động TB&XH (2011), Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề giai đoạn 2011-2020.
6. Bùi Thị Ngọc Thoa (2017), Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
7. Chu Đức Bình (2014), Dạy nghề cho lao động nông thôn Việt Nam
8. Cổng điện tử UBND huyện Yên Châu: [yenchau.sonla.gov.vn](http://yenchau.sonla.gov.vn)
9. Cục Thống kê tỉnh Sơn La - Phòng Thống kê huyện Yên Châu (2019), Niên giám thống kê năm 2016, 2017, 2018, 2019.
10. Hoàng Việt, Vũ Đình Thắng (2013), Giáo trình Kinh tế nông thôn (2013), NXB Đại học kinh tế Quốc dân
11. Nguyễn Tiệp (2007), Giáo trình Nguồn nhân lực, NXB Lao động xã hội.
12. Nguyễn Hồng Nhung (2017), Đào tạo nghề cho lao động nông thôn - Thực trạng, giải pháp

**13.** Nguyễn Thị Thao (2021), Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn

**14.** Quốc hội (2014), Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 số 74/2014/QH13

**15.** Quyết định số 01/2016/QĐ – UBND của Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu khóa XX, nhiệm kỳ 2016 – 2021.

**16.** Quyết định số 11/2017/QĐ - UBND ngày 18 tháng 12 năm 2017 của UBND huyện Yên Châu về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Lao động - TBXH huyện Yên Châu tỉnh Sơn La.

**17.** Trần Xuân Cầu (2008), Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.

**18.** Thanh Ngân (2020), “Huyện Yên Châu (Sơn La): Nỗ lực giảm nghèo nhanh, bền vững”.

<http://laodongxahoi.net/huyen-yen-chau-son-la-no-luc-giam-ngheo-nhanh-va-ben-vung-1317007.html> (Ngày 27/10/2020)

## **PHỤ LỤC**

**1.** Báo cáo số 529/BC-UBND ngày 13/9/2018 của UBND huyện Yên Châu về kết quả thực hiện 9 năm thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo đề án 1956 giai đoạn 2010 - 2018 trên địa bàn huyện Yên Châu.

**2.** Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 01/3/2018 của UBND huyện Yên Châu về việc triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn nguồn vốn 2018 thực hiện Đề án “đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020

**3.** Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 01/3/2016 của UBND huyện Yên Châu về việc triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện năm 2016.

**4.** Mẫu biểu khảo sát nhu cầu đào tạo nghề năm 2018 + 2019.

**5.** Bảng hỏi công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu.

## **PHỤ LỤC 1**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN CHÂU**

---

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

Số: 529 /BC-UBND

*Yên Châu, ngày 13 tháng 9 năm 2018*

### **BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện 9 năm thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động  
nông thôn theo đề án 1956 giai đoạn 2010 - 2018 trên địa bàn  
huyện Yên Châu**

---

Thực hiện Công văn số 3206/UBND-KT, ngày 15/9/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu báo cáo kết quả thực hiện như sau:

#### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 9 NĂM 2010-2018**

##### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Trên cơ sở văn bản chỉ đạo của cấp trên Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Hướng dẫn số 664/HD-LĐTBXH ngày 09/3/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc xây dựng kế hoạch triển khai Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 24/5/2011 của UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn và cán bộ cấp xã trên địa bàn tỉnh đến năm 2020” hàng năm. UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện chính sách dạy nghề một cách hiệu quả, phù hợp với điều kiện

thực tế tại địa phương và đảm bảo quyền lợi của người lao động khi được tham gia.

- Từ năm 2010 đến năm 2018 UBND huyện Yên Châu và các cơ quan chuyên môn đã ban hành 59 văn bản, trong đó có 26 quyết định, 17 kế hoạch và 16 báo cáo. Các văn bản chỉ đạo của huyện đã chỉ đạo, điều hành kịp thời các nội dung liên quan đến công tác đào tạo nghề vì vậy đã mang lại hiệu quả cho công tác đào tạo nghề trên địa bàn huyện.

## **2. Kết quả hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

### **2.1. Công tác tuyên truyền phổ biến chính sách, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn**

Thực hiện chuyên mục tuyên truyền về các chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước về chương trình dạy nghề theo quyết định số 1956 và nhu cầu việc làm trên các phương tiện thông tin đại chúng, tính đến thời điểm báo cáo phòng đã xây dựng được 40 chương trình truyền thanh, 16 chương trình truyền hình và 8 tin bài. Phối hợp với địa phương, các Hội, Đoàn thể thực hiện công tác tuyên truyền, tư vấn khảo sát đối tượng, đủ số lượng theo chỉ tiêu được giao, đúng nghề mà người lao động có nhu cầu. BCD đã tổ chức lồng ghép qua các Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước của địa phương về giảm nghèo trong đó có chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn được trên 7.000 lượt người; tập huấn về kỹ năng tuyên truyền tư vấn dạy nghề cho 15/15 Công chức và Cộng tác viên Lao động - TBXH xã. Các tổ công tác của BCD cấp xã đã chủ động tư vấn cho người dân, vận động người dân tham gia chương trình. Hằng năm đã có nhiều lượt người được tư vấn đào tạo nghề, lũy kế từ đầu chương trình có 8.768 lượt người được tư vấn, nhiều lao động nông thôn đã chủ động đến tìm hiểu và đăng ký tham gia đào tạo nghề.

## **2.2. Hoạt động điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn**

Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện đã có văn bản chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị liên quan hướng dẫn các xã điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của lao động trên địa bàn. Kết quả trong 9 năm điều tra, khảo sát có 12.772 lao động nông thôn đăng ký học nghề (*trong lao động đăng ký học nghề nông nghiệp chiếm tới 95,95%*). Tuy nhiên, kinh phí cho công tác điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu học nghề theo Đề án 1956 trong những năm qua không được bố trí; do vậy UBND huyện chỉ đạo khảo sát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn đăng ký tham gia học với UBND các xã.

## **2.3. Các mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn có hiệu quả của Đề án**

Lựa chọn mô hình các nghề đào tạo gắn bó mật thiết với nông nghiệp, nông thôn như: Mô hình trồng rau tại xã Chiềng Păn, trồng nấm tại xã Chiềng Sàng, chăn nuôi lợn tại xã Chiềng Hặc; các mô hình trồng cây ăn quả tại xã Tú Nang và mô hình nông lâm tổng hợp tại xã Phiêng Khoài; chăm sóc và trồng cây ăn quả tại xã Chiềng Tương.

## **2.4. Hoạt động tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề của Đề án**

- *Phát triển mạng lưới dạy nghề cho lao động nông thôn:* Công tác dạy nghề hằng năm được thực hiện trên cơ sở lựa chọn các đơn vị có năng lực, đáp ứng các yêu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn trong và ngoài tỉnh để thực hiện đào tạo nghề, do đó không có hoạt động phát triển mạng lưới dạy nghề trên địa bàn huyện.

- *Hỗ trợ đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề:* Năm 2011 UBND huyện đã xây dựng đề án thành lập Trung tâm dạy nghề của huyện, được UBND tỉnh phê duyệt, công trình đã xây dựng và hoàn thành



vào cuối năm 2013 (kinh phí 12.500 triệu đồng), bao gồm nhà điều hành, nhà ở học viên, nhà bếp; thực hiện Quyết định của UBND tỉnh Sơn La về việc thành lập Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp và Dạy nghề huyện Yên Châu. Tuy nhiên đến nay trung tâm chưa đi vào hoạt động, vì vậy chưa có biên chế giáo viên dạy nghề, chưa được bố trí kinh phí để mua trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy nghề nên việc dạy nghề chủ yếu thực hiện bằng hình thức hợp đồng với các cơ sở đào tạo nghề trong và ngoài tỉnh.

## **2.5. Hoạt động phát triển chương trình, giáo trình, học liệu học nghề**

Trung tâm dạy nghề cấp huyện chưa đi vào hoạt động nên các hoạt động liên quan đến phát triển chương trình, giáo trình, học liệu học nghề chưa được thực hiện tại chỗ. Các đơn vị dạy nghề (theo hợp đồng) trên cơ sở năng lực đào tạo, tiêu chuẩn dạy nghề theo quy định đã thực hiện chuẩn bị đầy đủ chương trình, giáo trình, học liệu học nghề, đảm bảo các điều kiện giảng dạy, cơ sở vật chất cho việc thực hành, giúp cho người lao động vừa nắm được kiến thức, trau dồi kỹ năng thực tế để áp dụng vào phát triển sản xuất của gia đình

## **2.6. Xây dựng đội ngũ giáo viên, người dạy nghề, cán bộ quản lý nghề**

Trung tâm dạy nghề của huyện chưa có biên chế giáo viên dạy nghề, do đó việc xây dựng đội ngũ giáo viên, người dạy nghề chưa thực hiện được, lực lượng giáo viên chủ yếu hợp đồng từ các đơn vị dạy nghề và đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định.

## **2.7. Hoạt động hỗ trợ lao động nông thôn học nghề**

Tổng số lao động nông thôn được đào tạo 1.297 người trong đó: Nông nghiệp có 35 lớp với 1.297 học viên. Kết quả so với nhu cầu thực tế đạt 15,34%. Số người có việc làm sau đào tạo nghề: Với mục tiêu chủ yếu của

công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn là nâng cao nhận thức của lao động nông thôn, tăng thêm cơ hội việc làm, từ đó góp phần tăng thu nhập, chuyển dịch cơ cấu lao động. Trong những năm qua, đào tạo nghề cho lao động nông thôn chủ yếu tập trung vào các nghề nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất, tăng năng xuất lao động, chuyển dịch cơ cấu vật nuôi. Kết quả 9 năm (2010-2018) số lao động đã học xong là 1.235 người, số lao động tự tạo việc làm sau học nghề là chiếm khoảng 80%; kết quả so với mục tiêu đề ra đạt 94,11%, mục tiêu tạo việc làm sau khi đào tạo đạt 85% trở lên.

## **2.8. Các hoạt động hỗ trợ tạo việc làm cho lao động nông thôn sau đào tạo nghề**

Hàng năm UBND huyện chỉ đạo Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội phối hợp với Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh tổ chức Hội nghị tư vấn giới thiệu việc làm thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại trong tỉnh và ngoài tỉnh để lao động có cơ hội tìm kiếm việc làm đồng thời chỉ đạo Ngân hàng chính sách xã hội huyện tuyên truyền cho vay vốn để hỗ trợ tạo việc làm tại địa phương.

## **2.9. Đánh giá hoạt động của Ban Chỉ đạo Đề án 1956 huyện**

- Về các hoạt động chung: Ngay sau khi thành lập BCD Đề án 1956 huyện đã ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, khi có sự thay đổi về mô hình, tổ chức đã kịp thời tham mưu cho UBND huyện ban hành quyết định kiện toàn. Quá trình hoạt động BCD đã bám sát mục tiêu của Đề án, hướng dẫn của các Bộ, Ngành Trung ương, của tỉnh để triển khai phù hợp với thực tế trên địa bàn huyện, đảm bảo tiến độ và chất lượng.

- Đánh giá về hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban chỉ đạo Đề án

+ Công tác kiểm tra, giám sát được quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả. Trong 9 năm các cấp đã thành lập 28 cuộc kiểm tra, thực hiện đề

án, cụ thể như sau: BCD 1956 của tỉnh: 2 cuộc; Kiểm toán nhà nước: 1 cuộc; Sở Nội vụ: 1 cuộc; HĐND huyện Yên Châu: 01 cuộc; BCD chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo tỉnh: 2 cuộc; Sở Lao động -TBXH: 11 cuộc và Phòng Lao động-TBXH: 10 cuộc.

+ Nội dung kiểm tra: Trình độ giáo viên được cử tham gia giảng dạy, thời gian giảng dạy, giáo án, giáo trình, sổ sách giáo viên, mức nhận thức của học viên, sự phối hợp của chính quyền cấp xã, việc sử dụng kinh phí, quá trình thực hành.

+ Hình thức, phương pháp, nội dung giám sát: Đoàn kiểm tra giám sát trực tiếp tại các lớp học, kiểm tra giáo án của giáo viên, kỹ năng giảng dạy, kỹ năng thực hành, thời gian thực hiện lên lớp của giáo viên, học viên; nội dung giáo án so với chương trình của đơn vị dạy nghề xây dựng, cách thức ghi chép, khả năng nhận thức, khả năng áp dụng kiến thức của học viên...

+ Các kiến nghị giám sát đối với các đơn vị được giám sát: Điều chỉnh, khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại đảm bảo cho công tác dạy nghề có hiệu quả, tổ chức các lớp dạy nghề cần khoa học, chặt chẽ đặc biệt là việc duy trì sỹ số học viên tham gia học lý thuyết, thực hành chưa đc thường xuyên liên tục

## **2.10. Về kinh phí thực hiện Đề án**

- Tổng kinh phí thực hiện từ năm 2010-2019 là 3.653 triệu đồng từ nguồn kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

- Nhu cầu kinh phí để đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2019 là 20.020 triệu đồng, thực tế đáp ứng được 3.653 triệu đồng chiếm 18.2%, kinh phí hàng năm được cấp kịp thời

-Việc phân bổ kinh phí, triển khai thực hiện hỗ trợ cho đối tượng học nghề, cho đơn vị đào tạo, kịp thời, thuận lợi và đã phát huy được hiệu quả nguồn vốn

### **3. Đánh giá chung**

#### **3.1. Những mặt đạt được**

- Qua hơn 9 năm triển khai thực hiện Đề án, từ các nguồn kinh phí, UBND huyện đã thực hiện đào tạo nghề cho 1.297 lao động nông thôn và người nghèo. Công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn đã phát huy hiệu quả thiết thực, lao động nông thôn và người nghèo có được cơ hội trang bị kiến thức, nâng cao năng lực, trình độ khoa học kỹ thuật để phát triển kinh tế gắn với việc làm ổn định, tăng thu nhập, góp phần thực hiện công cuộc xóa đói giảm nghèo tại địa phương

- Tạo được chuyển biến cơ bản quan trọng trong nhận thức của người lao động, về vai trò quan trọng của dạy nghề cho lao động nông thôn với phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn huyện.

- Hiệu quả đào tạo nghề được nâng lên, người học nghề được tiếp cận, phổ biến kiến thức mới về lĩnh vực mình được đào tạo, biết cách làm ăn, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, tự tạo việc làm qua đó nâng cao thu nhập cho bản thân và gia đình, góp phần ổn định cuộc sống. Kết quả trên đã góp phần tích cực trong việc thay đổi tư duy lao động sản xuất của người dân, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, dạy nghề gắn liền với giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững trong khu vực nông thôn.

- Chính sách cho người lao động được công khai minh bạch, người lao động được hỗ trợ học nghề miễn phí, các đối tượng được ưu tiên hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại theo chính sách của Đề án.

#### **3.2. Những vướng mắc, bất cập, tồn tại, hạn chế**

- *Những vướng mắc, bất cập của cơ chế, chính sách:* Đề án 1956 đề ra mục tiêu thực hiện cao, tuy nhiên nguồn kinh phí còn hạn chế (trên địa bàn huyện kinh phí bố trí chỉ đạt 18.2% so với mục tiêu của huyện đề ra theo Đề án 1956); việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa thống nhất

từ Trung ương đến địa phương, một số chính sách dạy nghề hai Bộ, hai ngành cùng thực hiện (Bộ Lao động - TB&XH, Bộ NN&PTNT), do đó việc chỉ đạo tổ chức triển khai, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đôi lúc còn chồng chéo.

- *Những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện:*

+ Tỷ lệ LĐNT được đào tạo nghề còn thấp so với mục tiêu của Đề án; chất lượng đào tạo chưa cao thể hiện qua việc áp dụng kiến thức vào sản xuất, canh tác của người lao động; việc triển khai đào tạo nghề có nội dung chưa sát với thực tế.

+ Công tác tổ chức, điều tra khảo sát của các xã, thị trấn hàng năm chưa sát với thực tiễn, chưa đúng thời điểm, do vậy việc lựa chọn nghề để đưa vào giảng dạy cho người lao động chưa sát với nhu cầu thực tế của người lao động nên hiệu quả sau dạy nghề tạo việc làm đạt tỷ lệ chưa cao.

+ Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện dạy nghề còn hạn chế.

### **3.3. Nguyên nhân**

- *Nguyên nhân chủ quan:* Công tác phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị chưa đồng bộ, các nội dung triển khai chủ yếu do cơ quan thường trực phối hợp UBND các xã thực hiện, chưa có sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể; việc kiểm tra giám sát chưa sâu, nhiều nội dung chưa cụ thể; công tác khảo sát điều tra nhu cầu học nghề chưa sát với thực tế, việc tổ chức xây dựng kế hoạch triển khai còn chậm chưa phù hợp; một số thành viên ban chỉ đạo cấp huyện, cấp xã thiếu tích cực chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao; một bộ phận người lao động không xác định được lợi ích của việc học nghề nên chưa tích cực, chủ động tham gia; công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề chưa chặt chẽ.

- *Nguyên nhân khách quan:* Cơ chế chính sách trong công tác quản lý đào tạo nghề còn có nội dung chưa thống nhất, còn chồng chéo; nguồn kinh phí hạn hẹp chưa đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề tại địa phương; điều kiện địa lý không thuận lợi, giao thông đi lại khó khăn đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc điều tra, khảo sát và triển khai các lớp dạy nghề; cơ sở đào tạo nghề của huyện chưa đủ điều kiện về trang thiết bị, thiếu giáo viên dạy nghề nên chưa chủ động được trong việc tổ chức dạy nghề.

## **II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2019-2020**

1. Nhằm giải quyết tình hình lao động nông thôn dồi dư, thiếu việc làm ở nông thôn, đảm bảo cho những người lao động có sức lao động, có nhu cầu học nghề được tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề của bản thân.

2. Tạo điều kiện cho lao động nông thôn nâng cao trình độ về khoa học kỹ thuật, tay nghề; chủ động lập thân, lập nghiệp, tạo cơ hội tìm việc làm, vận dụng những kiến thức hiểu biết áp dụng vào thực tế lao động sản xuất, kinh doanh dịch vụ...góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc, nâng cao thu nhập.

3. Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo.

4. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền sâu rộng trong cộng đồng xã hội trên các phương tiện thông tin đại chúng về mục đích, vai trò, ý nghĩa của việc triển khai có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

5. Tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở dạy nghề, các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn nhằm kịp thời chấn chỉnh các cơ sở dạy nghề, các lớp dạy nghề chưa thực hiện đúng các quy định về chính sách dạy nghề góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

**6. Làm cho người dân luôn tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của đúng đắn của Đảng và Nhà nước thông qua chương trình, mục tiêu quốc gia về đào tạo nghề nghiệp, giải quyết việc làm.**

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện 9 năm thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo đề án 1956 giai đoạn 2010-2018 trên địa bàn huyện Yên Châu./.

***Nơi nhận:***

- Sở NN&PTNT tỉnh;
- TT UBND huyện (B/c);
- Lưu: VT, LĐTBXH (15b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Chiến**

## **PHỤ LỤC 2**

**UỶ BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **98** /KH-UBND

*Yên Châu, ngày 01 tháng 3 năm 2018*

### **KẾ HOẠCH**

**Triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn nguồn vốn 2018 thực hiện Đề án “đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”**

---

Căn cứ Nghị định số 70/2009/NĐ-CP ngày 21/8/2009 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về dạy nghề;

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ công văn số 664/LĐTBOXH-TCDN ngày 9/3/2010 của Bộ Lao động - TBXH hướng dẫn xây dựng kế hoạch triển khai Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2010”;

Căn cứ Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 8/02/2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2018;

UBND huyện Yên Châu xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ nguồn vốn năm 2018, thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.**

##### **1. Mục đích:**

- Nhằm giải quyết tình hình lao động nông thôn dôi dư, thiếu việc làm ở nông thôn, đảm bảo cho những người có sức lao động, có nhu cầu học nghề



được tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề của bản thân.

- Tạo điều kiện cho lao động nông thôn nâng cao trình độ về khoa học kỹ thuật, tay nghề; chủ động lập thân, lập nghiệp, tạo cơ hội tìm việc làm, vận dụng những kiến thức hiểu biết áp dụng vào thực tế lao động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ...góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc, nâng cao thu nhập.

- Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo.

- Làm cho người dân luôn tin tưởng vào đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Nhà nước thông qua chương trình, mục tiêu quốc gia về đào tạo nghề nghiệp, giải quyết việc làm.

## **2. Yêu cầu:**

- Khai thác tối đa nguồn lực xã hội; động viên khuyến khích lao động nông thôn tham gia học nghề; có phương pháp đào tạo mới, hiệu quả, phù hợp với trình độ của lao động và nhu cầu của xã hội; chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, trình độ nghề nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện.

- Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ dạy nghề cho lao động nông thôn, thực hiện Dự án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” chuẩn bị mọi điều kiện cơ sở vật chất, địa điểm cũng như đội ngũ giáo viên trong việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo kế hoạch.

- Lao động học nghề cần hiểu biết được vai trò, vị trí của học nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội. Có ý thức tự giác học tập, nâng cao trình độ nhận thức về chuyên môn tay nghề, hoàn thành khóa học đạt kết quả, chất lượng.

## **II. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN.**

### **1. Đối với Phòng Lao động - TBXH.**

1.1. Chủ trì phối hợp với các phòng, ban có liên quan, đơn vị có chức năng về dạy nghề phối hợp với UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cho lao động nông thôn và chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dạy nghề, học nghề đối với đối tượng lao động nông thôn. Trọng tâm là thực hiện quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng hính phủ về việc phê duyệt Đề án “Dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

1.2. Hướng dẫn phối hợp với UBND các xã, thị trấn điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn trên phạm vi toàn huyện, lựa chọn xây dựng mô hình và nhân rộng mô hình dạy nghề, lựa chọn ngành, nghề để đào tạo phù hợp với đối tượng và điều kiện sản xuất, dịch vụ từng địa phương cho lao động nông thôn, gắn dạy nghề với tạo việc làm cho người lao động.

1.3. Tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ, phù hợp với nhu cầu dạy nghề, gắn với việc làm của từng địa phương. Tạo điều kiện thuận lợi cho lao động nông thôn tham gia học nghề và thực hiện đầy đủ các chính sách theo Quyết định 1956/QĐ-TTg về dạy nghề cho lao động nông thôn.

1.4. Tổng hợp báo cáo danh sách lao động nông thôn có nhu cầu học nghề trên địa bàn, báo cáo UBND huyện, Sở Lao động - TBXH trước khi khai giảng lớp học và kết quả đào tạo sau khi kết thúc khóa học.

1.5. Trên cơ sở nguồn vốn được giao xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng khóa học trình cấp thẩm quyền thẩm định phê duyệt, tăng cường quản lý nhà nước về dạy nghề trên địa bàn, quản lý sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo quy định, thường xuyên phối hợp kiểm tra giám sát chất lượng dạy nghề từng khóa học.

## **2. Đối với UBND các xã, thị trấn:**

2.1. Tổ chức điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề đối với lao động nông thôn trên địa bàn quản lý, triển khai chỉ đạo trưởng bản, tiểu khu và các đoàn thể cơ sở bản nắm nhu cầu và lập danh sách đối tượng đăng ký học nghề (bao gồm: lao động trong độ tuổi từ 16 đến 55 tuổi đối với nam và từ 16 đến 45 tuổi đối với nữ). Có phụ lục nghề, ngành học kèm theo để đối tượng có nhu cầu học nghề lựa chọn, đăng ký cho phù hợp với đối tượng và tình hình phát triển, sản xuất, dịch vụ của địa phương.

2.2. Trên cơ sở danh sách các bản, tiểu khu lập và đăng ký học nghề. UBND xã tổng hợp đối tượng đăng ký theo nhóm, ngành nghề, phê duyệt danh sách gửi về UBND huyện **trước ngày 30/4/2018** (qua Phòng Lao động - TBXH huyện để tổng hợp). Báo cáo cấp có thẩm quyền.

2.3. Phối hợp với phòng, ban chuyên môn của huyện, đơn vị thực hiện dạy nghề tuyển sinh phê duyệt lập danh sách học viên, thông báo triệu tập học viên tham gia lớp dạy nghề theo lịch và kế hoạch đào tạo. thực hiện giám sát và phân công cán bộ xã tham gia ban quản lý các lớp đào tạo nghề trên địa bàn xã.

Trên đây là Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2018, thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”. Đề nghị cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ và UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp, tạo điều kiện cho việc tổ chức lớp đào tạo nghề đảm bảo hiệu quả, chất lượng theo kế hoạch đề ra./.

**Nơi nhận:**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

- Sở Lao động - TBXH tỉnh;
- TT Huyện Ủy;
- TT HĐND, UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, thị trấn mở lớp đào tạo nghề;
- Lưu: VT, LĐ, Lửa 20b.

### **PHỤ LỤC 3**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN CHÂU**

Số: 121 /KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Yên Châu, ngày 01 tháng 03 năm 2016*

### **KẾ HOẠCH**

**Triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn  
theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của  
Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện năm 2016**

Căn cứ Nghị định số 70/2009/NĐ-CP ngày 21/8/2009 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về dạy nghề;

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNN&PTNT-BCT-BTTTT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - TB và Xã Hội - Bộ Nội Vụ - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Công Thương - Bộ Thông tin và Truyền Thông về hướng dẫn trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Công văn số 5383/LĐTBXH-TCDN ngày 30/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn nhiệm vụ và tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2016;

Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2016 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Nhằm giải quyết tình hình lao động nông thôn dồi dư, thiếu việc làm ở nông thôn, đảm bảo cho những người có sức lao động, có nhu cầu học nghề được tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề của bản thân. Tạo điều kiện cho lao động nông thôn nâng cao trình độ về khoa học kỹ thuật, tay nghề; chủ động lập thân, lập nghiệp, tạo cơ hội tìm việc làm, vận dụng những kiến thức hiểu biết áp dụng vào thực tế lao động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ...góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc, nâng cao thu nhập.

- Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo.

- Đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động theo các mô hình đã thí điểm có hiệu quả đào tạo tại doanh nghiệp, làng nghề, vùng chuyên canh, thôn, bản, xã gắn đào tạo với liên kết sản xuất, hỗ trợ vốn sản xuất, tạo việc làm cho lao động nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

- Đào tạo nghề nông nghiệp cho các đối tượng là nông dân tham gia các vùng chuyên canh, có hợp đồng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm doanh nghiệp. Lao động nông thôn làm kỹ thuật nông nghiệp, làm nghề nông nghiệp có yêu cầu trình độ kỹ thuật.

### **2. Yêu cầu**

- Khai thác tối đa nguồn lực xã hội, động viên khuyến khích lao động nông thôn tham gia học nghề, có phương pháp đào tạo mới, hiệu quả, phù hợp với trình độ của lao động và nhu cầu của xã hội; chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, trình độ nghề nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện.

- Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ dạy nghề cho lao động nông thôn, thực hiện Dự án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”

chuẩn bị mọi điều kiện cơ sở vật chất, địa điểm cũng như đội ngũ giáo viên trong việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo kế hoạch.

- Lao động học nghề cần hiểu biết được vai trò, vị trí của học nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội. Có ý thức tự giác học tập, nâng cao trình độ nhận thức về chuyên môn tay nghề, hoàn thành khóa học đạt kết quả, chất lượng.

## **II. KẾ HOẠCH MỞ LỚP**

### **1. Công tác chuẩn bị**

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổng hợp nhu cầu đào tạo phù hợp với người lao động tại địa phương; thống nhất với UBND các xã chọn địa điểm mở lớp và cơ sở vật chất phục vụ các lớp đào tạo nghề.

- Xây dựng kế hoạch kinh phí đảm bảo phục vụ các lớp đào tạo nghề.

- Tiến hành ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng dạy nghề đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sơn La cấp giấy phép hành nghề.

### **2. Kế hoạch mở các lớp đào tạo nghề cụ thể như sau**

- Tổng số lớp: 8 lớp, trong đó:

+ 6 lớp kỹ thuật Nông lâm nghiệp (*Kỹ thuật trồng bông, kỹ thuật trồng rau an toàn, kỹ thuật trồng cây ăn quả*).

+ 02 lớp phi nông nghiệp (*Kỹ thuật gò hàn, sửa chữa máy nông nghiệp*).

- Tổng số học viên: 280 người.

- Đối tượng tham gia lớp học: Hộ nghèo, dân tộc thiểu số.

- Thời gian mở lớp, địa điểm mở lớp: sẽ triển khai trong quý II - quý III năm 2016

## **III. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn có liên quan của huyện xây dựng kế hoạch, dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án hàng năm trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Hướng dẫn cán bộ làm công tác Lao động -Thương binh và Xã hội cấp xã xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án hàng năm trình Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định danh mục nghề đào tạo và nhu cầu học nghề phi nông nghiệp của lao động nông thôn trên địa bàn huyện;

- Tổng hợp danh mục nghề nông nghiệp, nghề phi nông nghiệp; nhu cầu học nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp và kế hoạch dạy nghề nông nghiệp, nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Chủ trì, phối hợp với phòng Kinh tế - Hạ tầng, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lựa chọn các cơ sở có đủ điều kiện dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện theo quy định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án trên địa bàn huyện;

- Định kỳ hàng tháng báo cáo tình hình thực hiện Đề án và hàng năm đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong thực hiện Đề án trên địa bàn huyện, trình Ủy ban nhân dân huyện.

## **2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Cung cấp thông tin về định hướng, các quy hoạch sản xuất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới của huyện và hướng dẫn cấp xã xác định danh mục

nghề đào tạo, nhu cầu học nghề nông nghiệp của lao động nông thôn trên địa bàn xã.

- Chủ trì xác định danh mục nghề đào tạo và nhu cầu học nghề nông nghiệp của lao động nông thôn trên địa bàn huyện, gửi phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án trên địa bàn huyện.

### **3. Phòng Kinh tế - Hạ tầng**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan khảo sát, xác định nhu cầu sử dụng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn huyện, gửi phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Hướng dẫn các xã khai thác thông tin thị trường hàng hóa cho lao động nông thôn trên các kênh thông tin về tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm; hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án trên địa bàn huyện.

### **4. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

- Chủ trì, phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, phòng Nội vụ, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định kế hoạch và dự toán kinh phí để thực hiện các hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.



- Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án trên địa bàn huyện;

## **2. UBND các xã, thị trấn**

- Thành lập, kiện toàn ban chỉ đạo thực hiện Đề án; có quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sản xuất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới làm cơ sở để thực hiện dạy nghề cho lao động nông thôn;

- Phổ biến các chính sách, quy định về dạy nghề cho lao động nông thôn; cung cấp các thông tin về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, các thông tin về nghề đào tạo, điều kiện của nghề học để người lao động nông thôn biết, tự lựa chọn nghề học phù hợp;

- Thống kê số lao động nông thôn có nhu cầu thực tế cần học nghề trên địa bàn xã (bao gồm: lao động trong độ tuổi từ 16 đến 55 tuổi đối với nam và từ 16 đến 45 tuổi đối với nữ); nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn; tuyên truyền, tư vấn cho lao động nông thôn lựa chọn nghề học phù hợp; đề xuất danh mục nghề đào tạo, nhu cầu học nghề của lao động nông thôn gửi phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhu cầu đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức xã gửi phòng Nội vụ;

- Xây dựng kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn của xã gửi phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, gửi phòng Nội vụ;

- Xác nhận vào đơn xin học nghề của người lao động nông thôn trong xã về đối tượng theo quy định và các điều kiện để làm việc theo nghề đăng ký học;

- Phối hợp với các cơ sở được giao nhiệm vụ dạy nghề cho lao động nông thôn để tuyển lao động nông thôn học nghề đủ điều kiện;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn xã;

- Lập danh sách theo dõi, thống kê số người đã học nghề, số người có việc làm theo từng hình thức, số hộ thoát nghèo, số hộ trở thành hộ khá, số người chuyển sang làm công nghiệp, dịch vụ sau khi học nghề trên địa bàn xã;

- Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức đoàn thể của xã, thôn tham gia vào việc tuyên truyền, tư vấn học nghề cho lao động nông thôn và giám sát các lớp dạy nghề ở xã;

Trên đây là Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2016, thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”. Đề nghị cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ và UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp, tạo điều kiện cho việc tổ chức lớp đào tạo nghề đảm bảo hiệu quả, chất lượng theo kế hoạch đề ra./.

***Nơi nhận:***

- Sở Lao động - TBXH tỉnh;
- TT. Huyện Ủy;
- TT. HĐND, UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBXH, Lửa, 26 bản

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Chiến**

## PHỤ LỤC 4

HỢP TÁC XÃ  
.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### PHIẾU ĐĂNG KÝ NHU CẦU ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Tên hợp tác xã:.....
2. Địa chỉ: Xã (thị trấn):.....huyện.....tỉnh Sơn La
3. Điện thoại liên hệ: Cố định.....Di động.....

| TT | Tên nghề cần đào tạo | Số lượng | Trình độ cần đào tạo |           |        |                           | Ghi chú |
|----|----------------------|----------|----------------------|-----------|--------|---------------------------|---------|
|    |                      |          | Cao đẳng             | Trung cấp | Sơ cấp | Thường xuyên dưới 3 tháng |         |
| 1  |                      |          |                      |           |        |                           |         |
| 2  |                      |          |                      |           |        |                           |         |

**Nơi nhận:**

- UBND xã, thị trấn;
- Lưu: HTX.

Sơn La, ngày tháng năm  
**CHỦ NHIỆM**  
(Ký tên, đóng dấu)

UBND HUYỆN.....  
XÃ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO NGHỀ

Điện thoại liên hệ: Cố định.....Di động.....

| TT | Họ và tên | Địa chỉ | Tên nghề cần đào tạo | Trình độ cần đào tạo |           |        |                           | Ghi chú |
|----|-----------|---------|----------------------|----------------------|-----------|--------|---------------------------|---------|
|    |           |         |                      | Cao đẳng             | Trung cấp | Sơ cấp | Thường xuyên dưới 3 tháng |         |
| 1  |           |         |                      |                      |           |        |                           |         |
| 2  |           |         |                      |                      |           |        |                           |         |

## PHỤ LỤC 5 BẢNG HỎI

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

*(Dành cho người lao động nông thôn)*

Phiếu số:      Ngày điều tra:      /../20....

Thưa: Anh/chị

Tôi là học viên cao học, chuyên ngành: Quản trị Nhân lực của trường Đại học Lao động - Xã hội. Hiện nay tôi đang thực hiện đề tài luận văn: “**Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La**”. Mong Anh/chị vui lòng giúp chúng tôi hoàn thành bảng hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu ‘x’ vào phương án thích hợp nhất với anh/chị. Mọi thông tin được cung cấp chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu.

### **I. Thông tin cá nhân (tức người lao động nông thôn)**

Họ và tên: (có thể ghi hoặc không).....

Năm sinh:..... Giới tính:    ☐ Nam   ☐ Nữ

Xã/ thị trấn....., huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

#### **1. Trước khi theo học anh/chị làm nghề gì?**

- ☐ Trồng trọt, chăn nuôi
- ☐ Buôn bán, sản xuất nhỏ
- ☐ Đi làm thuê
- ☐ Không làm gì
- ☐ Khác (ghi cụ thể):.....

#### **2. Công việc hiện tại của anh/chị là gì?**

- ☐ Tự làm nông nghiệp
- ☐ Làm công hưởng lương
- ☐ Tự mở doanh nghiệp, hộ sản xuất, kinh doanh có thuê lao động
- ☐ Tự sản xuất phi nông nghiệp, kinh doanh không thuê lao động

## **II. Các thông tin về đào tạo nghề cho lao động nông thôn**

**1. Từ năm 2015 đến nay anh/chị có tham gia học tại lớp đào tạo nghề tại địa phương không?**

- ☐ Có (chuyển câu hỏi 5)
- ☐ Không (chuyển câu hỏi số 2)

**2. Anh/chị có nhu cầu tham gia học nghề tại địa phương không?**

- ☐ Có (chuyển câu hỏi số 3)
- ☐ Không (chuyển câu hỏi số 4)

**3. Anh/chị muốn học ngành nghề gì?**

- ☐ Nông nghiệp
- ☐ Tiểu thủ công nghiệp
- ☐ Công nghiệp
- ☐ Thương mại, dịch vụ
- ☐ Khác (ghi cụ thể):

**4. Lý do anh/chị không muốn tham gia học nghề?**

- ☐ Đào tạo chưa gắn với giải quyết việc làm ☐ Do tâm lý muốn học một chương trình cao hơn ☐ Do điều kiện kinh phí
- ☐ Do chất lượng đào tạo nghề không đảm bảo
- ☐ Do không biết thông tin
- ☐ Lý do khác ( ghi cụ thể):

**5. Ngành nghề đào tạo nào mà anh/chị đã tham gia:**

- ☐ Nông nghiệp
- ☐ Tiểu thủ công nghiệp
- ☐ Thương mại, dịch vụ
- ☐ Công nghiệp
- ☐ Khác (ghi cụ thể):

**6. Anh/chị biết thông tin về chương trình đào tạo nghề cho người lao động huyện qua thông tin nào?**

- ☐ Qua các thông tin đại chúng (báo, đài, internet,..)
- ☐ Qua cán bộ địa phương tuyên truyền, giới thiệu

Khác:.....

**7. Mục đích tham gia vào khóa đào tạo nghề của anh/chị:**

- ☐ Nâng cao tay nghề để phục vụ cho công việc hiện tại
- ☐ Có cơ hội tìm việc làm tốt hơn
- ☐ Có chứng chỉ nghề để mở rộng sản xuất, kinh doanh Được hưởng các chế độ chính sách

☐ Khác (ghi cụ thể):

**8. Thời gian khóa học nghề anh/chị tham gia?**

Ghi cụ thể:.....

**9. Xin anh/chị cho biết khi tham gia vào các lớp đào tạo nghề, anh/chị có phải trả chi phí không?**

☐ Có. Xin ghi cụ thể kinh phí: (1.000 VNĐ).....

☐ Không

**10. Trước khi học nghề anh/chị được tổ chức/cá nhân nào tư vấn học nghề?**

- ☐ Đoàn thanh niên
- ☐ Chính quyền địa phương
- ☐ Cơ sở dạy nghề
- ☐ Trường phổ thông
- ☐ Trung tâm dịch vụ việc làm
- ☐ Gia đình/người thân/bạn bè
- ☐ Không được tư vấn
- ☐ Khác (ghi cụ thể):.....

**11. Anh/ chị tham gia ý kiến với các mức độ đồng ý sau:**

| Nội dung                                                                       | Mức độ đồng ý    |              |             |        |                  |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------|-------------|--------|------------------|
|                                                                                | Hoàn toàn đồng ý | Không đồng ý | Bình thường | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
| Công tác tư vấn hướng nghiệp có chất lượng cao                                 |                  |              |             |        |                  |
| Nghề mà anh/ chị được học có phù hợp với sở trường của bản thân?               |                  |              |             |        |                  |
| Chương trình đào tạo, giáo trình của nghề anh/ chị đã học rất phù hợp          |                  |              |             |        |                  |
| Phương pháp giảng dạy của giảng viên rất phù hợp                               |                  |              |             |        |                  |
| Lớp học lý thuyết, thực hành rất đầy đủ trang thiết bị                         |                  |              |             |        |                  |
| Sau khi học nghề xong anh/ chị dễ dàng tìm được việc làm                       |                  |              |             |        |                  |
| Nghề và chuyên môn kỹ thuật đã được đào tạo rất phù hợp với công việc hiện tại |                  |              |             |        |                  |

**12. Anh/chị thông qua các kênh nào sau khi tham gia các lớp đào tạo nghề không?**

- ☐ Tự tìm hiểu trên các phương tiện thông tin
- ☐ Thông qua các hội
- ☐ Thông qua trung tâm giới thiệu việc làm
- ☐ Bạn bè, người thân giới thiệu
- ☐ Khác (ghi cụ thể):.....

**13. Trước khi học nghề gia đình anh/chị là hộ?**

- ☐ Khá, giàu
- ☐ Cận nghèo
- ☐ Trung bình

☐ Nghèo

**14. Hiện nay anh/chị là hộ?**

☐ Khá, giàu

☐ Cận nghèo

☐ Trung bình

☐ Nghèo

XIN CẢM ƠN SỰ HỢP TÁC CỦA ANH/ CHỊ!



## PHỤ LỤC 6

### BẢNG HỎI

Mức độ phối hợp trong đào tạo nghề

*(Dành cho doanh nghiệp)*

Phiếu số:    Ngày điều tra:    /../20....

Thưa: Anh/chị

Tôi là học viên cao học, chuyên ngành: Quản trị Nhân lực của trường Đại học Lao động - Xã hội. Hiện nay tôi đang thực hiện đề tài luận văn: “**Đào tạo nghề cho lao động nông thôn huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La**”. Mong Anh/chị vui lòng giúp chúng tôi hoàn thành bảng hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu ‘x’ vào phương án thích hợp nhất với anh/chị. Mọi thông tin được cung cấp chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu.

#### **I. Thông tin của doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp: .....

Địa chỉ liên hệ:.....

Lĩnh vực kinh doanh.....

**1. Doanh nghiệp của anh/ chị hiện tại có nhu cầu tuyển nhân viên không?**

☐ Có

☐ Không

**2. Anh/chị muốn tuyển nhân viên theo hình thức nào?**

☐ Nhân viên chính thức

☐ Thực tập

☐ Nhân viên bán thời gian

**3. Doanh nghiệp của Anh/chị thường sử dụng kênh nào để tuyển dụng lao động?**

☐ Qua phương tiện thông tin đại chúng

☐ Phát tờ rơi, quảng cáo

- ☐ Tuyển sinh tại các trường học
- ☐ Khác (ghi cụ thể:.....)

**4. Doanh nghiệp của Anh/ chị đã tham gia hoạt động nào trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn?**

- ☐ Tuyển sinh
- ☐ Xây dựng chương trình đào tạo
- ☐ Tham gia đào tạo
- ☐ Tiếp nhận học viên đến thực tập
- ☐ Cung cấp trang, thiết bị
- ☐ Nhận học viên sau khi tốt nghiệp vào làm việc

**5. Yêu cầu của Anh/ chị với người lao động ứng tuyển phải đảm bảo yêu cầu gì?**

( Mức độ đánh giá tăng dần từ 1 đến 4)

| <b>Tiêu chí đánh giá</b> | <b>1</b> | <b>2</b> | <b>3</b> | <b>4</b> |
|--------------------------|----------|----------|----------|----------|
| Kỹ năng chuyên môn       |          |          |          |          |
| Kỹ năng thực hành        |          |          |          |          |
| Kỹ năng làm việc nhóm    |          |          |          |          |
| Kỹ năng sử dụng tin học  |          |          |          |          |

**6. Theo Anh/ chị giải pháp nào sẽ giúp nâng cao khả năng phối hợp trong đào tạo nghề giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo?**

.....  
 .....  
 .....

**XIN CẢM ƠN SỰ HỢP TÁC CỦA ANH/ CHỊ!**